

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

**LUẬT XUẤT GIA
TÓM TẮT**
(PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

SOẠN SÁCH

TỶ KHUU HỘ TÔNG
VAÑSARAKKHITA BHIKKHU



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2537 - 1993



**CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG HỘ TÔNG
BẬC SƠ TỔ KHAI SÁNG
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY VIỆT NAM
(1893 - 1981)**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

LUẬT XUẤT-GIA

TÓM TẮT

(PABBAJITA VINAYA SAṄKHEPA)

SOẠN GIẢ:

VAN̄SARAKKHITA BHIKKHU

TỶ KHUU HỘ-TÔNG



THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
ẤN HÀNH PL. 2536 - 1993

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG
HỒ CHÍ MINH

*Tăng tỵ thành hoàng Phật-Tổ ha,
Tiên hiền đô-thị ẩn nham a,
Sơn tiên thủy xuất nhơn-gian khứ,
Thanh-thủy y-nhiên thành trực ba,*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀM PHƯƠNG

TIÊU TỰA

Khi Phật sắp nhập Niết-bàn ông "ANANDA" và ông "UPALI" có đến hỏi Phật : Bạch Đức Thế-Tôn sau khi Phật diệt độ, chúng tôi phải tôn ai làm thầy ?

Phật dạy " Phải tôn giới Ba-la-đề mọc-xa " làm thầy.

" Ba-la-đề mọc-xa " (Patimokkha) tàu dịch là: " Biệt-biệt giải-thoát ", nghĩa là giữ được một giới-luật thì thoát khỏi được một tội lỗi.

Phật lại nói: Như-Lai chế ra điều-học có mười điều lợi-ích là:

- 1) — Cho có điều tuyệt hảo đến Tăng.
- 2) — Cho có sự an-lạc đến Tăng.
- 3) — Để khiển trách những người bướng bỉnh phá giới.
- 4) — Cho có sự ở an đến tỳ-khưu trì-giới trong sạch, đáng kính mến.
- 5) — Để ngăn ngừa các lậu-phiền-não trong đời hiện tại.
- 6) — Để đẩy lui các lậu-phiền-não trong đời vị-lai.
- 7) — Cho những người chưa tin, phát tâm tín-ngưỡng.
- 8) — Cho những người đã tin, càng thêm tin.
- 9) — Cho Phật-Pháp được kiên cố lâu dài.
- 10) — Để hỗ-trợ Tạng-luật.

Chư tỳ-khưu vui thích trong sự xuất gia, nên ghi nhớ cho rõ các quả vui đều phát sanh do sự thông hiểu "Giới-luật" trước, cho có đức tín bền chắc trong giới-luật và cần phải thật hành theo cho thuần thực.

Người thông hiểu giới-luật ví như cha mẹ, như nơi nương nhờ của tất cả hạng người tín-ngưỡng Phật-Pháp. Những người đã thọ Sadi hoặc Tỳ-khưu giới thực hành theo điều trọng và điều khinh và biết rõ nơi nào nên tới lui, hoặc không nên tới lui (1) cũng đều nương theo người thông hiểu " giới-luật " ấy.

Người mà giữ giới trong sạch, đáng làm nơi nương nhờ cho hàng Phật-tử mong tìm sự an vui, thì hằng được tươi-tinh, nói năng trong khi hội họp, không chút chi e ngại. Người trì-giới có thể cảm hóa kẻ nghịch trở thuận, làm cho Phật-Pháp được hưng thịnh lâu dài.

Lại nữa giới-luật có lợi-ích phát sanh " sự thu thúc " (Samvara).

Thu-thúc có lợi ích phát sanh " sự không bất bình " (Vipatisāra).

Không bất-bình có lợi ích phát sanh " sự thỏa thích " (Pāmojja) :

Thỏa-thích có lợi ích phát sanh " sự no-lòng " (2) (pīti)

No lòng có lợi ích phát sanh " tâm yên lặng " (passaddhi):

Yên-lặng có lợi ích phát sanh " điều an-lạc " (Sukha)

An-lạc có lợi ích phát sanh " thiền định " (Samādhi) :

Thiền định có lợi ích phát sanh " sự hiểu biết rõ cả pháp theo chơn lý " (Yathābhūtanānadassana).

Hiểu biết rõ các pháp theo chơn-lý có lợi-ích phát sanh " sự chán-nản đối với chúng sanh và vật (nibbidā) :

(1) Không nên đi đến nhà điểm, nhà đàn bà góa, nhà gái
lỗi thời, bộ-nấp, chỗ tỳ khưu-ni, chỗ bán rượu.

(2) Thỏa thích rồi không biết đối gọi là no lòng.

Chán-nản trong chúng sanh và vật có lợi ích phát sanh
"sự xa lìa tình-dục" (Virāga) :

Xa lìa tình-dục có lợi-ích phát sanh " sự giải thoát khỏi
phiền não " (Vimutti) :

Giải thoát khỏi phiền não có lợi-ích phát sanh " sự hiểu
biết rõ ràng được giải-thoát " (Vimuttiñānadassana);

Hiểu biết rõ ràng được giải-thoát có lợi-ích phát sanh
"sự dứt khổ vì hết có chấp" (anupādāparinibbāna).

Quả báo mà phải được theo thứ tự ấy, đều do sự
trì-giới-luật cả.

Cớ ấy, hành giả muốn được sự an-vui tuyệt đối ở cảnh
Niết-bàn, chỉ nên tinh tấn vâng giữ giới-luật và hết lòng
thực hành theo cho chín-chắn ắt được như nguyện chẳng
sai.

Mong sao cho tất cả thân quyến chúng ta trong vũ-trụ
đều được an vui lâu dài, sớm mau hồi đầu hướng-thiện
qui-y Tam-bảo, thọ-trì giới luật, một lòng bất-thối, để tiến
bộ trên đường giải thoát, đạt đến Niết-bàn ngỏ hưởng
điều an-vui bất-diệt.

Mong thay

BHIKKHU VANSARAKKHITA (Hộ-Tông)

DẪN-TÍCH

Giải về : Nhân quả của sự Tri-giới

Từ xưa đến nay, các bậc trí-tuệ hằng thỏa-thích trong sự tiếp dẫn người đời, lánh dữ làm lành, hầu thọ hưởng những hạnh phúc lớn-lao và làm cho sự sống của mình được điều lợi ích. Hạng người như thế, đều là bậc cao đẳng, thường dứt bỏ gia-tài, danh-vọng và sự vui sướng trong ngũ-trần, xuất gia tu-hành để dạy bảo người đời noi theo chánh pháp mà tự mình đã giác ngộ. Đến khi có nhiều người sùng bái qui-y, thì được tôn làm "giáo chủ". Lời dạy bảo của bậc "giáo-chủ" ấy mà thiên hạ tôn ngưỡng thực hành theo, gọi là "tôn-giáo".

Tôn-giáo của Đức chánh-biến-trí mà được thanh-hành đến ngày nay là vì ngài giáng sanh nơi nhà vua, dòng Thích-ca tại xứ Trung-Ấn Độ, tên ngài là "Sĩ-đạt-Ta" (Siddhattha), phụ vương ngài là vua "Tịnh-phạn-Vương" (Suddhodana) trị vì trong xứ "Catylavê" (Kapilavatthu), mẫu hậu ngài là bà "Mada hoàng-hậu" (Mahamayadevi). Khi mới sanh ngài ra, có thầy xem tướng tiên đoán rằng : " Nếu ngài ở thế thì sẽ được làm Chuyển-luân-Vương bằng đi tu ắt làm một vị giáo-chủ trong thế gian. Khi ngài được 16 tuổi, phụ-vương ngài truyền ngôi cho làm chúa trong nước, hoàng-hậu của ngài là bà Bambā. Làm vua 13 năm, được 29 tuổi ngài bỏ ngôi, xuất-gia đi ẩn tu nơi rừng núi, nhằm ngày mà thái-tử (Rahulā)

là con ngài mới ra đời. Xuất-gia rồi, Ngài hằng tinh-tấn tu khổ-hạnh, tìm đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh giác, hết 6 năm mới được giác-ngộ, rồi ngài ngự đến các nơi để tùy duyên hóa-độ chúng-sanh thoát khỏi vòng khổ hải đến 80 hạ rồi nhập Niết-bàn.

Pháp và Luật mà ngài đã giảng giải gọi là "Phật-giáo" những người tu theo "Phật giáo" gọi là "Phật-tử".

Các Phật-Tử ấy chia ra làm 4 hạng người là : Tỳ-khuru, tỳ-khuru-ni, thiện-nam, tín nữ. Trong 4 hạng người ấy, các vị tỳ-khuru mà được thọ cụ-túc-giới đầu tiên hết là nhóm 5 tỳ-khuru "phe A-Nhã-Kiều Trần Như" (*Aññakoṇḍañña*).

Đầu tiên, Phật-Pháp còn mới, có ít tỳ-khuru, giới-luật là điều nâng-dỡ Chu-Tăng không cần phải có nhiều. Các vị Thinh-văn ấy đều là bậc A-la-hán tâm-tánh trong sạch, các ngài thấu rõ Phật-Pháp đều đủ và tôn-ngưỡng thật hành theo lý trung đạo mà Đức Giáo-chủ đã giải bày.

Đến khi Phật-giáo ngày càng thịnh-hành dần dần, số tỳ-khuru càng tăng trưởng, rồi ở riêng theo phe, theo đảng. Có hạng tỳ-khuru không được trong sạch tu hành không đúng đắn, cho nên đức Phật mới chế ra điều học.

LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ-LUẬT

Lẽ thường, loài người trong thế-gian, ở theo phe, theo đảng, không sao ở cho vừa ý nhau được, vì nhơn tâm mỗi người mỗi khác, sức không đồng nhau :

người có sức-lực, cộc-cần thì hà-hiếp kẻ yếu-đuối
nhu nhược phải chịu khổ không được an-vui.

Các đức vua trong nước hằng ngự chế hình-luật
để ngăn-cấm, quốc-dân không cho làm điều hung dữ.
Nếu có kẻ phạm nhằm quốc-cấm, sẽ bị nhà vua
trừng phạt. Đức vua cũng có ra lệnh khuyên làm
những việc lành cho chúng dân được an cư
lạc-nghiệp. Cho đến quân-lính cũng có pháp-luật dạy
răn mới có trật-tự nghiêm trang được.

Dẫu trong mỗi gia-tộc, cũng có phương pháp riêng
để cho thân quyến hành theo mới có thể ở yên dễ dàng
được.

Về phần người xuất-gia trong Phật-Pháp cũng
phải có phép để ngăn ngừa thân khẩu không cho làm
dữ, cho tâm được trong sạch. Đức Thích-ca-mâu-ni là
giáo-chủ của chúng ta, Ngài là bậc pháp-vương tiếp
độ các hàng Phật-Tử và là cha lành của Chư-Tăng,
Ngài hằng giáo-dục và chăm-nom sự quấy phải của
Giáo hội.

Ngài làm hướng đạo cho 2 điều :

1^o — Ngài chế điều-học để ngăn-ngừa, không cho
hàng " Phật tử " làm quấy. Nếu tỳ-khuru làm sai
phép, Ngài ra lệnh rằng : " phạm tội nặng, hoặc tội
nhẹ để răn mình chừa cải, luôn đến Chư-Tăng cũng
vậy ".

2^o — Ngài dạy làm sự phải, cho chư tỳ-khuru trau
dồi thân khẩu được trang nghiêm, theo các bậc
hiền-triết, Như các vị đế-vương trong nước, ngự
chế răn cấm quốc-dân không cho làm dữ, dạy phải

làm lành, hoặc như cha lành làm chủ trong gia-tộc, chỉ dẫn con cháu ăn ngay ở thật, theo thứ tự trong họ-hàng.

Pháp mà Đức-Phật cấm-chế và cho phép, dạy hàng Phật-tử lánh dữ làm lành hiệp lại gọi là "luật" nghĩa là pháp-tắc để trao dồi thân khẩu cho trang-nghiêm.

Pháp-luật ví như sợi chỉ xỏ bông làm tràng-hoa, người mà đã xuất-gia theo Phật-Pháp như hoa có màu sắc khác nhau, sợi chỉ có thể làm cho hoa đều đặn, cho có màu tươi tốt, liền-lạc, không cho rời-rời, cũng như "tạng-luật" có thể làm cho tỳ-khuru "Tăng" có cách-thức đẹp đẽ, không vụng-về.

Trong những hạng người tu theo Phật-Pháp làm tỳ-khuru hoặc sadi chẳng phải do một nhà hoặc một họ mà đến, đều là người người khác dòng khác giống, không đồng bực (bực cao, bực trung hoặc bực thấp). Có người khác nước, khác tiếng nói, khác xứ-sở, cho nên có thói quen khác nhau. Nếu không có Tạng-luật làm mực thước, hoặc có mà tỳ-khuru sadi không học cho hiểu biết, hoặc đã hiểu biết mà không hành theo, ắt thân khẩu và tư cách hành-vi không sao tề-chỉnh, không đáng là ruộng phước của người đời, không làm cho người chưa tin, được tin, người đã tin càng thêm tin.

Nếu các tỳ-khuru sadi hòa-hảo nhau, thỏa-thích nhau, không cố chấp theo phe, theo đảng, không cãi lẽ nhau, hiệp nhứt nhau như nước lộn với sữa liếc xem nhau bằng cặp mắt từ-bi, khuyên nhau

tôn-trọng, thực hành theo giới-luật đều đủ, không dư thiếu, mới làm cho phần đông người phát lòng tín-ngưỡng, như các thứ hoa trong vườn có sắc tốt và mùi thơm khác nhau mà người bẻ đem để chung trong bình bông, không thứ lớp, không có mẹo-mực, thành ra vật không đáng thỏa thích. Nếu người bó hoa có trí, lành nghề, họ lấy các thứ hoa như thế, đơm cho đều-dặn theo cách thức, rồi để trong bình, hoa ấy sẽ thành vật đẹp xem không mỏi mắt. Không cần nói đến hoa đẹp, dầu hoa không đẹp cũng dễ coi, nhờ có mẹo mực làm cho ra vật đẹp được.

Đức Thiên-nhân-Sư là đấng giáo-chủ của chúng ta, Ngài thấy điều lợi-ích như thế, cho nên chế ra "Tạng-Luật" cho chư Phật-Tử hành theo hầu được sự an-vui, sự tiến-hóa trong đời này và đời sau.

BỐN-PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÒA-THƯỢNG

Đức Phật có giải :

Pañcahi Bhikkave angehi samannāgatena bhikkhunā upasampādetabbam.

Này các tỳ-khuru ! Tỳ-khuru có đủ 5 chi ⁽¹⁾ mới nên làm ông thầy Hòa-thượng truyền cụ-túc-giới đến người xuất-gia, 5 chi ấy :

1o Āpattim jānāti : biết rằng có phạm tội.

2o Anāpattim jānāti : biết rằng không có phạm tội.

(1) Chi tức là điều-kiện

3o Lahukam apattimjânâti : biết rằng có phạm tội nhẹ.

4o Garuka mâpattim jânâti : biết rằng có phạm tội nặng

5o Dasavasso và hoti atirekadasavasso và tỳ-khuru đã tu được 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

Trong luật Cullaganthimahāvagga có nói bốn phận ông Thầy Hòa-thượng phải có đủ 3 chi nữa là :

1o Manussabhùto : phải thật là loài người (không phải thú).

2o Bhikkhubhâvo : đã thọ cụ-túc-giới làm tỳ-khuru đầy đủ.

3o Opajjhàyaṅgasamannāgato : có đủ chi làm ông thầy Hòa-thượng.

Trong 3 chi ấy chi thứ 3 chia ra có 14 điều :

1o Maṅgalāmaṅgalānisamsamjânâti : biết quả báo của các kinh có điều hạnh-phúc, nhưt là Tam-bảo-kinh (Ratanasùtra) và quả báo của kinh không có điều hạnh-phúc là kinh (Tirokudda).⁽¹⁾

2o Kammakammaṃ jânâti : biết là Tăng-sự hoặc không phải Tăng sự.

3o Sikkhâpadaṃ jânâti : biết cả 227 điều-học trong giới bốn.

4o Sikkhâpadaṅgaṃ Jânâti : biết các chi của 227 điều luật ấy.

5o Saranāgamanam jânâti : biết đọc "tam qui"

(1) Kinh tụng hồi hướng quả phước đến các nga qui.

trúng phép theo phạm-ngữ như đọc "Buddham sara-
nam gacchâmi" đọc một cách đưng cho gián đoạn.

6o Uposatham jânâti : biết phép hành lễ Phát lồ
theo 9 điều⁽¹⁾.

7o Uposathakammam jânâti : biết cách làm lễ
Phát-lồ có 4 cách⁽²⁾.

(1) 1o Câtuddasî uposatha.—hành lễ Phát-lồ trong ngày 14.

2o Pannarasî uposatha.—hành-lễ Phát-lồ trong ngày 15.

3o Samaggi uposatha.—ngày Tăng làm lễ tự tứ. (1)

4o Saṅgha uposatha.—ngày lễ Phát lồ Tăng đọc giới bốn.

5o Gana uposatha.—ngày mà 2, 3 vị tỳ-khưu hành lễ phát-lồ.

6o Duggale uposatha.—1 vị tỳ-khưu hành-lễ Phát-lồ.

7o Suttuddesa uposatha.—từ 4 vị tỳ-khưu trở lên thì đọc giới-bốn giữa
Tăng.

8o Parisuddhi uposatha.—tỏ cho nhau biết những việc trong sạch của
mình.

9o Adhitthâ uposatha.—Nếu chỉ có một tỳ-khưu hành-lễ phát-lồ, thì phải
nguyên rằng : Ajjâ me uposatho (nay là ngày lễ phát-lồ sám-hối của tôi).

(2) 1o Addhammenavaggam.—Phe, không đúng theo phép.

2o Dhammenasamaggam.—Đồng ý nhau nhưng không đúng phép.

(1) Sau khi kiết hạ rồi nhằm rằm tháng 9 chư tỳ-khưu nhóm lại tỏ sự
tội lỗi cho nhau gọi là tự tứ.

- 8o **Ñattisampattim jānāti** : biết đọc truyền
giới trùng phép giữa Tăng. } (1)
- 9o **Ñutti vipattim jānāti** : biết đọc truyền
giới sai phép giữa Tăng. }
- 10o **Akkhara sampattim jānāti** : biết cách
đọc trùng giọng Pāli (**ñattisampatti**). } (1)
- 11o **Akkhara vipattim jānāti** : biết cách
đọc sai giọng Pāli (**ñattivipatti**). }
- 12o **Ubhayāpātimokkhāni** : biết tụng nằm lòng
cả giới-bốn tỳ-khuru và tỳ-khuru-ni.
- 13o **Dasavasso vā hoti atireka dasavasso** : đã tu
được 10 hạ hoặc 10 hạ trở lên.
- 14o **Nāma rūpaṃ jānāti** : Thông rõ Tạng-luận : là
tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn.

PHÉP TRUYỀN GIỚI SADI

Giới tử mặc y phục trắng, hai tay bưng y ca-sa
"vàng" theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội trước
mặt Hòa-thượng bái ngài rồi đọc :

3o **Addhammenavaggam**.—Phe đúng theo phép.

4o **Dhammenasamaggam** đồng ý nhau và đúng theo phép

(1) Giọng đọc : Giọng đọc có 10 cách :

1o —Sithila (đọc hơi nhẹ).—2o Dhanita (đọc hơi nặng).—3o Rassa (đọc hơi
vắn).—4o Dīgha (đọc hơi dài).—5o Garu (đọc hơi chậm và nặng).—6o
Lahu (đọc hơi lẹ).—7o Sambāndha (đọc liên tiếp).—8o Varatthita (đọc gián
đoạn).—9o Niggahita (đọc ngậm miệng).—10o Vimutta (đọc hả miệng,
lớn hơn mọi chữ).

Phạm-ngữ

Ukâsa vandâmi bhante
sabbam aparâdham kha-
mathame bhante mayâ
katam puññam sâminâ
anumoditabbam sâminâ-
katam puññam mayham
dâtabbam sâdhu sâdhu
anumodâmi.

Ukâsa karuññam katvâ
pabbajjam detha me
bhante.

Nghĩa

Tôi xin thành-kính làm
lễ đại-dức

Bạch hóa đại - dức,
câu xin đại-dức tha
các tội-lỗi cho tôi.
Những việc lành mà
tôi đã làm, xin
đại-dức nhận lãnh.
Việc làm mà đại-dức
đã làm xin đại-dức
chia sót cho tôi và làm
cho điều lợi-ích được
thành-tựu tôi xin
hoan-hỉ thọ-lãnh

Tôi xin thành-kính, cầu
đại-dức từ-bi thương
xót đến tôi và làm phép
xuất-gia cho tôi.

**Rồi ngồi chồm-hồm, chấp tay đẽ ngay
tam-tinh mà đọc :**

Phạm-ngữ

Aham bhante pabbajjam
yâcâmi ;

Dutiyampi aham bhante
pabbajjam yâcâmi ;

Nghĩa

Bạch hóa đại-dức xin
đại-dức làm phép
xuất-gia cho tôi.

Bạch đại-dức xin đại-
dức làm phép xuất-
gia cho tôi, lần thứ
nhì :

Tatīyampi ahaṃ bhante
pabbajjāṃ yācāmi ;

*Bạch đại-đức xin đại-
đức làm phép xuất-
gia cho tôi, lần thứ ba.*

**Rồi đọc bài sau này ba lần
dâng y "Ca-sa" cho "Thầy"**

Phạm-ngữ

Nghĩa

Sabbadukkha nissara
nanibbāna sacchikara
natthāya, imaṃ kāsāvaṃ
gahetvā pabbājethamaṃ
bhante anukampaṃ
upādāya.

*Bạch hóa đại-đức xin
đại-đức thầy y ca-sa
vàng này và thương
xót mà làm phép
xuất-gia cho tôi được
dứt các sự thống-khổ
và đến Niết-bàn.*

Rồi đọc bài sau này ba lần xin y "Ca-sa" lại

Phạm-ngữ

Nghĩa

Sabbadukkha nissaraṇa
nibbāna sacchikarānaṃ
tthāya, etaṃ kāsāvaṃ
datvā pabbājethamaṃ
bhante anukampaṃ
upādāya.

*Bạch hóa đại-đức xin
đại-đức cho tôi y ca-sa
vàng ấy; và thương xót
mà làm phép xuất-gia
cho tôi được dứt các
sự thống-khổ và đến
Niết-bàn.*

**Khi giới-tử đọc xong ba bận rồi vị
Hòa-thượng đưa "Ca-sa" cho giới-tử và dạy
phép tham-thiền như sau này.**

Phạm-ngữ

Kesá, lomá, nakhá,
dantá, taco :

Taco, dantá, nakhá,
lomá, kesá.

Nghĩa

*Tóc, lông, móng, răng,
da.*

Da, răng, móng, lông, tóc.

Vị Hòa-thượng phải giải sơ về cái thân trược, cho giới-tử nghe. Xong rồi, giới-tử lui ra, để mặc y Ca-sa và trong khi ấy phải suy gẫm rằng : "Ta mặc y Ca-sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muối, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa-thể, chẳng mặc để se sua".

Khi mặc y xong giới-tử trở vào, tay cầm nhang đèn, quì trước mặt vị Hòa-thượng, dâng cho ngài và làm lễ, rồi đứng chấp tay mà đọc :

Phạm-ngữ

Ukâsa vandâmi bhante
sabbam aparâdham
khamatha me bhante
mayâ kâtam puññam
sâminâ anumoditabbam
sâminâ katam puññam
mayham dâtabham
sâdhu sâdhu anumodâmi.

Ukâsa kârũññam katvâ
tisaranena sahasilâni
detha me bhante.

Nghĩa

*Tôi xin thành-kính làm lễ
đại-đức. Bạch hóa
đại-đức, cầu xin đại-
đức tha các tội-lỗi cho
tôi. Những việc lành
mà tôi đã làm, xin
đại-đức nhận lãnh.
Việc lành mà đại-đức
chia sót cho tôi làm cho
điều lợi-ích được
thành-tựu, tôi xin
hoan-hỉ thọ-lãnh.*

*Tôi xin thành kính cầu
đại-đức từ-bi thương
xót mà truyền tam-qui
và giới cho tôi.*

Rồi ngồi chồm-hôm, chấp tay đọc

Phạm-ngữ

Ahaṃ bhante saraṇa
sīlaṃ yācāmi;

Duti. yaṃpi ahaṃ bhante
saraṇa sīlaṃ yācā-
mi;

Tatiyaṃpi
ahaṃ bhante saraṇa
sīlaṃ yācāmi.

Nghĩa

*Bạch đại-đức, xin đại-
đức truyền tam-qui
và giới cho tôi lần
thứ nhì.*

*Bạch đại-đức, xin đại-
đức truyền Tam-qui
và giới cho tôi, lần
thứ ba.*

*Bạch đại-đức, xin đại-
đức truyền tam-qui
và giới cho tôi.*

Ông Hòa-thượng đọc :

Phạm-ngữ

Yamaham vadāmiṭam
vadehi.

Nghĩa

*Ta đọc lời nào, người
đọc theo lời ấy.*

Giới-từ đọc:

Āma bhante.

Dạ (tôi xin đọc theo)

Rồi giới-từ đọc theo hòa-thượng

Phạm-ngữ

Namo tassa bhagavato
arahato sammāsam bud-
dhassa.

(Đọc ba lần)

Nghĩa

*Tôi đem hết lòng thành-
kính làm lễ Đức Phá-
gá-qua (1) ấy. Ngài là
bậc Á-rá-hãn (2) cao-
thượng, được chứng
quả chánh-biến-tri, do
Ngài tự ngộ, không
thầy chỉ dạy.*

(Đọc ba lần)

Phạm ngữ

1^o Buddhamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

2^o Dhammaṃ saranamaṃ gacchāmi.

3^o Saṅghamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

4^o Dutiyampi buddhamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

5^o Dutiyampi buddhamaṃ saranamaṃ gacchāmmi

6^o Dutiyampi saṅghamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

7^o Tatiyampi buddhamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

8^o Tatiyampi dhammaṃ saranamaṃ gacchāmi.

9^o Tatiyampi saṅghamaṃ saranamaṃ gacchāmi.

Nghĩa

1^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Phật.

2^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Pháp.

3^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Tăng.

4^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

5^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

6^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

7^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Phật, lần thứ ba.

8^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

9^o— Tôi hết lòng thành kính, xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

(1)— Phá-gá-qua: Tàu dịch: Thê-Tôn.

(2)— Á-rá-hản: Tàu dịch: Ưng cúng.

Phạm-ngũ

1^o Buddhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

2^o Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

3^o Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

4^o Dutiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

5^o Dutiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

6^o Dutiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

7^o Tatiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

8^o Tatiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

9^o Tatiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Nghĩa

1^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Phật.

2^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Pháp.

3^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Tăng.

4^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Phật, lần thứ nhì.

5^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Pháp, lần thứ nhì.

6^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Tăng, lần thứ nhì.

7^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Phật, lần thứ ba.

8^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Pháp, lần thứ ba.

9^o— Tôi hết lòng thành-kính, xin quy-y Tăng, lần thứ ba.

Hòa-thượng đọc

Phạm ngữ

Tisaranaggahanam
paripunnam.

Nghĩa

*Cách thọ pháp "Tam qui"
đều đủ rồi.*

Giới-tử đọc

Āma bhante

Phạm ngữ

1° Pânâtipâtâ verama-
nī sikkhâpadaṃ samâ-
diyâmi.

2° Adinnâdânâ vera-
maṇī sikkhâpadaṃ sa-
madiyâmi.

3° Abrahma-cariyâ ve-
ramaṇī sikkhâ-padaṃ
samâdiyâmi.

4° Musâvâdâ verama-
nī sikkhâpadaṃ samâ-
diyâmi.

"Dạ" (và lạy)

Nghĩa

1°— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự giết thác
lòai sanh mạng.

2°— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự trộm-cắp.

3°— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự thông-
dâm.

4°— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự nói dối

5o Surà-meraya majjappa-
mâdatthānā veramaṇī
sikkhâpadaṃ samâdi
yâmi.

6o Vikâlabhojanā verma-
ṇī sikkhâpadaṃ samâdi-
yâmi.

7o Naccagīta vâditavisū-
kadassanā veramaṇī si-
kkhâpadaṃ samâdi yâmi.

8o Mâlâgandha vilepana-
dhārana mandana vibhū-
sanatthānā veramaṇī si-
kkhâpadaṃ samâdiyâmi.

9o Uccâsayana mahâ
sayanā veramaṇī sikkhâ-
padaṃ samâdiyâmi.

5^o— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự dẽ-duôi
uống rượu.

6^o— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự ăn sai giờ,
(từ đúng Ngọ cho đến
mặt trời mọc chẳng
được phép ăn vật chi
cả).

7^o— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự hát-múa,
dàn-kèn và xem
hát-múa, nghe dờn-kèn.

8^o— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự trang-
diêm, đeo tràng-bông
thoa vật, thom và dôi
phấn.

9^o— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa chỗ nằm và
ngồi quá cao và xinh-
đẹp.

10° Jâtarū parajatapaṭi-
ggahanā veramanī si-
kkhâpadam samâdiyâmi.

10°— Tôi xin vâng giữ
điều-học, là cố ý
tránh xa sự thọ-lãnh,
cất giữ, hoặc bảo kê
khác thọ-lãnh, cất giữ
vàng bạc châu-bầu,
hoặc cảm xúc đến các
vật ấy.

Ngài Hòa-thượng đọc tiếp

Phạm ngữ

Imâni dasa sikkhâpa-
dâni samâdiyâmi.

Nghĩa

Tôi xin thọ trì cả 10 điều học
ấy.

Sadi đọc theo ba bận, rồi lạy, xong, đứng chắp tay
đọc: Vandâmi bhante... (như trước).

Xong rồi, Sadi phải xin Nissaya, cầm nhang đèn
dâng cho vị Hòa-thượng, rồi đứng chắp tay đọc:
Vandâmi bhante... (như trước).

Sadi đọc tiếp:

Phạm ngữ

Ukâsa kârūṇṇam
katvâ nissayam detha
me bhante.

Nghĩa

Tôi xin thành-kính, cầu
đại-đức thương xót
mà cho tôi nương dựa
theo.

Xong rồi ngài chồm hóm đọc:

Aham bhante nissa-
yam yâcâmi.

Bạch đại-đức, xin đại-
đức cho tôi nương
dựa theo.

Dutiyampi ahambhante
nissayaṃ yācāmi.

Tatīyampi ahaṃ bhante
nissayaṃ yācāmi.

Upajjhāyo me bhante
hohi.

Bạch đại-đức xin đại-
đức cho tôi nương
dựa theo lần thứ nhì.

Bạch đại-đức xin đại-
đức cho tôi nương
dựa theo lần thứ ba.

(1 lay)

Bạch ngài, ngài là thầy
tế độ của tôi.

**Trong mấy tiếng sau này, Hòa-thượng nói
một tiếng nào cũng được.**

(Giới-tử khởi đọc theo)

Phạm ngữ

Nghĩa

Sādhu

Người làm như thế này,
là việc thành-tựu điều
lợi ích trong Phật pháp
rồi.

Lābu

Người làm như thế là sự
nhẹ-nhàng, là việc nuôi
sống dễ-dàng trong
Phật pháp rồi.

Pâtirūpaṃ

Người xin đức Hòa-
thượng như thế, là
vừa đến sự tôn kính
theo Pháp xưa rồi.

Opāyikaṃ

Người làm như thế, là
đúng theo phương-
pháp đem mình ra khỏi
luân hồi khổ não rồi.

Pâsâdikenâ samâdehi

Người hãy làm cho phép Tam-học là: giới, định, tuệ được thành-tựu tốt đẹp vì đức tin di.

Xong rồi giới-tử đọc:

Phạm ngữ

Nghĩa

Uhâsa sampaticchâmi

Bạch đại-đức tôi xin thành-kính, hết lòng vâng chịu.

Sampaticchâmi
Sampaticchâmi

*Tôi hết lòng vâng chịu.
Tôi hết lòng vâng chịu.*

Ajâtagedâni thero mayham bhâro, ahampi therassa bhâro.

Kể từ nay tôi phải gánh vác công việc của đại-đức, là phải tôn kính làm các việc mà tôi phải làm, về phần đại-đức, đại-đức cũng hoàn hỉ gánh vác, là nên nhắc nhở, và dạy bảo tôi luôn khi.

Dứt phép truyền Sa-di giới

Sadi phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trước mặt Hòa-thượng, rồi vị yết-ma đặt tên tạm cho Sadi là Nâgo nâma, xong rồi hỏi Sadi, (đây là khi nào giới-tử thọ giới Sadi-rồi xin thọ luôn giới Tỷ-khuru).

Phép truyền Tỳ-khuu giới

Phạm-ngũ

Hỏi.—Tvam Nāgo nāma.

Đáp.—Āma bhante.

Hỏi.—Tuyham upajjhāyo āyasmā tis-sathero nāma.

Đáp.—Āma bhante.

Nghĩa

Hỏi.— Người phải là tên Nāgonāma không.

Đáp.— Bạch ngài phải.

Hỏi.— Thầy của người, phải là ngài Tissa Theronāma không ?

Đáp.— Bạch ngài, phải.

Xong rồi, ông thầy chỉ mấy món sau này ; mà hỏi, giới-từ trả lời: "Dạ phải".

Phạm ngữ

Hỏi.— Ayam te patto.

Đáp.— Āma bhante.

Hỏi.— Ayam saṅghāti.

Đáp.— Āma bhante.

Hỏi.— Ayam uttarā-saṅgho.

Đáp.— Āma bhante.

Hỏi.— Ayam antara-vāsako.

Nghĩa

Hỏi.— Đây phải là bình bát của người không.

Đáp.— Dạ phải.

Hỏi.— Đây, phải là y Tăng-già-lê (y hai lớp) của người không ?

Đáp.— Dạ phải.

Hỏi.— Đây, phải là y Huát-dà-la-Tăng (y mặc vai trái) của người không ?

Đáp.— Dạ phải.

Hỏi.— Đây, phải là y An-dà-hội (y nội) của người không ?

Gaccha amumhi okâse | *Người lui ra đứng nơi*
tiṭṭhāni. | *kia.*

**Giới-tử lui ra (khỏi chỗ Tăng ngồi) đứng
chấp tay, ngay phía Hòa-thượng ngồi, thầy
kiết-ma đọc cho Tăng nghe.**

Phạm-ngữ

Sunātu me bhante
saṅgho nāgo āyasmato
tissassa upasampadā-
pekkho yadi saṅghassa
pattakallaṃ ahaṃ nā-
gaṃ anusāseyyaṃ.

Nghĩa

*Bạch cùng đại-dức Tăng
xin Tăng nghe tôi trình:
tên Sadi Nāga đệ-tử của
đại-dức Tissa là người
nguyện tu lên bực cao.
Nếu lời ấy đã đúng theo
phép, tôi xin đi dạy Sadi
tên Nāga.*

**Xong rồi, thầy Kiết-ma lui ra đứng trước
mặt giới-tử; và dạy giới-tử những
điều sau này:**

Phạm-ngữ

Sunāsi nāga ayante
saccakālo bhūtakālo.

Yaṃ jātaṃ taṃ saṅgha
majjhe pucchante.

Nghĩa

*Tên Nāga người phải
nghe hỏi này là hỏi
nên nói thiệt.*

*Những điều gì mà ta hỏi
người nơi giữa Tăng.*

Santaṃ atthīti vatta-
baṃ asantaṃ natthīti
vattabbaṃ.

Mākho vitthāsi mākho
maṅku ahosi.

Evantaṃ pucchissanti
santi te evarupā ābād-
hā.

Hỏi.— Kutthaṃ ?

Đáp.— Natthi bhante.

Hỏi.— Gaṇḍo ?

Đáp.— Natthi bhante.

Hỏi.— Kilāso ?

Đáp.— Natthi bhante.

Hỏi.— Soso ?

Đáp.— Natthi bhante.

Hỏi.— Apamāro ?

Đáp.— Natthi bhante.

Hỏi.— Manussosi ?

Đáp.— Āma bhante.

Hỏi.— Purisosi ?

Điều gì đã có, người nói
có, điều gì không
người nói không.

Người nên nói phân minh
không nên hổ người
mà làm thính.

Ta hỏi người như vậy:
những tật bệnh như
sau đây, người có hay
không ?

Hỏi.— Người có bệnh
cùi hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Người có bệnh ung
thư hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Người có bệnh ghé
ngựa hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Người có bệnh
siêng hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Người có bệnh
phong diên hay không ?

Đáp.— Bạch, không.

Hỏi.— Người phải là
người hay không ?

Đáp.— Bạch, phải.

Hỏi.— Người phải là
người nam hay
không ?

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— *Bhujjissosi?*

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— *Ânanosi?*

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— *Nasi rājabhato?*

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— **Anuññātosī
mātāpītohi?**

Đáp.— *Âma bhante?*

Hỏi.— *Paripunnāvisā-
tivassosi?*

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— *Paripunnante
pattā cīvaram?*

Đáp.— *Âma bhante.*

Hỏi.— *Kinnāmosi?*

Đáp.— *Aham bhante
nāgonāma?*

Hỏi.— *Konāmote upa-
jjhāyo?*

Đáp.— *Upajjhāyo me
bhante āyasmā Tissā-
tthero nāma.*

Đáp.— *Bạch, phải.*

Hỏi.— *Người phải là
người vô sự không?*

Đáp.— *Bạch, phải.*

Hỏi.— *Người phải là
người rảnh nợ không?*

Đáp.— *Bạch, phải.*

Hỏi.— *Người là người
không mắc việc quan
phải không?*

Đáp.— *Bạch, phải.*

Hỏi.— *Người có phép cha
mẹ cho xuất-gia hay
không?*

Đáp.— *Bạch, có.*

Hỏi.— *Người đúng 20
tuổi hay chưa?*

Đáp.— *Bạch, đúng.*

Hỏi.— *Người có đủ y, bát
hay không?*

Đáp.— *Bạch, có đủ.*

Hỏi.— *Người tên chữ là
gì?*

Đáp.— *Bạch, tôi tên là
Na-go-na-ma.*

Hỏi.— *Thầy người tên
chỉ?*

Đáp.— *Bạch, thầy tôi tên
là Ngài Tissathero
nāma.*

Chờ ông Thầy kêu.

Rồi giới-tử lại ngồi chồm hồm chấp tay đợc, khi đợc dạy giới-tử rồi thầy Kiết-ma trở vào nơi giữa Tăng, đợc tuyên-bố và kêu giới-tử vào, rằng :

Sunātu me bhante saṅgho nāgo āyasmato tissassa upasampadāpekkho anusittho so mayā yadi saṅghassa pattakallaṃ nāgo āgaccheyya āgacchāhiti vattabbo āgacchāhi.

"Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin đại-đức Tăng nghe tôi trình: tên Sadi Nā-go (là đệ tử) của ngài Tissa là người nguyện tu lên bậc cao. Tên Sadi Nāgo ấy, tôi đã dạy bảo rồi nếu lễ truyền Tỷ-khuru giới này đã vừa đến giờ hành Tăng sự, thì tên Sadi Nāgo nên vào: tên Sadi Nāgo ấy, tôi nên gọi cho vào, "người vào đi".

Tên Sadi phải đi vào ngồi trong giữa Tăng, trước mặt ngài Hòa-thượng, làm lễ Ngài Hòa-thượng và chư Tăng, rồi phải ngồi chồm-hồm chấp tay, xin tu lên bậc trên bằng lời như vậy :

Saṅghaṃ bhante upasampadaṃ yācāmi, ullumpatumāṃ bhante saṅgho anukampaṃ upādāya.

Dutiyampi bhante saṅghaṃ upasampadaṃ yācāmi ullumpatumāṃ bhante saṅgho anukampaṃ upādāya.

Tatīyampi bhante saṅghaṃ upasampadaṃ yācāmi ullumpatumāṃ bhante saṅgho anukampaṃ upādāya.

"Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên. ⁽¹⁾

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương-xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng Tỳ-khưu".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên.

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương-xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng Tỳ-khưu lần thứ nhì".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bực trên".

"Bạch hóa đại-đức Tăng, xin Tăng thương xót tiếp độ, đem tôi lên cho khỏi tướng mạo Sadi và để tôi vào hàng tỳ-khưu lần thứ ba".

Khi "Giới-tử" đã thọ cụ-túc-giới giữa Tăng, Tăng đều ngồi xa nhau một hắc, một gan ⁽²⁾ xong rồi thầy kiết-ma bèn đọc bài sau này:

Sunātu me bhante saṅgho ayam nāgo āya-smato tissassa upasampadā pekkho yadi saṅghassa pattakallam aham nāgam antarāyike dhamme puccheyyam.

Bạch cùng đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sadi "Nāga", là đệ tử của ngài "Tissa" là người

(1) là bực tỳ-khưu.

(2) Tăng ngồi, vị ngồi bên mặt đo từ đầu gối qua bên trái 1 hắc một gang. Vị ngồi bên trái, đo từ đầu gối bên trái qua gối bên mặt 1 hắc một gang.

nguyên tu lên bậc cao ⁽¹⁾. Nếu việc của Tăng làm đây đã đúng theo pháp, tôi xin hỏi Sadi "Nāga" các pháp chương ngại.

Suṇāsi nāga ayante saccakālo bhūtakālo :

Tên Nāga người phải nghe: hỏi này là hỏi nên nói thiệt.

Yaṃ jātaṃ taṃ pucchāmi:

Những điều gì có, thì ta hỏi ngay đến điều ấy.

Santaṃ atthīti vattabbaṃ asantaṃ natthīti vattabbaṃ:

Điều gì đã có, thì người nói có, điều gì không thì người nói không.

Santi te evarūpā ābādhā:

Những tật bệnh như đây, người có hay không ?

Hỏi: — Kutthaṃ.

Hỏi. — Người có bệnh cùi hay không ?

Đáp: — Natthi bhante.

Đáp: — Bạch không.

Upajjhāyo me bhante āyasmā Tīssatthero nāma: — nghĩa như trước (xem nơi trang 12 và 13).

Khi thầy Kiết-ma hỏi các chương ngại giữa Tăng xong rồi, đọc bốn lần tiếp theo, cho Tăng nghe như sau này :

Sunātu me bhante saṅgho ayaṃ nāgo āyasmato tissassa upasampadāpekkho parisuddho antarāyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattacīvaraṃ nāgo saṅghaṃ upasampadaṃ yācati āyasmatā tissenā upajjhāyena yadi saṅghassa

(1) là bậc tỳ-khưu.

**pattakallaṃ saṅgho nāgaṃ upasampādeyya
āyasmatā tissenā upajjhāyena esā ñatti.**

Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình :
tên Sadi Nāga, là đệ tử của đại-đức Tissa, là người
nguyện tu lên bậc cao được trong sạch, không phạm
các pháp chướng ngại, Bình-bát và Casa của Sadi Nāga
này có đều đủ. Sadi Nāga có đại-đức Tissa là
Hòa-thượng, đã có đến xin Tăng, cho Sadi ấy tu lên
bậc cao. Lời này, là lời đề trình cho Tăng rõ.

**Sunātu me bhante saṅgho ayaṃ nāgo
āyasmato tissassa upasampadāpekkho pari-
suddho antarāyikehi dhammehi paripuṇṇassa
pattacīvaraṃ nāgo saṅghaṃ upasampadaṃ
yācati āyasmatā tissenā upajjhāyena saṅgho
nāgaṃ upasampādeti āyasmatā tissenā upa-
jjhāyena yassāyasmato khamati nāgassa upa-
sampadā āyasmatā tissenā upajjhāyena so tu-
nhassa yassa nakkhamati so bhāseyya dutiyampi
etamatthaṃ vadāmi :**

Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình :
Tên Sadi "Nāga" này, là đệ-tử của ngài đại-đức Tissa
là người nguyện tu lên bậc cao, được trong sạch,
không phạm các pháp chướng-ngại. Bình-bát và cá-sa
của Sa-di Nāga này có đều đủ. Sadi tên Nāga có
đại-đức Tissa là Hòa-thượng, đã có đến xin Tăng cho
Sadi ấy tu lên bậc cao. Nếu sự nhận cho Sadi Nāga
có đại-đức Tissa là Hòa-thượng tu lên bậc cao này
vừa lòng vị đại-đức nào, vị đại-đức ấy nên nín
thinh, bằng chẳng vừa lòng vị đại-đức nào, vị

đại-đức ấy được phép cải, Tôi đã trình lần thứ nhì rồi.

Suṇātu me bhante saṅgho ayaṃ nāgo āyasmato tissassa upasampadāpekkho parisuddho antarāyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattaṭṭhāraṃ nāgo saṅghaṃ upasampadaṃ yāceti āyasmatā tissenā upajjhāyena saṅgho nāgaṃ upasampādeti āyasmatā tissenā upajjhāyena yassāyamato khamati nāgassa upasampadā āyasmatā tissenā upajjhāyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhāseyya tatiyampi etamatthaṃ vadāmi.

Bạch-hóa đại-đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình tên Sadi Nāga này là đệ tử của Ngài đại-đức Tissa.

.....
vị đại-đức ấy được phép cải. Tôi đã trình việc này lần thứ ba rồi.

Suṇātu me bhante saṅgho ayaṃ nāgo āyasmato tissassa upasampadāpekkho parisuddho antarāyikehi dhammehi paripuṇṇassa pattaṭṭhāraṃ nāgo saṅghaṃ upasampadaṃ yāceti āyasmatā tissenā upajjhāyena saṅgho nāgaṃ upasampādeti āyasmatā tissenā upajjhāyena yassāyamato khamati nāgassa upasampadā āyasmatā tissenā upajjhāyena so tunhassayassa nakkhamati so bhāseyya.

Bạch-hóa đại-đức Tăng... vị đại-đức ấy được phép cải... tôi đã trình lần thứ tư rồi.

Upasampanno saṅghena nāgo āyasmatā tisse-

na upajjhāyena khamati saṅghassa tasmā tunhī
evametam dhārayāmi.

Tên Sadi Nāga này có đại-đức Tissa là Hòa-thượng là người mà Tăng đã nhận cho tu lên bậc cao rồi. Tôi hiểu chắc rằng : Tăng đã bằng lòng, vì sự nín-thing của Tăng.

Thầy Kiết-ma đọc dứt bốn bản, trình cho Tăng nghe xong giờ nào thì giới-tử được lên bực Tỳ-khuru giờ ấy (y theo lời của đức Thế-Tôn đã giáo-truyền).

Những người tu Phật, nếu đã học đủ các phép thọ cụ-túc-giới theo cách đã giải trước xong rồi, thì phải nên biết rằng trong các phép ấy chia ra làm hai phần.

I— Phần đầu chia ra làm 8 phép :

1o Khi làm lễ nhận Tỳ-khuru làm thầy tế-độ.

2o Khi thầy Kiết-ma chỉ bình bát và cà-sa.

3o Khi thầy Kiết-ma bảo giới-tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng rõ, để hỏi giới-tử.

4o Khi thầy Kiết-ma trình cho Tăng rõ, rồi trở ra dạy giới-tử.

5o Khi thầy Kiết-ma trở vô, có dắt giới-tử vào chỗ Tăng.

6o Khi giới-tử làm lễ Chư Tăng và đọc bài thọ cụ-túc-giới ở giữa Tăng.

7o Khi giới-tử đọc bài xin thọ cụ-túc-giới rồi, thầy Kiết-ma sẽ hỏi các pháp chương-ngại.

8o Khi thầy Kiết-ma đã hỏi các pháp chương-ngại giữa Tăng.

II— Phần sau, là từ khi thầy Kiết-ma khởi sự

đọc bài : (Sunātu me bhante saṅgho)... trình cho Tăng rõ đến 4 bận.

Phần đầu, thuộc về phần giới-tử. Phần sau, thuộc về phần của thầy Kiết-ma.

Dứt phép truyền cụ-túc-giới

GIỚI LUẬT SADI

Những người học Phật trước khi muốn vào tu bực Sadi phải thông hiểu luật Sadi, nghĩa là phải học Luật y theo giáo pháp của đức Phật đã truyền dạy không đặng canh cải.

Giới luật ấy có 30 điều học chia ra làm 3 phần :

1o Sikkhâpada (phép học) có 10 điều học.

2o Daṇḍakamma (phép hành phạt) có 10 điều học

3o Nâsanaṅga (phép trục xuất) có 10 điều học.

1— Mười Phép học.

(Sikkhâpada)

Phạm-ngữ

1° Pânâtipâtâ veramanî
sikkhapadam samâdiyâ-
mi.

Nghĩa

1o Sát-sanh.
Tôi xin vâng giữ điều
học, là cố ý tránh xa
sự giết hại loài sanh
mạng.

2° Adinnâdânâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

3° Abrahmacariyâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

4° Musâvâdâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

5° Surâmeraya majjapamâdatthânâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

6° Vikâla bhojânâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

7° Naccagîta vâditavi sukadassanâ veramanī sikkhâpadam samâdiyâmi.

2o Trộm cắp.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

3o Thông dâm.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thông-dâm

4o Vọng-ngữ.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự nói dối.

5o Âm-tửu.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dẽ-duôi uống rượu.

6o Ăn sai giờ.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sai giờ (từ đúng Ngọ cho đến mặt trời mọc chẳng được phép ăn vật chi).

7o Múa hát, đờn kèn.

Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự hát múa, đờn kèn và đi xem hát múa, nghe đờn kèn

8° Málâgandha vilepana-
dhârana mandana vibhū-
sanatthâna veramanī si-
kkhâpadam samâ diyâmi.

9° Uccâsayanamahâsa-
yanā veramanī sikkhâpa-
dam samâdiyâmi.

10° Jâtarūparajatapaṭi-
ggahanā veramanī si-
kkhâpadam samâdiyâmi.

8o Trang-diêm thoa vật
thơm, dôi phấn và đeo
tràng hoa.

Tôi xin vâng giữ điều
học, là cố ý tránh xa
sự trang diêm, thoa
vật thơm dôi phấn và
đeo tràng hoa.

9o Nằm ngồi nơi quá cao
và xinh đẹp.

Tôi xin vâng giữ điều
học, là cố ý tránh xa
chỗ nằm và ngồi nơi
quá cao và xinh đẹp.

10o Thọ lãnh và cất giữ
vàng bạc và châu báu.

Tôi xin vâng giữ điều
học, là cố ý tránh xa
sự thọ lãnh cất giữ
hoặc bảo kê khác thọ
lãnh, cất giữ vàng bạc
châu báu, hoặc
cảm-xúc đến các vật
ấy.

II Mười phép hành phật

(Daṇḍakamma)

Phạm-ngữ

1o Vikālabhogi hoti.

Nghĩa

1o Ăn sái giờ.

- | | |
|---|---|
| 2o Naccâdivisūkada-
ssiko hoti. | 2o Múa hát đờn kèn và
xem múa hát nghe đờn
kèn. |
| 3o Mâlâdidhâranâdiko
hoti. | 3o Trang điểm đeo tràng
hoa hoặc thoa vật
thơm. |
| 4o Uccâsayanâdiko ho-
ti | 4o Nằm và ngồi nơi quá
cao và xinh đẹp. |
| 5o Jâtarùparaja tapati-
gganhako hoti. | 5o Thọ lãnh và cất giữ
hoặc bảo kẻ khác thọ
lãnh, cất giữ và cảm
xúc đến vàng bạc châu
báu. |
| 6o Bhikhūnaṃ alâbhâ-
ya parisakkati. | 6o Cố ý làm Tỳ khuru
không có đồ dùng. |
| 7o Bhikkhūnaṃ anat-
thâya parisakkati. | 7o Cố ý làm cho tỳ-khuru
mất sự hữu-ích. |
| 8o Bhikkhūnaṃ ana-
vâsâya parisakkati. | 8o Cố ý làm cho tỳ-khuru
không có chỗ ở. |
| 9o Bhikkhu akkosati
paribbâsati. | 9o Mắng chưởi
tỳ-khuru |
| 10o Bhikkhu bhikhūhi
bhedeti.. | 10o Làm cho tỳ-khuru bất
hòa cùng nhau.. |

Sadi phạm 1 trong 10 điều kể trên đây, thì bị tỳ-khuru hành phạt, nhứt là bị bắt gánh nước.

III.— 10 Phép trục-xuất.
(Nāsanaṅga)

Phạm-ngữ	Nghĩa
1° Pānātipāti hoti.	1o Giết loài động vật.
2° Adinnādāya hoti.	2o Trộm cắp.
3° Abrahmacari hoti.	3o Thông dâm
4° Musāvādi hoti.	4o Nói dối
5° Majjapāyi hoti.	5o Uống rượu
6° Buddhassa avaṇṇam bhāsati.	6o Hủy báng Phật.
7° Dhammassa avaṇṇam bhāsati.	7o . Hủy báng Pháp
8° Sanghassa avaṇṇam bhāsati.	8o. Hủy báng Tăng
9° Micchā diṭṭhiko hoti.	9o. Hiếu làm (quấy cho là phải, phải cho là quấy)
10° Bhikkhunī dūsako hoti	10o. Dâm vãi Tỷ-khuru ni

Sadi phạm 1 trong 10 điều kể trên đây sẽ bị trục xuất.

Bốn-phận Sadi phải học thông thuộc 30 phép đã nói trên và cũng phải thọ trì thêm 75 điều học "Ứng học pháp" (1)

(1) Xem trong giới bốn tỷ-khuru chỗ "Ứng học pháp".

Ngoài ra, Sadi còn phải học thêm những điều học trong patimokkha "phạm tội vì đời khiển trách (lokavajja). Như trong 13 điều tăng-tàn, trừ khi điều 5, 6 và 7 v.v...

Lời dạy tiếp

(Anusāsana)

Lời chỉ giáo mà đức Chánh-biến-tri chế định cho Tỳ-khuru là thầy tế độ dạy bảo đệ tử mới vừa được thọ lễ tu lên bực trên ⁽²⁾ (upasampadā) sau khi đã tụng tuyên bố lần thứ tư (ñatti catuttha kamma vācā) cho tỳ-khuru mới ấy được biết lần lần, gọi là "lời dạy tiếp" (anusāsana). Lời dạy tiếp này có 8 điều chia ra làm 2 đoạn : "4 phép nương" ⁽³⁾ (1) (nissaya) và "4 sự không nên làm" (akaraṇīya kicca).

Vật dụng để cho hàng xuất gia dùng gọi là :

phép nương có 4 :

1o — Đi khất-thực.

2o — Mặc y bản-thủ.

3o — Ngủ dưới bóng cây.

4o — Dùng thuốc ngấm với nước tiểu ⁽⁴⁾.

Sự mà hàng xuất gia không nên làm có 4 :

1o — Hành-dâm.

2o — Trộm-cấp.

3o — Giết người.

4o — Khoe pháp bậc cao hơn.

(2) [là] thọ-cụ túc-giới, tu lên bực kỳ hưu

(3) nương là dựa theo

(4) nước tiểu bò đen

Tam-học

(*Trisikkhā*)

Các đức mà hàng xuất gia phải tu-tập gọi là học (*sikkhā*) có 3; giới (*sīla*), định (*samādhi*) tuệ (*pañña*).

Sự thu thúc thân và khẩu cho chơn chánh gọi là "Giới"; sự trau dồi làm cho yên lặng gọi là "Định"; sự biết rõ trong các sắc tướng gọi là "Tuệ".

Phạm-tội

(*Āpatti*)

Tội phát sanh vì sự dễ dãi dưới điều học mà đức Chánh-Biến-Tri đã cấm chế ⁽¹⁾ gọi là phạm tội.

Phạm tội ấy, gọi theo tên có 7 :

1o — Bất-cộng-trụ (*pārājika*).

2o — Tăng-tàn (*saṅghādisesa*).

3o — Trọng tội (*thullaccaya*).

4o — Ưng-đôi-trị (*pācittiya*).

5o — Ưng-phát-lộ (*pātidesaṇīya*).

6o — Tác-ác (*dukkata*).

7o — Ác-ngữ (*dubbhāsita*).

(1) cấm chế : nghĩa là không cho làm.

Tội bất-công-trụ mà Tỳ-khuru phạm, rồi chẳng còn làm Tỳ-khuru nữa được.

Tội tăng-tàn (saṅghādisesa) nếu tỳ-khuru phạm rồi phải chịu hình phạt "cấm phòng" rồi mới khỏi tội được.

Còn 5 tội sau, khi Tỳ-khuru đã phạm phải cung-xưng sám-hối giữa Tăng, hoặc 2, 3 Tỳ-khuru, hoặc một Tỳ-khuru, rồi mới hết tội được.

Thê thức phạm tội

(Āpattāpajjanākāra)

Thê thức mà Tỳ-khuru phạm các tội có 6 :

- 1o — Phạm vì không hổ-thẹn (alajjitā).
- 2o — Phạm vì không biết tội (aññānatā) là không biết rằng làm thế này, thế kia mà phạm.
- 3o — Phạm vì hoài nghi mà vẫn làm (kukkuccapakatatta).
- 4o — Phạm vì tưởng là nên trong điều không nên (akappiyekappiyasaññitā)
- 5o — Phạm vì tưởng là không nên trong điều nên (kappiye akappiya saññitā).
- 6o — Phạm vì quên (sati sammosā).

Chú giải : Nguyên nhân phạm tội do 6 điều ấy như vậy :

1. Phạm vi không hồ thẹn tội, là: Tỳ-khuru không biết xấu hổ tội (allajji) vì lòng riêng tư thương riêng (chandâgati), giận riêng (dosâgati), làm riêng (mohâgati), sợ riêng (bhayâgati), mà phạm các điều học nhỏ, lớn, không biết xấu hổ, như thế gọi là : "phạm tội" vì không biết xấu hổ.

2. Phạm vi không thông luật cấm, là: Tỳ-khuru ngu dốt không biết rằng điều nào không nên làm rồi làm lạc làm điều ấy, điều nào nên làm lại làm sai, quá pháp luật, cho phát sanh tội, hoặc không biết điều học của Phật chế cấm rồi làm như thế, gọi là : "phạm tội vì sự không thông".

3. Phạm vi hoài-nghi, là Tỳ-khuru có sự nghi-ngờ, không hỏi luật-sur, cầu xin quyết định trước, rồi mới nên làm như thế, rồi làm theo ý riêng của mình, vì sự nghi nan nên phạm tội. Khi đã nghi rồi, dù làm điều nên hoặc không nên, cũng không khỏi tội; đều đủ mỗi điều học, điều nào về tăng-tàn trọng tội, ung-đối-trị hoặc tác-ác thì phạm theo điều ấy, như thế gọi là : "phạm tội vì hoài-nghi".

4. Phạm do tưởng trong điều không nên cho là nên, là: Tỳ-khuru tưởng trong thịt không nên dùng là như thịt gấu, thịt cọp, mà tưởng là thịt heo, hoặc thịt bò là thịt nên dùng, rồi ăn thì phạm tội; hoặc vật thực không nên dùng, tưởng là nên dùng, rồi ăn thì phạm tội; hoặc đã chín xé, rồi tưởng là còn sống rồi thọ thực thì phạm tội; như thế gọi là: "phạm tội vì tưởng trong vật không nên cho là nên".

5. Phạm vi tưởng trong vật nên dùng cho là không

nên là Tỳ-khuru tương trong thịt nên dùng, như thịt heo, thịt bò, cho là thịt gấu, thịt cọp không nên dùng; rồi ăn vào thì phạm tội; hoặc ngày còn sớm, tương là xé, rồi thọ thực vào thì phạm tội, như thế gọi là "phạm tội vì tương trong vật nên dùng cho là không nên".

6. Phạm vi quên là: tỳ-khuru nằm ngủ trong nơi lợp, che với người chừa tu lên bực Tỳ-khuru đến 3 đêm, qua đêm thứ tư, rồi quên đi nằm, ngủ chung trong nơi lợp, che nữa thì phạm tội: hoặc quên; lia xa 1 trong 3 y nào thì phạm tội, hoặc thọ thuốc (đường, mật, sữa...) rồi cất giữ quá 7 ngày, thì phạm tội; hoặc thọ y dư để quên không gởi hoặc không cho đến kẻ khác quá 10 ngày thì phạm tội ung-xã-đối-trị, như thế gọi là : "phạm tội vì quên".

Chỗ sanh tội

(Samuṭṭhāna)

Chỗ sanh tội trong các điều học có 6 :

1. thân — 2. khẩu — 3. thân và khẩu — 4. thân và ý — 5. khẩu và ý — 6. thân, khẩu và ý.

Tội chỉ sanh nơi thân hoặc chỉ sanh nơi khẩu là 1 chỗ sanh như thế gọi "có 1 chi" (aṅga). Sanh nơi thân chung với khẩu, hoặc sanh nơi thân chung với ý, hoặc sanh nơi khẩu chung với ý, là 1 chỗ sanh, như thế, gọi là "có 2 chi". Sanh nơi thân chung với khẩu và ý là một chỗ sanh, như thế gọi là "có 3 chi".

3 chỗ sanh trước là : thân, khẩu, thân và khẩu gọi là chỗ sanh "không cố ý" ⁽¹⁾ (acittaka samuṭṭhāna) nghĩa là : chỗ sanh của tội "không cố ý" không lẫn lộn với ý. Ba chỗ sanh sau là : thân ý khẩu ý, thân, khẩu, ý gọi là chỗ sanh cố ý (sacittaka samuṭṭhāna) nghĩa là : "chỗ sanh tội cố ý" lẫn lộn với ý.

Tội trong điều học mà tỳ-khuru dầu không cố ý cũng phạm gọi là "vô ý" (acittaka). Nếu cố ý, gọi là "cố ý" (sacittaka).

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm chỉ vì chỗ sanh thứ 4 là thân ý, như trong điều học "bất cộng trụ, thứ nhứt" (dâm dục) (paṭhama pārājika) ; chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 5, là khẩu ý như trong điều học "thuyết pháp đến phụ nữ" (dhamma desanā sikkhāpada); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 6, là thân khẩu ý như trong điều học "chia rẽ Tăng" (saṅghabheda sikkhāpada) 3 chỗ sanh nầy gọi là 1 chỗ sanh.

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân) hoặc thứ 4 (thân ý) như trong điều học "Tỳ-khuru thọ lông cừ" (elakalomasikkhāpada): phạm vì chỗ sanh thứ 2 (khẩu) hoặc thứ 5 (khẩu ý) như trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu lên bực Tỳ-khuru" (upasampanna) (pada dhamma sikkhāpada); phạm vì chỗ sanh thứ ba (thân-khẩu) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học (lễ

(1) Không cố ý làm cũng phạm tội

dâng y thứ nhất) ⁽¹⁾ (paṭhama Kaṭhina); phạm vi chỗ sanh thứ 4 (thân, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong "điều học trốn quan-thuế" (theyya pattha sikkhāpada); phạm vi chỗ sanh thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "Tỳ-khuru-ni không hỏi trước mà làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ có tội" (corivutthāpana sikkhāpada), 5 điều học này gọi là "có 2 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vi chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu) thứ 3 (thân, khẩu) như trong điều học "tỳ-khuru nói thiết pháp cao hơn" (bhūtārocana sikkhāpada); phạm vi chỗ sanh thứ 4 (thân, ý), thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādāna sikkhāpada). Điều học này gọi là "có 3 chỗ sanh".

(Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vi chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 4 (thân, ý), hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhưng trong điều học "Tỳ-khuru đi đường xa chung cùng Tỳ-khuru-ni", (addhānasikkhāpada) phạm vi chỗ sanh thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 5 (khẩu, ý), hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) như trong điều học "Tỳ-khuru-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà cha mẹ chưa cho phép" (ananunnāta sikkhāpada), 2 điều học này gọi là "có 4 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vi chỗ sanh

1) Đại lễ dâng y đến Tăng trong 1 năm có 1 kỳ, từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân-khẩu), thứ 4 (thân-ý), thứ 5 (khẩu-ý), thứ 6 (thân-khẩu-ý) như trong điều học "làm mai dong" (**sañcarita sikkhâpada**), điều học này gọi là "có 6 chỗ sanh".

Tất cả điều học, nói về chỗ sanh tội có 13; cả 13 tội ấy có 13 tên, do chỗ sanh theo điều-học chế ra lần đầu tiên như vậy "chỗ sanh điều-học bất-cộng-trụ thứ nhất" (**paṭhama pârâjika samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học trộm cắp" (**adinnâdâna samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học làm mai-dong" (**sañcarita samuṭṭhâna**), chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (**samanubhâsana samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (**paṭhama kaṭhina samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều-học Tỷ-khuru thọ lông cừ" (**elakaloma samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học" Tỷ-khuru đi đường xa chung cùng Tỷ-khuru-ni (**addhâna samuṭṭhâna**), chỗ sanh điều học trốn quan-thuế" (**theyya sattha samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" (**dhammadesanâ samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học Tỷ-khuru nói thiết pháp bậc cao-nhơn" (**bhūtâ rocâna samuṭṭhâna**), "chỗ sanh điều học tỷ-khuru-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà cha mẹ chưa cho phép (**ananuññâtasamuṭṭhâna**):

Phạm tội trong điều học phát sanh do thân và ý, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học bất-cộng-trụ thứ nhất" (**paṭhama pârâjika samuṭṭhâna**).

Phạm tội trong điều học phát sanh vì cố ý (3 chỗ

sinh phía trước) điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học trộm cắp" (**adinnādāna samuṭṭhāna**).

Phạm tội trong điều học phát sanh do cả 6 chỗ sanh, điều học ấy gọi "chỗ sanh điều học làm mai dong" (**sacaññritasamuṭṭhāna**):

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do một chỗ sanh thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (**samanubhāsana samuṭṭhāna**):

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 3 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (**paṭhama kaṭhina samuṭṭhāna**).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỷ-khuru thọ lông cừu" (**elaka loma samuṭṭhāna**).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học dạy kẻ đến người chưa tu lên bậc Tỷ-khuru" (**padaso dhamma sanuṭṭhāna**).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 1, thứ 3, thứ 4 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỷ-khuru đi đường xa chung cùng Tỷ-khuru-ni" (**addhāna samuṭṭhāna**).

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" (**dhamma desanā samuṭṭhāna**);

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ-nữ" (**dhamma desanā samuṭṭhāna**);

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 chỗ sanh vô ý phía trước, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học nói thiết pháp bậc cao-nhơn" (**bhūṭā rocan-asamuṭṭhāna**);

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 5 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỷ-khuru-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ có tội" (**corivutthāpana samuṭṭhāna**);

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2, thứ 3, thứ 5, thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỷ-khuru-ni làm lễ xuất-gia cho phụ-nữ mà chưa có lệnh cha mẹ cho" (**anānu-ññata samuṭṭhāna**).

Về tiếng gọi là "vì thể thức có chỗ sanh" ấy là nói về: làm (**kiriyā**), tưởng (**saññā**), ý (**citta**) tội (**vajja**) nghiệp (**kamma**), tít-cá (**tikka**), dạy người làm (**anatti**), theo thứ tự như vậy :

Phạm tội trong các điều học vì làm (**kiriyā**) có 5:

1o Phạm vì làm (**kiriyā**)

2o Phạm vì không làm (**akiriyā**)

3o Phạm vì làm và không làm (**kiriyā akiriyā**);

4o Phạm vì làm cũng có, không làm cũng có (**siyāakiriyā-siyāakiriyā**);

5o Phạm vi làm cũng có, làm và không làm cũng có (*siyâkiriyâsiyâkiriyâ kiriyâ*).

Tội trong điều học mà Tỳ-khuru phạm do thân hoặc khẩu, như trong điều học "tỳ-khuru đào đất" (*paṭhavikhana sikkhâpada*) điều học ấy gọi là phạm vi làm (*kiriyâ*).

Tội trong điều học mà Tỳ-khuru phạm vì không làm, nghĩa là: tự mình phải làm hoặc phải nói mà không làm không nói, như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (*paṭhama kathina sikkhâpada*) không làm dấu và đặt tên, cất giữ y quá 10 ngày, như thế điều học ấy, gọi là phạm vi không làm (*akiriyâ*);

Tội trong điều học mà Tỳ-khuru phạm vì làm và không làm như trong điều học "thọ y nơi tay Tỳ-khuru-ni không phải bà con" (*cīvara paṭiggahana sikkhâpada*) không đối trước ⁽¹⁾ mới phạm tội, điều học này gọi là "phạm vi làm và không làm" (*kiriyâ akiriyâ*);

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vì làm cũng có, không làm cũng có, như trong điều học "thọ bạc vàng, châu báu..." (*rûpiya paṭiggahana sikkhâpada*), có Tỳ-khuru phạm vì làm cũng có là thọ, bạc, vàng, châu báu...; có Tỳ-khuru phạm vì không làm cũng có, là không ra dấu ngăn cản bạc vàng, châu báu... mà người đem đến dâng cho, điều học này gọi là: phạm vi làm cũng có, không làm cũng có (*siyâkiriyâ siyâ akiriyâ*);

(1) Thọ là làm, không đối là không làm

Tội trong điều học mà tỳ-khuru phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có như trong điều học "Tỳ-khuru cất thất tô bằng vôi, hoặc bằng đất sét" (*kūṭikāra sikkhāpada*) có khi phạm tội vì cho Tăng chỉ chỗ, rồi làm thất lớn quá hạn định, điều học này gọi là phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có" *siyākiriyaṁ siyākiriyaṁ kiriyā*).

Lại nữa, các điều học, nói về ý tưởng (*saññā*) có 2 là: 1: khỏi phạm vì tưởng (*saññāvimokkha*).

2. Không khỏi phạm vì tưởng (*no saññāvimokkha*).

Trong điều học khỏi phạm vì tưởng, là không phạm vì tưởng, là không phạm tội, như nước có côn trùng, mà tưởng rằng không có, rồi uống không phạm tội. Điều học này gọi là "khỏi phạm vì tưởng" (*saññāvimokkha*).

Trong điều học không khỏi tội vì tưởng, như mặt trời đã chình xế mà tưởng rằng chưa, rồi dùng vật thực thì phạm tội. Điều học này gọi là "không khỏi tội vì tưởng" (*no saññā vimokkha*).

Lại nữa, các điều học nói về ý, có 2: "có ý" (*sacittaka*) và "vô ý" (*acittaka*).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh có ý" (*sacittaka samuṭṭhāna*), "thân-ý, khẩu ý, thân khẩu-ý", không làm lộn với "chỗ sanh vô ý" (*acittakasa muṭṭhāna*). Điều học này gọi là "chỗ sanh có ý" (*sacittaka samuṭṭhāna*).

Phạm tội trong điều học phát sanh vì 3 chỗ sanh

vô ý (*acittaka samutthāna*) là thân, khẩu, thân và khẩu. Điều học như thế gọi là vô ý (*acittaka*).

Điều học nào khỏi phạm vi tường (*sañña vimokkha*), điều học ấy gọi là vô ý (*sacittaka*).

Điều học nào không khỏi phạm vi tường (*no sañña vimokkha*), điều học ấy gọi là vô ý (*acittaka*).

Lại nữa các điều học nói về tội có 2, là :

1o Tội vì đời (*loka vajja*) :

2o tội vì Phật cấm (*paññatti vajja*).

Phạm tội trong điều học nào, dầu là vô ý, như điều học uống rượu (*surāpana sikkhāpada*) ý trong thời phạm về phần vô ý, dầu Tỷ-khuru không biết là rượu, rồi cho vào khỏi cổ thì phạm tội, ấy là ác tâm về gốc xan tham (*lobhamūla*). Điều học này gọi là phạm tội vì đời (*lokavajja*), là tội mà bậc trí-tuệ nên lánh, nên khinh khi trong đời.

Còn nói "cố ý biết vật không nên dùng, như biết là rượu rồi uống vì ý tham, không nói về cái ý biết luật cấm là biết rằng không nên, nếu đã biết không nên mà không tuân lệnh Phật, làm sai điều học, vì ý nào, ý ấy (ý bất bình, bực bội) là gốc tội. Cho nên điều học uống rượu (*surāpana sikkhāpada*), điều học "tỷ-khuru đi xem động binh đao" (*Uyyutta sikkhāpada*) và điều học "Tỷ-khuru đi đến nơi chiến trường" (*uyyodhika sikkhāpada*) mới gọi là vô ý, có tội về đời. Còn ý biết điều tội trong điều học nào dầu là lành, điều học ấy gọi tội vì Phật cấm, là có tội mà bậc trí-tuệ nên lánh vì Phật cấm.

Lại nữa, các điều học, nói về nghiệp có 3: thân nghiệp, khẩu nghiệp, thân và khẩu-nghiệp.

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khuru chỉ phạm vì thân-môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ nhất và thứ 4, điều học ấy gọi là "thân nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khuru chỉ phạm vì khẩu-môn, như tội phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "khẩu-nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khuru chỉ phạm trong thân và khẩu-môn, điều học ấy gọi là "thân-nghiệp khẩu-nghiệp".

Lại nữa tikka có 2 :

1o Phần tâm có 3 : chỉ nói về thiện-tâm.

2o Phần thọ có 3 : chỉ nói về thọ.

Tỳ-khuru, khi phạm tội có tâm lành phạm cũng có tâm dữ phạm cũng có, có tâm vô-ký như ngủ mà phạm cũng có.

Lại nữa, thọ khổ mà phạm cũng có, thọ vui mà phạm cũng có, thọ vô-ký mà phạm cũng có, như trong điều học nào, nếu nói: "chỉ có một tâm" (ekacittam) nên hiểu là nói về ác-tâm: trong điều học nào, nếu nói: "Có 2 tâm (dvicittam) nên hiểu là nói về tâm lành và tâm vô ký, trong điều học nào, nếu nói: "có 3 tâm (ticittam) nên hiểu là nói về tâm lành tâm dữ và tâm vô-ký.

Trong điều học nào nói: "có 1 thọ" (eka vedanā) nên hiểu là nói về thọ khổ, trong điều học nào, nói "có 2 thọ" (dvi vedanā) nên hiểu là nói về thọ vui và thọ

vô-ký, trong điều học nào, nói: "có 3 thọ" (tisso vedanā) nên hiểu là nói về thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

Lại nữa, phạm tội trong điều học mà Tỷ-khuru tự mình làm hoặc bảo người khác làm cũng phạm điều học ấy gọi là "sânattika", trong điều học mà Tỷ-khuru tự mình làm mới phạm, bảo kẻ khác làm không phạm, điều học ấy gọi là (anânattika).

Những lời chú giải trên đây: có nói nhưt là về chỗ phát sanh tội (samuṭṭhāna), ấy là để phân biệt cho thấy rõ tội trong mỗi điều học, sẽ giải ra sau này:

ĐIỀU HỌC ⁽¹⁾

(Sikkhâpada)

(Luật cấm mà đức Chánh-Biến-Tri chế định từ điều gọi là "điều học" (sikkhâpada).

Điều học có trong "giới bốn" ⁽²⁾ (pâṭimokkha) cũng có, không có trong giới bốn cũng có.

Điều học có trong "giới bốn" (pâṭimokkha) là:

- | | |
|---|--------|
| 1. Bất-cộng-trụ (pârâjika) có | 4 điều |
| 2. Tăng-tàn (saṅghâdisesa) có | 13 — |
| 3. Bất-định (aniyâta), có | 2 — |
| 4. Ưng-xã đối-trị (nissaggiya pâcittiya) có | 30 — |

(1) Điều học là điều mà bậc tu hành phải học tập.

(2) Cũng gọi là biệt biệt giải-thoát giới.

5. Ưng-đối-trị (suddhika pācittiya) có	92 —
6. Ưng-phát-lộ (pāṭidesanīya) có	4 —
7. Ưng-học-pháp (sekhiyavatta) có	<u>75 —</u>
Tổng-cộng :	220 điều
kê thêm 7 điều diệt tránh (adhikaraṇa samatha)	
thành (220 + 7 = 227) điều.	

BIỆT-BIỆT GIẢI THOÁT THU-THỨC GIỚI

(Pātimokkha samvarasīla) ⁽¹⁾

I.— Bốn điều Bất-cộng-Trụ ⁽²⁾ (Pārājika)

1) — Hành-Dâm (Methuna dhamma) Tỳ-khuru hành-dâm phạm tội Bất-Cộng-Trụ.

Điều học này đực Thế-Tôn cấm chế tại xứ Kalanda gần thành Vesālī, do Tỳ-khuru Sudinna hành-dâm với vợ cũ.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru đã thọ Cụ-Túc-Giới và nuôi mạng chơn-chánh theo các vị khác, rồi chưa Xả tam-y

(1) Nghĩa là giữ đặng một giới thì khỏi phạm một tội.

(2) Bất-Cộng-Trụ, nghĩa là không được ở chung với các Tỳ-khuru khác.

(3) Tương truyền là đời nọ đến đời kia.

(4) 11 hạng người không thể tu lên bậc Tỳ-khuru được là:

1) — Người bán Nam bán Nữ (Bộ-nấp).

2) — Người có cả 2 bộ sanh trước khi.

hoàn-tục mà hành-dâm, dầu là dâm với súc-sanh, cũng phạm Bất-Cộng-Trụ.

Tỳ-khuru là người đã thọ Cụ-Tục-Giới theo chánh pháp của Phật đã khẩu-truyền cho Tăng chúng thu nhận, rồi hòa-hợp tiếp nối tương-truyền ⁽³⁾ cho nhau bằng lời tụng tuyên-ngôn 4 lần (**catuttha-kam-māvaca**) tránh khỏi 5 điều hư hỏng là:

1) — Hư hỏng vì Giới-Tử (**vatthuvipatti**) ⁽⁴⁾.

2) — Hư hỏng vì đọc sai giọng Phạm-ngữ (**Natthi-vipatti**) ⁽³⁾.

3) Hư hỏng vì hỏi thiếu (**Anussavanavipatti**) ⁽⁴⁾.

4) Hư hỏng vì địa phận Tăng hành sự phân ranh không đúng phép (**Sīmā vipatti**).

5) Hư hỏng vì thiếu số Tăng ⁽⁵⁾ (**Purisavipatti**).

Như thế mới gọi là Tỳ-khuru; Tỳ-khuru là người xin ăn, là xin được hoặc không cũng vẫn tự nhiên, xin theo thể thức của bậc Thánh Nhơn. Sớm mai mặc Y cho kín mình, mang bát đến đứng trước nhà của thí-chủ không kêu gọi xin ngay nơi người nào, cũng không liếc xem thí-chủ là người cao, thấp, trắng, đen, mập, ốm, trai, gái.

Tỳ-khuru dầu già, trẻ, cao hạ hoặc mới xuất gia,

3) — Người giả tu-hành. 4) — Người còn theo ngoại-đạo.

5) — Không phải người (Loài-thú). 6) — Người giết Cha.

7) — Người giết Mẹ. 8) — Người giết A-LA-HÁN. 9) — Người chích máu Phật. 10) — Người chia rẽ Tăng. 11) — Người hành-dâm Tỳ-khuru-ni.

(3) Do vị A-xà-Lê hoặc giới-tử đọc trật tên giới-tử tên vị Hòa-thượng, tế độ, tên Tăng v.v...

(4) Do vị A-xà-Lê không hạch hỏi cho đủ các món cần dùng theo

nếu có sự biết mình (6) cố ý muốn bỏ tướng mạo Tỳ-khuru và tỏ lời xả điều học (giới) không nói chơi không nói làm lộn, mới gọi là xả điều học. Còn đọc xả điều học có đến 22 cách, nhưng đây chỉ kể vài câu thường dùng là :

Sikkham paccakkhāmi (Tôi xin xả điều-học)
vinayam paccakkhāmi (Tôi xin xả Luật).
Gihītimam dhārehi (Xin Ngài ghi nhớ rằng tôi là người thế).

Upāsakotimam dhārehi (Xin Ngài ghi nhớ rằng tôi là người cận sự Nam).

Tỳ-khuru có lòng thiết xả bỏ điều-học, đến Vị nào, Vị ấy được nghe và biết rõ lời xả ấy. Như thế mới gọi là xả điều học.

Về sự hành dâm (**Methuna dhamma**) là để ngọc hành của mình vào khiếu của người, của thú sống hoặc đã chết song khiếu chưa rã, hoặc chưa bị thú bươi mổ nhiều chỗ, dầu cho ngọc hành vào bằng một hột mè hoặc bằng dầu sợi tóc, vì lòng vui thích, hoặc có kẻ khác dọa hăm đe ép ngọc hành của mình rồi vui thích trong bốn thời là :

- 1) Lúc để ngọc hành vào.
- 2) Cho ngọc hành vào khiếu.
- 3) Khi vào rồi để đó.

bổn-phần của Tỳ-khuru như (Y-Bát, v.v...)

(5) Do Tăng không đủ số (từ 5 vị trở lên) để chứng nhận.

(6) Là Tỳ-khuru không phải người điên, không có tâm tán-loạn, không hôn mê.

4) Rút ngọc hành ra; Hoặc ngọc hành của mình dài rồi đem vào miệng mình, hoặc lưng điệu xuống mút ngọc hành của mình vì lòng vui thích.

Những thể cách như thế gọi là hành dâm. Tỳ-khuru hành dâm phạm tội "Bất-công-trụ" (Pārājika) không được phép hành Tăng sự chung cùng các vị Tỳ-khuru khác.

30 khiếu phát sanh chỗ hành dâm là :

— Nữ nhơn có.	3 khiếu
— Nữ Phi nhơn có	3 khiếu
— Thú cái có.	3 khiếu
Chúng sanh có cả 2 bộ sanh trực khí :	
— Nhơn có.	3 khiếu
— Phi nhơn có	3 khiếu
— Thú có	3 khiếu
— Nam nhơn có	2 khiếu
— Phi nhơn Nam có.	2 khiếu
— Thú đực có	2 khiếu
— Bộ nắp nhơn có	2 khiếu
— Bộ nắp phi nhơn có	2 khiếu
— Bộ nắp thú có	2 khiếu

Tổng cộng là : 30 khiếu

Về phần Thú như vậy: Thú không thuộc loại có mình dài như rắn. Thủy tộc như cá, rùa v.v..đều có 3 khiếu vừa cho ngọc hành vào, dầu chỉ bằng hột mè

hoặc cộng tóc. Như thế là vật của tội "Bất-cộng trụ". Những khiếu nhỏ hơn là vật của tội "tác ác".

Về loại có 2 chân như: quạ, gà... Thú có 4 chân nhưng thú nhỏ. Nên hiểu là: Vật của tội "Bất cộng-trụ và tác ác" như đã nói.

Tỳ-khuru có mụn ruồi hoặc lông mọc nơi ngọc hành của mình còn biết sự tiếp xúc, cho vào 1 trong 30 khiếu như đã nói, dầu khiếu ấy mà da và thịt đã lột lở hết, song khiếu còn rõ rệt, nếu có ý muốn, rồi hành dâm thì phạm tội "bất-cộng-trụ".

Tỳ-khuru có lông hoặc mụn ruồi mọc nơi ngọc hành, không còn biết sự tiếp xúc, cho vào khiếu như đã giải phạm tội "tác ác". Nếu các khiếu ấy đã lở hết, dầu hình dạng các khiếu ấy chẳng còn sót, mà Tỳ-khuru cố ý cho ngọc hành vào nơi ấy phạm "trọng tội".

Tỳ-khuru cho ngọc hành vào nhãn môn, nhĩ môn, tỉ môn, và theo ghè (phạm khí giới) của loài người phạm "trọng tội". Theo ghè, lỗ mũi của thú lớn như voi, ngựa, tử thi của loài người bị thú ăn nửa thân mình, chưa sinh, lưỡi hoặc răng bày ra ngoài miệng, đều là vật của "trọng tội". Lỗ mắt, lỗ mũi, miệng, ghè trong thân loài thú nhỏ không thể cho ngọc hành vào được và khiếu đã lở, trong tử thi của người đã sinh, đều là vật của tội "tác ác".

Tỳ-khuru để ngọc hành vào miệng tử thi không đụng các phía, phạm "tác ác".

Những điều giải trên là phần phạm tội. Còn về thể thức không phạm tội trong điều học này là: Tỳ-khuru không biết, không vui thích hoặc điên, tâm

tán loạn, bị bệnh hôn mê và Tỳ-khuru phạm đầu tiên hết.

Tỳ-khuru ngủ quên (mê) có người đến hành dâm mà không hay biết, không phạm tội, tỳ-khuru biết song chẳng vui thích chi cả, như thế gọi là không vui thích không phạm tội. Tỳ-khuru điên hoặc có người làm cho tâm tán loạn ⁽¹⁾, Tỳ-khuru bị bệnh nặng làm cho tâm hôn mê, như thế gọi là hôn mê, không phạm tội. Tỳ-khuru hành dâm đầu tiên (trước hết) làm cho đức Thế-Tôn ra điều luật cấm chế như tỳ-khuru Sudinna phạm tội hành dâm trước hết các tỳ-khuru khác "Gọi là người phạm đầu, bị cấm chế" (**Adikammika**) không phạm tội.

Lại nữa, điều học không phạm tội "Bất-cộng-trụ" vì dạy kẻ khác (**Anānattika**). Song không khỏi phạm tội "tác ác" (**dukkata**). Có 2 chi : 1) ý tính hành-dâm (**sevanacittam**). 2) Cho ngọc hành vào khiếu, tiếp xúc nhằm một chỗ khiếu nào. (**Maggena maggapatipādanam**). Như thế mới phạm tội "Bất-cộng-trụ" bằng không đủ 2 chi cũng không phạm tội.

Điều học này có 1 chỗ sanh tội (**Samutthāna**) gọi là chỗ sanh tội "điều học Bất-cộng-trụ thứ nhất" (**Paṭhama pārājika samuṭṭhāna**); nghĩa là phát sanh do thân và ý 1 chỗ sanh, phạm vì làm (**Kirayā**) khỏi phạm vì lường (**Saññāvimokkha**); Phạm vì cố ý (**Sacittaka**). Phạm tội vì đời chê trách (**Lokavajja**). Phạm do thân nghiệp (**Kāyakamma**) ác tâm (**Akusala-citta**); thọ vui và vô ký (**Dvivedanam**).

2.- Trộm cắp (Adinnādānā)

Tỳ - khuru trộm cắp của người đáng giá 5 māśaka⁽¹⁾ trở lên phạm tội "Bất-Cộng-Trụ" điều học này đức Thế-Tôn cấm chế tại núi Kỳ-đà-Quật (Gijjakūta) gần thành Vương-xá (Rājagaha) do Tỳ-khuru Dhaniya lấy cây của vua Tần-Bà-Sa (Bimbisāra) đem đi cất Tịnh-Thất.

CHÚ-GLẢI: Thẻ thức trộm cắp có 6 là :

1) — Kiện lấy (Adiyana) là kiện lấy ruộng vườn, đất của kẻ khác về làm của mình. Trong khi kiện phạm tội "tác ác". Khi chủ đất nghĩ rằng: Ta được hay không được". Tỳ-khuru phạm trọng tội". Khi chủ bỏ hẳn rằng "không còn là của ta nữa" và Tỳ-khuru quyết định không trả của ấy lại cho họ mới phạm tội "Bất-cộng-Trụ".

Nếu Tỳ-khuru thăm tính : chỉ dọa hãm thôi thì chưa phạm tội "Bất-Cộng-Trụ". Khi nào cả 2 bên là Tỳ-khuru chắc chắn không trả lại cho chủ và chủ cũng đã định bỏ của ấy không kêu nài, mới phạm "Bất-cộng-Trụ".

2) — Tiếp đem đi (harana) Tỳ-khuru tiếp (đội, vác) đem của người đi. Nếu cố ý rờ đụng vật (đội) ấy phạm tội "tác ác" mỗi lần rờ đụng làm cho vật ấy cử

(1) 5 MĀSAKA là giá bạc thông dụng ngày xưa bên xứ Trung Ấn Độ, bằng 6 cắc bạc của ta .

động qua lại, phạm "trọng tội"; mỗi lần cử động để vật ấy xuống vai hoặc đỡ hống đầu, phạm "Bất-Cộng-Trụ". Còn về vác gánh trên vai và đem cầm nơi tay cũng kể như đội trên đầu.

3) — **Dấu nói ngược (Ayaharana)** Tỳ-khuru lãnh của người gọi, khi người chủ đến đòi, Tỳ-khuru cố ý dấu, rồi nói ngược lại rằng :

Ta không biết, ta không có lãnh của người đâu; cố ý như thế phạm tội "Tác ác". Làm cho người chủ nghi ngờ, phạm trọng tội. Khi người chủ tính bỏ vì không đòi được, và Tỳ-khuru quyết định, không cố ý trả lại, phạm "bất-cộng-trụ" (1).

4) — **Làm cho đổi oai nghi (iriyapathavikopana)** Tỳ-khuru cố ý trộm cắp đem của cải và người mang của, rồi đuổi người mang của ấy, đi khỏi bước đầu theo ý mình, phạm trọng tội, đi khỏi bước thứ nhì phạm "bất-cộng-trụ".

5) — **Dời khỏi chỗ (ṭhānācāpana)**: Tỳ-khuru tính trộm cắp của để trên khô hoặc trong nước, rồi dụng chạm nhằm, phạm tác-ác; làm cho vật cử động tới lui, phạm trọng tội; làm cho vật ấy ra khỏi chỗ, phạm "bất-cộng-trụ".

6) — **Qua khỏi chỗ quan thuế tra xét (sanketavitināmana)**: Tỳ-khuru biết chỗ quan thuế đi đến chỗ tính không đóng thuế, cố ý rờ dụng cầm lấy vật mà mình đem đi, đáng giá thuế: 6 các phạm

(1) Của người gọi, tỳ-khuru làm mất không chịu bồi thường cũng phạm "bất-cộng-trụ".

tác-ác; đi bước đầu ra khỏi chỗ quan thuế phạm trọng tội; đi qua bước thứ hai, phạm "bất-cộng-trụ".

Lại nữa, Tỳ-khuru dạy các vị khác đi trộm cắp, rằng: "Ông đi trộm lấy vật ấy", Tỳ-khuru dạy phạm tác-ác trong lúc dạy; Tỳ-khuru đi trộm phân biệt rằng: "của này hoặc vật này, hoặc biết rằng: vật khác, rồi đi lấy được, theo lời dạy như thế, cả hai đều phạm tội. Nếu Tỳ-khuru trộm cắp phân biệt rằng vật này, hoặc vật khác, rồi trộm được vật khác, ngoài ra vật của Tỳ-khuru dạy đi ăn trộm và đã nhứt định, như thế Tỳ-khuru dạy không phạm, tỳ-khuru đi trộm, phạm "bất-cộng-trụ" thôi.

Tỳ-khuru dạy rằng : " Ông đi trộm của ấy, vật ấy của người kia trong giờ nào, trộm trong giờ ấy. Như thế, nếu Tỳ-khuru dạy trộm được theo giờ đã định, cả hai Tỳ-khuru đều phạm tội " bất-cộng-trụ" trong giờ trộm : Nếu trộm ngoài giờ dạy, Tỳ-khuru dạy không phạm, Tỳ-khuru trộm, phạm " bất-cộng-trụ " thôi.

Nhiều Tỳ-khuru rủ nhau đi trộm, chỉ có một vị trộm được, cả thầy cũng đều phạm tội " bất-cộng-trụ".

Tỳ-khuru hăm dọa cho người sợ để lấy của như của " bọn trộm cướp ", phạm " bất-cộng-trụ ".

Tỳ-khuru đổi thẻ có viết tên vị khác mà thí chủ để trên y đem bố-thí. Lấy thẻ của người cao giá, hoặc thấp giá hơn hoặc bằng giá như nhau, để gần của phần mình, Tỳ-khuru cầm thẻ của mình lên, vì muốn để trong phần của người khác; lấy thẻ của mình hoặc của người, mà chưa đổi thẻ để xuống, phần của

người về mình, phần của mình về người thì chưa phạm, khi đổi xong, để thê xuống rồi mới phạm "bất-cộng-trụ".

Lại nữa, Tỳ-khuru tính trộm của người rồi đi, lúc đi trộm, đi mỗi bước là một tác-ác, rờ đụng nhằm cũng phạm tác-ác, làm cử-động của trộm, phạm trọng tội; đến khi trộm được của giá đáng 1 các phạm tác-ác, nếu của ấy giá đáng hơn một các trở lên, chưa đến 6 các, phạm trọng tội. Của ấy đủ 6 các hoặc nhiều hơn, phạm "bất-cộng-trụ".

Lại nữa, điều học trộm cắp này rất sâu xa, vi-tế có giải trong luật (**samantapāsādikā**). Đây chỉ giải tóm tắt vậy thôi, và chư vị A-la-hán có dạy "điều học này rất cao sâu, khó định nghĩa được. Cho nên khi có người tố cáo tỳ-khuru trộm cắp, dầu luật-sur có hỏi theo thể thức trộm cắp, nếu thấy cũng không nên vội định tội, nên hỏi đến 5 điều này trước:

1. Vật (**vatthu**).
2. Giờ (**kāla**).
3. Chỗ (**padasa**).
4. Giá (**agha**).
5. Dùng (**paribhoga**).

"Vật" là của mà Tỳ-khuru trộm, đem vật ấy đến hỏi tra coi, vật ấy có chủ hay không, nếu có chủ, sau khi trộm được, chủ còn thương tiếc hay bỏ. Nếu chủ còn thương tiếc, phải xử theo giá vật trộm; bằng chủ đã bỏ, không nên xử phạm "bất-cộng-trụ". Nếu chủ đòi thì nên trả lại, như thế mới là chơn chánh.

" Thời " là lúc trộm vật ấy, có khi của ấy cầm giá, có khi lên giá.

" Xứ " là chỗ mà Tỳ-khuru trộm của được, trộm trong xứ nào, phải xử theo giá trong xứ ấy.

" Giá " là giá của vật trộm đã dùng rồi hoặc chưa. Nếu vật ấy người đã "dùng " rồi thì giá rẻ.

Ấy là 5 điều nên tra hỏi trước.

Thê thức không phạm tội

Tỳ-khuru tưởng là của mình rồi cầm lấy, lấy vì thân-thiết với nhau, mượn nhau để dùng, vật ấy của tinh, quý hoặc súc sanh, không phải của người lượm ngoài đường là vật không có chủ và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác trộm (sanattika) có 5 chi :

1o Của người gìn giữ (parapariggahitam).

2o Tưởng là của người gìn giữ (parapariggahitasaññitā).

3o Của ấy giá đáng 1 bát ⁽¹⁾ hoặc cao hơn (garuparikkhāro)

4. Ý tính trộm cắp (theyyacittam).

5. Đã trộm được theo lẽ đã giải trước (avaharanam).

Đều đủ cả năm chi ấy mới phạm "bất-cộng-trụ". Điều học này có 3 chỗ sanh gọi là " chỗ sanh tội trộm

(1) Bát bên xứ trung * An-Độ * thước ấy giá bằng 6 cái trong nước ta, lưu hành đến ngày nay.

cấp " (adinnādāna samuṭṭhāna) là : tội sanh do : 1^o thân-ý, 2^o khẩu ý, 3^o thân-khẩu-ý, phạm vi làm (kiriya), khỏi tội vi tường (saññāvimokkha) phạm vi cố ý (sacittaka), phạm tội vi đời (lokavajja), thân nghiệp (kāyakamma), khẩu-nghiệp (vacīkamma), ác tâm (akusalacitta) có 3 thọ : thọ khổ (ekāvedanā), thọ vui (dvivedanā) thọ vô ký (tissovedanā).

3. Giết người (Manussa viggaha). — Tỳ-khuru cố ý giết người phạm tội " bất-cộng-trụ ".

Điều học này đức Thế-Tôn cấm chế tại phước xá ⁽¹⁾ có danh trong rừng Tuyết-sơn gần thành Quê-sa-li (Vesāli) do chư sư sát hại lẫn nhau vì được nghe đức Phật giảng giải sự ô-trược và điều khổ của thân ngũ-uẩn, rồi tương làm, nên giết lẫn nhau cho hết khổ.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru cố ý giết người dầu là bào chế thuốc uống, đập, đánh, chỉ cách giết, hoặc để khí giới giết người, hoặc giảng lời tâng khen về sự chết rằng : người sống có ích chi, xấu xa, đê hèn, không bằng chết còn hơn, chết sanh về cõi vui, hoặc dạy cách chết, là dạy " người nên đâm họng, nên uống thuốc độc... giải như thế mà người chết trong khi ấy, hoặc lâu ngày mới chết, tỳ-khuru phạm "bất-cộng-trụ ".

Người là vật của " bất-cộng-trụ ", không phải người (phi-nhơn) tinh, qui là vật của " trọng tội ", thú là vật của " ứng-đối-trị ".

(1) Phước xá này cất trong rừng lớn gần biển và núi Tuyết-sơn

Tỳ-khuru dạy người giết có 6 điều :

1. **Định giết người.** — Dạy kẻ nào, người chịu lời đi giết kẻ ấy thì phạm tội cả hai người, (người dạy và người đi giết), nếu giết lầm kẻ khác, người bảo không phạm "bất-cộng-trụ".

2. **Định giờ.**— Nếu người chịu lời, giết ngoài giờ dạy, thì người dạy không phạm "bất-cộng-trụ".

3. **Định chỗ.**— Nếu Tỳ-khuru dạy giết người ở trong nhà này, nơi khoảng trống kia, mà người chịu lời, lại đi giết ngoài chỗ đã định, thì người dạy không phạm "bất-cộng-trụ".

4. **Định khí giới.**— Dạy người giết bằng đao, chĩa, người chịu lời lại giết bằng khí-giới khác, thì người bảo giết không phạm "bất-cộng-trụ".

5. **Định oai nghi.**— Dạy giết kẻ đứng hoặc đi, người chịu lời lại giết kẻ ngồi hoặc nằm, thì người bảo giết không phạm "bất-cộng-trụ".

6. **Định cách giết.**— Dạy tiếng giết bằng cách đâm hoặc chém, người chịu lời lại giết bằng cách đánh hoặc cưa, thì người bảo giết không phạm "bất-cộng-trụ".

Lại nữa, nếu người chịu lời đi giết không được người dạy, bảo thêm rằng : nếu người có thể giết được giờ nào, nên giết giờ ấy, như thế dầu là lâu đến đâu, người giết chắc sẽ giết được, người dạy phạm trọng tội trong lúc dạy, người giết phạm tội trong khi giết.

Tỳ-khuru đào giếng, đào hầm, gài bẫy để khí-giới

hoặc bỏ thuốc độc để giết người, nếu muốn giết người nào, người ấy chết mới phạm tội, bằng không, định nghĩa rằng : " nhằm kẻ nào thì kẻ ấy chết ", như thế phạm tội theo hạng người chết; như nhằm A-la-hán, cha, mẹ của Tỷ-khuru ấy chết thì phạm ngũ nghịch đại tội và " bất-cộng-trụ ".

Nếu kẻ khác hoặc tinh, ngựa-qui, hoặc thú chết thì phạm trọng tội hoặc ưng-đối-trị.

Nếu Tỷ-khuru đưa bẫy, viết thư cho kẻ khác hoặc bán cho người đem dùng để giết thì phạm tội cả 2 bên.

Nếu Tỷ-khuru ăn năn đi đòi hoặc mua vật ấy lại mới khỏi tội. Tỷ-khuru tự mình làm bẫy, viết thư nên đem đốt cho hết mới khỏi tội. Nếu đốt chưa cháy hết, kẻ khác đem giết người, Tỷ-khuru cũng không khỏi tội; thư chưa cháy tiêu có kẻ khác đem học biết cách để giết người, rồi giết theo thư ấy, Tỷ-khuru cũng không khỏi tội.

Tỷ-khuru đào giếng, đào hầm cho sanh vật chết, lúc đào phạm tội tác-ác mỗi lần đào; nếu thú, phi-nhơn sa vào bẫy, Tỷ-khuru phạm tội tác-ác, thú chết phạm ưng-đối-trị, phi-nhơn chết phạm trọng tội. Người mắc bẫy phạm trọng tội, chết phạm "bất-cộng-trụ ".

Thê thức không phạm tội:

Tỷ-khuru không cố ý giết, không biết (như không biết trong cơm có thuốc độc, đem cho kẻ khác ăn rồi chết, và Tỷ-khuru diên đều không phạm tội).

Điều học này " phạm tội vì dạy kẻ khác giết " (sânattika) có 5 chi:

1o Loài người (manussajâtipâṇo).

2o Biết là người có sanh mạng (pāṇasaññitā)

3o Cố ý giết (upakkamo).

4o Rán sức giết theo 1 trong 6 điều đã giải (vadhakacittam).

5o Người ấy chết vì mình rán sức (tena maranam)

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm " bất-cộng-trụ ".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học trộm cắp (adinnādāna samuṭṭhāna) phạm vì làm (kiriya), khỏi phạm vì tường (saññāvīmokkha). Cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân nghiệp (kāyakamma), khẩu nghiệp (vacīkamma), ác tâm (akusalacitta) thọ khổ (ekāvedanā).

4. Khoe pháp bậc cao hơn.— (Uttarimanu-ssadhamma). Tỳ-khuru khoe pháp của bậc cao hơn, là pháp của người cao thượng mà tự mình không có, phạm " bất-cộng-trụ ".

Điều học này đức Thế-tôn cấm chế tại phước xá, có danh (Rutāgārasālā), trong rừng Tuyết-sơn gần thành Quê-sa-li (Vāsāli) do nhóm Tỳ-khuru tu gần mé sông "Vaggumudā" khoe pháp bậc cao cho người tín-ngưỡng bổ thí:

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru chưa giác ngộ, song là người ham muốn sự tặng khen, rồi khoe rằng đắc pháp bậc cao thượng, mà tự mình chưa được, nếu có

người biết nghe rõ, trong khi ấy, sau rồi bị tra hỏi hoặc không bị tra hỏi, Tỳ-khuru ấy cũng phạm "bất-cộng-trụ" trong khi khoe ấy : Dầu muốn được trong sạch, hoàn-tục rồi trở lại nói rằng : " Tôi không đắc đạo cao-nhơn, cố-ý nói đắc, là tôi nói dối, như thế ấy cũng không phạm " bất-cộng-trụ " .

Pháp của bậc cao hơn là " 4 thiền hữu-sắc, 4 thiền vô-sắc, lục-thông ⁽¹⁾, 4 đạo, 4 quả và Niết-bàn; 37 phần pháp bồ-đề; không tham; không sân; không si, 3 cái giác; 8 cái giác... đều là pháp của bậc cao hơn, vì người nào đắc các pháp ấy đều gọi là bậc cao thượng, hơn thường hơn.

Tỳ-khuru không có pháp cao hơn trong mình mà nói rằng : "Ta đắc sơ-thiền... ta đắc thân-thông, ta đắc quả... nói như thế, khi tính nói cũng biết ta sẽ nói dối, lúc đang nói cũng biết ta đang nói dối, khoe đến kẻ nghe khác, kẻ ấy dầu là bậc xuất gia hay cư-sĩ được hiểu biết trong khi ấy rằng : " vị Tỳ-khuru đã đắc thiền-định, đạo quả... " họ tin thiệt hoặc không tin lời nói thật; Tỳ-khuru cũng phạm "bất-cộng-trụ" .

Nếu nói đến người nghe, không hiểu biết; Tỳ-khuru phạm tội trọng ; muốn khoe khoang mà nói thế rằng : " Người nào ngụ trong chùa này; đều là người đắc thiền-định ", người nghe hiểu biết trong

(1) Lục-thông là; nhãn thông, nhĩ thông, tha-tâm-thông, túc-mạng thông, thân-túc thông, lậu-tận thông.

khi ấy, tỳ-khuru phạm trọng tội, người nghe không hiểu biết tỳ-khuru phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội

Nói thiệt rằng mình đã đắc... không cố-ý khoe và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này, không phạm tội vì dạy người khác khoe (*anânattika*), có 5 chi :

1* Khoe pháp cao-nhơn mà tự mình không có (*Uttari manussadhammassa attâni asantatâ*).

2* Khoe vì muốn được lợi, được khen (*pâpicchatâya tassa ârocanam*).

3* Khoe theo lời của người khác (*anaññâpadeso*)

4* Khoe nói đến người nào, người ấy là loài người (*yassu âroceti tassa manussajâtikatâ*).

5* Khoe mà người nghe hiểu biết rõ rệt trong khi ấy (*tamkhanam vijânanam*).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm " bất-cộng-trụ ".

Chỗ sanh tội (*samuṭṭhâna*) cũng như trong " điều học trộm-cấp (*adinnâdâna*).

ĐỨC PHẬT GIẢI VỀ NĂM BỌN CƯỚP LỚN

Này các Tỳ-khuru ! Trong Phật-pháp này có 5 bọn Tỳ-khuru cướp lớn. Này, các Tỳ-khuru ! Năm bọn Tỳ-khuru cướp lớn như thế nào ?

Này, các Tỳ-khuru ! Có bọn cướp lớn trong thế gian, suy xét rằng : bao giờ ta được một trăm hoặc

một ngàn bộ hạ qui thuận, ta sẽ vào trong xóm, làng, châu, quận giết hại đốt phá hoặc bảo kẻ khác giết hại đốt phá dân cư ấy. Đến sau bọn cướp ấy được một trăm hoặc một ngàn người tùy tùng, rồi đem nhau vào xóm, làng, châu, quận đánh đập giết hại các cư dân ấy, thế nào; này khác tỳ-khuru ! Sự suy xét của tỳ-khuru ác trong Phật-pháp này cũng như thế. Tỳ-khuru ác ấy suy xét rằng: bao giờ ta được một trăm hoặc một ngàn người sùng bái ta sẽ vào xóm, làng, châu, quận, ta sẽ được các thứ y, món ăn, chỗ ở và thuốc men mà các hàng cư-sĩ hoặc bậc xuất-gia thành-tâm cúng dường. Đến khi sau Tỳ-khuru ác ấy, được một trăm hoặc một ngàn người phục tùng rồi vào xóm, làng, châu, quận xin được y, vật-thực, chỗ ở và thuốc men mà các hàng cư-sĩ hoặc bậc xuất-gia hết lòng tôn kính cúng dường. Này, các tỳ-khuru ! Tỳ-khuru ấy, gọi là kẻ cướp lớn thứ nhất, có rõ rệt trong thế gian.

Này các tỳ-khuru ! Còn nguyên nhân khác nữa : trong Phật-pháp này, có Tỳ-khuru ác, học hỏi pháp luật mà Như-lai đã giảng giải, rồi tự mình thiêu đốt lấy mình. ⁽¹⁾

(1) Kinh chú giải có nói: Tỳ-khuru biết dạy học phạm ngữ và lời chú giải có tài thuyết Pháp hay, khi đã thuyết xong, có người hỏi: Ngài học với thầy nào. — Tỳ-khuru ấy dấu pháp danh của thầy; đáp : chẳng có thầy nào có thể dạy ta được cả, ta chỉ biết ở nơi ta.

(2) Cáo vì không được thấy tận mắt, không được nghe, không nghĩ trong tâm.

(3) Cáo rằng phạm tội hành dâm.

Này, các Tỳ-khuru ! Tỳ-khuru ấy gọi kẻ cướp lớn thứ nhì, có rõ rệt trong thế-gian.

Này các Tỳ-khuru ! Còn nguyên-nhân khác nữa trong Phật-pháp này có bốn Tỳ-khuru ác vô cớ⁽²⁾ tổ-cáo Tỳ-khuru trì-giới thanh-cao đang hành-pháp cao-thượng trong sạch, rằng tu hành không cao-thượng⁽³⁾

Này các Tỳ-khuru ! Tỳ-khuru ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ ba, có rõ rệt trong thế-gian.

Này, các Tỳ-khuru ! Còn có nguyên-nhân khác nữa, trong Phật-pháp này, có Tỳ-khuru ác, muốn làm cho vừa lòng hàng cư-sĩ, đem tài sản của Tăng hoặc phụ tùng là: 1. bông và cây — 2. chỗ trồng bông và trồng cây. — 3. tịnh-thất. — 4. chỗ cất tịnh-thất. — 5. giường. — 6. bàn thấp dài. — 7. nệm. — 8. gối. — 9. nôi. — 10. cân — 11. thùng. 12. chậu làm bằng loại kim. — 13. dao nhỏ. — 14. búa. — 15. riều. 16. xuống. — 17.⁽⁴⁾ vá: — 18. giầy. — 19. tre dài 8 ngón tay trở lên. — 20. cò thường. — 21. cò năn ni: — 22. cò ống. — 23. đất sét. — 24. vật làm bằng cây. — 25. vật làm bằng đất.

Này, các Tỳ-khuru ! Tỳ-khuru ấy gọi là kẻ cướp lớn thứ tư, có rõ rệt trong thế-gian.

Này các Tỳ-khuru ! Tỳ-khuru nào khoe pháp bậc cao hơn, mà chính mình không có rõ rệt, Tỳ-khuru ấy gọi là kẻ cướp thứ năm, là kẻ cướp lớn tột bực trong thế gian và luôn cả cõi trời, cõi Dạ-ma-thiên (Yamā)

(4) Tài sản của Tăng từ số 9 đến 17 đều làm bằng kim loại

cõi Phạm-thiên, trong các bọn chúng sanh cho đến sa-môn, bà-la-môn và các bậc vua chúa.

Vì sao Như Lai giải như thế? Này, các Tỳ-khuru, vì Tỳ-khuru cướp cục cơm của hàng cư sĩ đem ăn. (Đức Chánh-Biến-Tri muốn cho việc này được rõ rệt, mới giải thêm kệ ngôn sau này):

Tỳ-khuru nào tu-hành không được trong sạch, mà làm cho kẻ khác biết mình là trong sạch, Tỳ-khuru ấy gọi là cướp vật thực của họ, đem về dùng, như người thợ săn núp mình bên lùm cây mong chờ bắn thú.

Tỳ-khuru chỉ dùng y ca-sa mặc cho kín mình, nhưng tu-hành theo phép xấu xa không thu-thúc (theo pháp luật) là người rất dơ bẩn, Tỳ-khuru ấy chắc hẳn phải đọa vào địa ngục vì tự mình gây ra nghiệp quấy; Nên ăn cục sắt đang cháy như ngọn lửa còn tốt hơn, tỳ-khuru phá giới không thu thúc (theo pháp-luật) ăn cục cơm của hàng cư-sĩ.

II.— 13 ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN

(SaṅghaDisesa) ⁽¹⁾

1) DI TINH (Sukkavisatthi). Tỳ khuru cố ý làm cho Tinh Di khỏi chỗ phạm "Tăng Tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh-Xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatthī) do Tỳ-khuru Seyyasaka làm cho tinh di.

(1) Tăng-Tàn là tội mà phải cần được xử phạt với số Tăng từ 4 vị cho đến phần đông.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru muốn tinh di cho khỏi bệnh, cho được sự vui thích... Rồi ráng sức dùng tay hoặc dạy kẻ khác làm, hoặc rờ rẫm ngọc hành bằng tay, hoặc nắm sắp đè ngọc hành, hoặc kẹp trong bắp vế v.v... Rồi làm cho tinh di, dầu chỉ vừa cho con ruồi nhỏ nuốt được, dầu tinh chưa ra, là chưa xuất ra ngoài cũng phạm tội "Tăng-tàn".

Cố ý muốn cho tinh di, cầm da ngọc-hành để tiểu tiện, tinh di phạm "Tăng Tàn" tinh không di phạm "trọng tội".

Cố ý nắm ngọc hành của Sadi đang ngủ, tinh di phạm "tác ác". Xem chỗ kín của phụ nữ, tinh di phạm "tác ác".

Thê thức không phạm tội :

Lúc nằm mộng không cố ý và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội. Không cố ý cho tinh-di và không cố ý vui thích cũng không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (Anānattika) có 3 chi :

- 1) — Tác ý muốn làm cho tinh di (Cetanā).
- 2) — Rán sức làm (Upakkamo).
- 3) — Tinh đã di (Mocanam).

Đều đủ cả ba chi ấy mới phạm "Tăng-Tàn".

Chỗ sanh tội samuṭṭhāna) cũng như trong điều học Bất-cộng-trụ thứ nhất (Paṭhama Pārājika samuṭṭhāna).

2) ĐỤNG CHẠM VÀO MÌNH PHỤ-NỮ: (Kāyasamsagga)

Tỳ-khuru cố ý đụng cọ nhằm mình phụ-nữ phạm "Tăng-Tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh Xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sávatthi) do Tỳ-khuru Udāyi rờ rám phụ nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru rờ rám mình phụ-nữ, dầu mới sanh trong một ngày cũng phạm tội "Tăng-tàn".

Bộ-nấp, Nữ, Ngạ-qui, Tinh đều là vật trọng tội, thú cái, thú đực, người nam là vật của tội "Tác ác".

Phụ-nữ, Tỳ-khuru biết là phụ-nữ rồi chạm nhằm vì lòng vui thích cho đến sự đụng chạm lông với lông. Phụ-nữ đụng mà Tỳ-khuru có lòng vui thích sự đụng chạm ấy, Tỳ-khuru phạm "Tăng-Tàn".

Phụ-nữ, Tỳ-khuru nghi là phụ-nữ, hoặc không phải phụ-nữ, hoặc tưởng là bộ-nấp, là người nam, là thú rồi đụng nhằm vật dính với thân mình hoặc chạm vật dính với thân của phụ-nữ, như cọ nhằm y-phục phụ-nữ, hoặc của bộ-nấp, Tỳ-khuru phạm "Trọng Tội".

Tỳ-khuru đụng vật dính với thân phụ-nữ, do vật dính với thân mình, hoặc phụ-nữ liệng đồ Tỳ-khuru lăn; liệng qua lại, hoặc chạm nhằm bộ-nấp, Tỳ-khuru nghi hoặc tưởng là phụ-nữ, là người Nam hoặc người Nam mà Tỳ-khuru tưởng là phụ-nữ, là bộ-nấp, là thú, hoặc nghi rồi mà có lòng vui thích, rồi

đụng nhằm mình hoặc cọ nhằm vật dính với thân
liêng vật ấy qua lại v.v... như thế đều phạm tội "tác
ác". Phạm nhiều hay ít tùy theo vật và mỗi lần đụng.

Tỳ-khuru sờ hình phụ-nữ, hoặc nắm chặt, sờ
bằng 1 ngón tay hoặc trọn bàn tay, sờ từ đầu tới
chân không rời chỉ phạm 1 tội. Nếu vật khác nhau
rồi sờ bằng 5 ngón tay thì phạm đến 5 tội.

Thê thức không phạm tội :

Phụ-nữ đụng nhằm Tỳ-khuru, Tỳ-khuru không vui
thích vì không cố ý muốn đụng, dầu biết sự đụng
chạm ấy, hoặc muốn cho khỏi rời xô ra hoặc chạm
nhằm vì vô ý, không biết, quên vì không lòng vui
thích, và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy người khác
(Anānattika) có 6 chi :

- 1) Người phụ nữ (Manussitthī).
- 2) Tưởng là phụ nữ (Itthisaññitā).
- 3) Rán sức đụng chạm vừa theo sự vui thích
(Tenarāgena vāyāmo).
- 4) Vui thích vì sự chạm nhằm mình phụ nữ
(Kāyasamsaggarāgo).
- 5) Đụng chạm với nhau, nhứt là nắm tay
(Hatthagāhādi samāpajjanam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "Tăng-tàn".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học
Bất-cộng-trụ thứ nhứt (Pathama pārājika
sikkhāpada).

3) NÓI LỜI HOA TÌNH : (Dutthullavācā)

Tỳ-khuru nói lời thấp hèn, nói ngay Sản-Môn nói với phụ-nữ, như thể phạm "Tăng-Tàn".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh-Xá (Jetavana) gần thành Xá-Vệ (Savatthi) do tỳ-khuru Udāyi nói lời đê hèn thô tục với phụ nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru cố ý vui thích rồi trêu ghẹo phụ nữ như trai ghẹo gái, phụ nữ biết được trong khi ấy, phạm "Tăng-tàn", Người phụ nữ biết lời tốt hoặc xấu về sự hành dâm là vật phát sanh "Tăng-tàn". Vật làm cho sanh "trọng tội và tác-ác" như trong điều học trước. Lời nói về sản-môn và giang-môn về sự dâm-dục với phụ-nữ đều gọi là đê hèn, thuộc về chỗ phát sanh "Tăng-tàn".

Trong thân phụ-nữ từ ngực sắp xuống từ đầu gối trở lên là vật cho sanh "trọng tội". Tứ chi ngoài ra là vật cho sanh "tác ác".

Tỳ-khuru nói : Này phụ-nữ nào hầu hạ bằng nhục dục, đến người có Giới-Luật, có đạo đức hành Pháp phạm hạnh ⁽¹⁾ như ta, sự hầu hạ ấy là cao thượng hơn các sự hầu hạ khác, nếu phụ-nữ hiểu được trong khi ấy, tỳ-khuru phạm "Tăng-tàn".

Điều học này có 5 chi :

- 1) Người nữ (Manussitthī).
- 2) Tưởng là người nữ (Itthisaññitā).
- 3) Vui thích trong chỗ nói lời hoa tình (Dutthullavācāsarāgo).

(1) Phạm-Hạnh, là Hạnh thanh cao.

4) Khen sự vui thích ấy (Tenarāgena).

5) Phụ-nữ nghe hiểu được trong khi ấy (Tamkhanam vajānanam).

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói, khen sự hầu hạ bằng nhục dục.

4) HẦU HẠ MÌNH BẰNG NHỤC-DỤC (Attakāma pāricariya)

Tỳ-khuru có tình-dục nói ướm cho phụ-nữ hầu hạ mình bằng nhục dục. Phạm "Tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-Viên Tịnh Xá gần Xá-vệ (Sāvattthi) do Tỳ-khuru Udāyi bảo phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nói: "Này em gái, phụ nữ hầu hạ người có giới, có đạo đức, hành Pháp Phạm-Hạnh như ta, bằng nhục dục, sự hầu hạ ấy cao thượng hơn các sự hầu hạ khác." Nếu phụ nữ hiểu được trong khi ấy. Tỳ-khuru phạm "Tăng-tàn".

Điều học này có 5 chi :

1) Người (Manussitthi).

2) Tưởng là người nữ (Itthisaññitā).

3) Vui thích trong sự hầu hạ mình bằng nhục dục (Attakāma pāricāriyāyarāgo).

4) Khen sự vui thích (Tenaraganavaṇṇabhananam).

5) Phụ-nữ hiểu biết trong khi ấy (**Tamkhanam-vacānanam**).

Chỗ sanh tội như trong điều học trước, chỉ khác nhau chỗ nói khen bằng sự nhục dục.

5) LÀM MAI DONG (Sañcaritṭa). Tỳ-khuru làm mai dong cho trai và gái làm vợ chồng nhau phạm "Tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (**sāvatti**) do Tỳ-khuru Udāyi làm mai dong.

Chú-giải : Người nam, người nữ (không phải là ngạ-qui, tinh) là kẻ thế hoặc người xuất gia chưa được làm chồng vợ, hoặc đã làm chồng vợ mà từ bỏ hẳn nhau rồi, dầu là cha mẹ của Tỳ-khuru, đều là vật cho sanh "tăng tàn".

Sự đem mai mối có 3 chi :

1° Nam hoặc nữ, hoặc cha mẹ của người nữ, hoặc của người nam, cầu Tỳ-khuru nói đến người nữ; hoặc người nam cầu Tỳ-khuru nói đến cha mẹ của người nữ, hoặc Tỳ-khuru hứa lời của người (**paṭigganhāti**).

2° Họ cầu đi nói người nào, Tỳ-khuru nói với người ấy rằng : "người hãy làm chồng làm vợ với nhau, hoặc trai gái cùng nhau (**vimamseti**).

3° Người nào cầu đi nói, Tỳ-khuru trở về nói lại với người ấy (**paccāharati**).

Làm mai dong cho người, được hoặc không được không quan trọng, nếu có đủ 3 chi ấy, phạm tội

"tăng-tàn". Nếu chỉ có 2 chi, là chịu đi nói hoặc đã nói rồi, trở lại cho hay (1 trong 2 chi nào) thì phạm "trọng-tội". Nếu chỉ có 1 chi là chịu đi nói hoặc trở về nói lại (trong 1 chi nào) thì phạm tội "tác-ác".

Nếu trai cầu Tỳ-khuru đi nói với gái có mẹ gìn giữ, Tỳ-khuru đi nói đến gái ở với cha, như thế, sai lời cầu, không phạm "tăng-tàn". Tỳ-khuru làm mai dong cho bộ nắp phạm "trọng-tội".

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru đem tin của Tăng, tin của Tỳ-khuru bình và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy kẻ khác" (sânattika) Tỳ-khuru đã chịu lời người, dạy kẻ khác đi nói đến trai, hoặc gái; hoặc đã nói rồi, dạy kẻ khác trở về nói cho người cầu ấy hay, cũng phạm "tăng-tàn" có 5 chi :

1o Đem lời cho người nào, người ấy là người thiệt (không phải phi nhơn) (*yesam sañcaritṭam samâpajjati tesam manussajâtikatâ*).

2o Họ không phải là chồng vợ với nhau từ trước hoặc là đã có làm chồng vợ rồi, song đã từ bỏ nhau hẳn rồi (*nanâlamvacaniyatâ*).

3o Chịu lời người cầu (*paṭigganhânam*)

4o Nói theo lời người cầu (*vimamsanam*)

5o Trở lại cho người cầu hay biết (*paccâhara-nâni*)

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "tăng-tàn"

Có 6 chỗ sanh (*sâmutṭhâna*) là :

Tỳ-khuru không biết luật cấm, hoặc không biết họ đã từ bỏ hẳn nhau rồi, chịu lời đi nói, hoặc ra dấu hiệu trở lại cho hay bằng cách ra dấu hiệu, như thế là tội phát sanh do thân.

Tỳ-khuru ngồi, trai đến cầu gởi rằng : " gái ấy sẽ lại tìm ông, xin ông biết bụng người ", rồi Tỳ-khuru chịu lời rằng : " Ờ ! Phải rồi ". Khi gái đến Tỳ-khuru nói lại, khi trai trở lại Tỳ-khuru cho hay như thế, là tội phát sanh do khẩu, vì Tỳ-khuru không có ra dấu hiệu.

Lại nữa, Tỳ-khuru nhận lời của trai bằng khẩu, rồi đi đến nhà gái, vì nguyên nhân nào khác, gặp gái ấy rồi nói, rồi vì nguyên nhân nào khác trở lại gặp nói lại với trai ấy, như thế, gọi là chỉ phát sanh do khẩu.

Tỳ-khuru không biết luật cấm, dầu bậc A-la-hán, cha dạy đi, ngài cũng đi nói với mẹ (đây nói về cha mẹ đã từ bỏ nhau rồi) rằng : người hãy trở về hầu-hạ cha đi, rồi Tỳ-khuru trở về cho cha hay biết, như thế gọi tội phát sanh do thân khẩu (3 cách) như thế gọi là " chỗ sanh tội vì vô ý " (acittaka samuttāna) nghĩa là Tỳ-khuru biết, hoặc không biết cũng phạm tội.

Tỳ-khuru biết luật cấm, hoặc biết rằng : họ đã từ bỏ hẳn rồi, còn đem mai mối cả 3 cách ấy, 3 chỗ sanh ấy gọi là " chỗ sanh điều học làm mai dong " vì ý biết luật cấm và biết rõ họ đã bỏ hẳn nhau rồi gọi là : có 6 chỗ sanh như thế.

Phạm vì làm (kiriya), không khỏi phạm vì tương

(no saññā vimokkha) không cố ý cũng phạm (acittaka), tội vi Phật cấm (paññattivajja) thân-nghiệp (kāyakamma), khẩu nghiệp (vacīkamma), có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanā) thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

60 TẠO-thất,—(saññācika). Tỳ-khuru tạo thất tô bằng vôi vôi đất sét không có người đứng làm chủ cát cho mình ở, phải làm cho đúng mực thước, là : bề dày 12 gan, bề ngang 7 gan, gan của đức Phật⁽¹⁾; khi cát phải cho Tăng chỉ chỗ trước rồi mới nên cát, nếu không cho " Tăng " (saṅgha) chỉ chỗ hoặc cát cho quá mực, phạm " tăng-tàn. " (điều học này gọi " kūṭikāra " cũng được).

(Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá (veluvanā) gần thành Vương-xá (Rājagaha) do chư sư Á-la-vi dạy người cát thất cho mình quá " mực định ".

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru, chủ thất không cho " Tăng " chỉ chỗ cho cát, hoặc cát lớn quá thước tắc, trong mỗi khi làm phạm tội " tác ác " : còn dư vôi 2 cục nữa thì cát xong còn dư một cục đầu phạm " trọng tội " làm xong phạm " tăng-tàn ".

Điều học này có 7 chi :

- 1)— tô cả phía trong và phía ngoài.
- 2)— phía dưới không đúng thước.
- 3)— không có Tăng chỉ chỗ cho.
- 4)— cát lớn quá thước.

(1) 1 gan của đức Phật bằng 3 gan của người bực trung

5)— cát cho mình ở.

6)— thất làm đẽ ở.

7)— tô cả nóc và vách.

Chỗ sanh tội như trong điều học " làm mai-dong " (sañcarita).

7. Tạo thất lớn.— (mahallaka).— Tỳ-khuru tạo thất lớn, nếu thất ấy có thí chủ, làm chủ cát, làm lớn quá mực thước được, song phải trình cho Tăng chỉ chỗ trước mới nên làm. Nếu Tỳ-khuru không cho Tăng chỉ chỗ, cát phạm " Tăng tàn ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại tịnh-xá của trường giả (ghosita) gần thành Kosambi do Tỳ-khuru Channa tạo thất lớn quá mực thước.

CHÚ GIẢI.— Điều học này như điều học trước, chỉ khác nhau là đây không định " thất lớn, nhỏ ".

8. Vô cứ cáo gian—(amūlaka).— Tỳ khuru giận rồi cố ý cáo vị khác phạm tội " bất-cộng-trụ " do không có cứ, phạm " tăng-tàn ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá (Veļuvana), gần thành Vương-xá (Rājagaha) do Tỳ-khuru Mettiya và Kummajaka cáo gian đại đức Dabbamallaputta, Sadi 7 tuổi đắc A-la-hán quả.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru vô cứ cáo gian dầu sau có ai hỏi, hoặc không có ai hỏi, rồi-tự mình khai rằng : " Tôi đã nói dối ", như thế ấy, cũng phạm " tăng-tàn " trong khi tố cáo ấy mắt không thấy, tai không nghe, không nghi rằng : Tỳ-khuru ấy phạm 1 trong 4 tội

"bất-cộng-trụ" không nghe ai nói, như thế gọi là vô cơ cáo gian. Cáo gian có 4 cách; cáo rằng :

- 1) Ông hành dâm (chỉ vật).
- 2) Ông phạm tội vì hành dâm (chỉ tội)
- 3) Hành lễ phát-lộ (**uposatha**), là lễ Tụ-Tứ⁽¹⁾ (**pavāraṇā**) hành Tăng sự với ông không được.
- 4) Ông không phải là sa-môn (cấm ngăn sự tôn kính).

Cáo gian đều đủ đến điều thứ tư, mới phạm tội.

Tỳ-khuru cáo gian đến người trong sạch (vô tội) hoặc không trong sạch, cáo vì tội "bất-cộng-trụ" nào người ấy không phạm tội "bất-cộng-trụ" ấy, muốn làm cho Tỳ-khuru ấy xa khỏi phạm hạnh (**brahmacariya**) không cho Tỳ-khuru biết trước bằng lời này : "Ngài hãy cho phép tôi, tôi muốn nói với Ngài (**Karotume āyasmā Okāsam ahaṅgam**) nếu không nói như thế trước, rồi tố cáo sau, mà Tỳ-khuru ấy biết trong khi ấy rằng : "Họ cáo mình như thế, Tỳ-khuru tiên cáo phạm tội "Tăng tàn" và tội "tác ác" trong mỗi lời cáo gian; khi tiên cáo cho Tỳ-khuru bị cáo biết trước rồi sẽ cáo sau, chỉ có phạm một tội "tăng tàn" dầu là Tỳ-khuru cáo bằng lời nói hoặc ra dấu hiệu trước mặt, cũng vậy. (Cáo "sau lưng", lúc vắng mặt không kể). Tỳ-khuru dạy kẻ khác cáo, người cáo, do theo lời dạy cáo gian, thì chỉ có người dạy phạm tội, như đoạn trên đã có giải rõ. Nếu

(1) Tụ-tứ (**pavāraṇā**) là sau khi nhập hạ rồi, nhằm ngày rằm tháng 9, chư Tăng nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau.

người chịu lời đi cáo nói : " Ta cũng được thấy, được nghe vậy, thì phạm tội " tăng tàn " cả 2 người.

Tỳ-khuru không cho người biết trước rồi chửi mắng phạm tội " ung-đôi-trị " và tội " tác ác ". Nếu cho biết trước rồi cảnh cáo sau, chỉ phạm 1 tội "ung-đôi-trị":

Thê thức không phạm tội :

1 Tỳ-khuru tưởng là người không trong sạch là người trong sạch, là người trong sạch trong người không trong sạch đi cáo, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người (Sânattika), có 5 chi :

1. Tự mình cáo hoặc dạy người cáo người đã tu lên bậc trên (upasampannoti samkhayam gamanam).

2. Tưởng người ấy là người trong sạch (tasmim-suddhasaññitā).

3. Cáo vì tội " bất-cộng-trụ ", không có cứ (amūlakatā).

4. Tự mình cáo hoặc dạy người cáo trước mặt, cho xa khỏi phạm hạnh (cāvanā dhippāyenasam-mukhācodanāvācodāpanāvā).

5. Người bị cáo biết trong khi ấy (tassa tamkhanam vijānanam).

Đều đủ 5 chi ấy mới phạm " tăng-tàn ".

Chỗ sanh tội (samutthāna) cũng như " trong điều

học trộm cắp (adinnādāna samuṭṭhāna), chỉ khác nhau là điều học này thuộc về "thọ-khổ".

9. Nhơn cơ khác cáo gian :— (Aññabhāgiya) Tỳ-khuru giận hờn vị khác rồi cố tìm cơ, nhứt là tìm dòng, phái đem cáo người vì tội "bất-cộng-trụ" phạm "tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-xá (Rājagaha) do Tỳ-khuru "Mettiyavākummajaka", nhơn cơ khác mà cáo gian vị A-la-hán "Dabbamallaputta".

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nhơn cơ khác nhứt là dòng vua đem cáo vị khác phạm 1 tội "bất-cộng-trụ" nào rồi dùng dòng ấy làm cơ để cho Tỳ-khuru cũng thuộc vào dòng vua như nhau, rằng : "người là dòng vua, hành-dâm phạm tội bất-cộng-trụ", vì ta được thấy, được nghe, hoặc nghi như thế, phạm "tăng-tàn" trong khi ấy, dầu sau có khai thiệt cũng không khỏi phạm tội.

10. Chia rẽ Tăng.— (Saṅghabheba) : Tỳ-khuru rán sức chia rẽ Tăng (Saṅgha)⁽¹⁾ cho xa nhau; Tăng đã tụng lời khuyên can, ngăn cấm cho bỏ sự ấy, nếu không bỏ phạm "tăng-tàn".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-xá (Rājagaha), do tỳ-khuru "Đề-bà đạt-đa" (Devadatta) chia rẽ Tăng.

(1) Tăng: nghĩa là : 1 nhóm tỳ-khuru, từ 4 vị sắp lên ở hòa-thuận nhau để hành đạo

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru khuyên " Ngài chẳng nên làm như thế, Ngài hãy thuận-hòa với Tăng, vì Tăng hòa-hảo như thế mới được an vui, nếu Tỳ-khuru không nghe lời khuyên can thì phạm tội " tác ác ". Tỳ-khuru được nghe được thấy mà không ngăn cấm, cũng phạm tội " tác ác "; Tỳ khuru không thể khuyên can được nữa, nên cho các Tỳ-khuru hay biết để gọi Tỳ-khuru ấy, vào giữa Tăng, cho Tăng tụng samanubhāsana⁽¹⁾ nếu chịu bỏ thì tốt, bằng không tuân, phạm " tác ác ". Tăng tụng samanubhāsana xong 1 bận, Tỳ-khuru phạm 1 tội " tác ác ", tụng xong 2 bận Tỳ-khuru không bỏ, phạm " trọng tội " tụng xong 3 bận phạm " tăng tàn ".

Thê thức không phạm tội :

Tăng chưa tụng samanubhāsana mà Tỳ-khuru chịu bỏ, và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này có 4 chi :

1) Rán sức chia rẽ Tăng (bhedāyaparakkamanam).

2) Tăng hành tăng-sự theo pháp (dhammakammaena samanubhāsanam).

3) Tụng dứt lời khuyên-can lần thứ 3 dhammavācā pariyosānam.

4) Không chịu bỏ tà-kiến (appatinissajanam).

Chỗ sanh tội : Thuộc về tụng lời khuyên răn (samanubhāsana samuṭṭhāna, phạm vì không làm

(1) là lời khuyên răn

(akiriyâ) không phạm vì tướng saññavimokkha) có ý (sacittaka) tội vì đời (lokavajja) thân nghiệp (kâyakamma), khẩu-nghiệp (vacikamma), ác-tâm (akusalacitta), thọ-khổ (dukkhavedanâ).

11o **Hành theo Tỳ-khuru chia rẽ Tăng.**— (Bhedânuvattaka) Tỳ-khuru hành theo Tỳ-khuru chia rẽ Tăng, các vị khác khuyên can không nghe, Tăng tụng " samanubhâsana " ngăn cấm cho dứt bỏ sự hành-vi ấy, nếu không tuân theo phạm " Tăng-tàn ".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) cũng như trong điều học trước.

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veḷuvana) gần thành Vương-xá (Râjagaha) do tỳ-khuru Kajamo, Rakatissa, Khanda, Deviputta và Samuddadatta, hành theo Tỳ-khuru chia rẽ Tăng.

12o **Tỳ-khuru cứng-cỏi.**— (Dubbaccayâtika), Tỳ-khuru có tánh khó dạy, vị khác khuyên dạy cũng không nghe, Tăng đã tụng samanubhâsana ngăn cấm cho bỏ chừa nghiệp ấy, nếu không tuân theo phạm " tăng-tàn ".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Ghositârâma gần thành Kosambî do Tỳ-khuru Channa cứng cỏi.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru không cho vị khác thức tỉnh, nói rằng: "Các ngài đừng nói lời chi tốt, hoặc lời chi xấu đến tôi, tôi cũng chẳng nói lời lành hoặc lời dữ đến các ngài, vậy các ngài, hãy nín thinh, đừng nhắc nhở tôi như thế ". Khi các vị khác đã khuyên lơn mà không nghe, nên đem Tỳ-khuru ấy đến giữa Tăng để tụng samanubhâsana. Khi tụng đến 3 bận mà

không chừa bỏ tánh cũ, không tuân theo lời khuyên nhủ của Tăng, thì phạm tội "tăng-tàn".

13. Tỳ-khuru nịnh-hót.— (kuladūsaka). Tỳ-khuru bợ đỡ kẻ thế. Tăng đã xử, đuổi ra khỏi chùa, rồi còn trở lại "hủy báng Tăng". Tăng đã tụng (samanubhāsana) ngăn cấm, nếu không tuân theo, phạm tội "tăng-tàn".

Điều học này Đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) ở tỳ-khuru Assagi, Punabhasuka nịnh hót.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru ngụ nơi làng xóm, nịnh hót, cho trái-cây, bông-cây... đến kẻ thế cho họ mất quả phước của sự bố-thí đã làm đến mình, như thế gọi là nịnh hót.

Tỳ-khuru có tánh xấu-xa trồng cây để cho người thế, làm những việc ấy rõ rệt, đến tai, mắt, người, vị khác được thấy, được nghe nên đuổi ra khỏi xóm, làng, Tỳ-khuru ấy trở lại nói xấu Tăng, đã đuổi rằng: "Thiên-vị" vì thương (chandāgati) hoặc ghét (dosāgati), hoặc lầm lạc (mohāgati); hoặc sợ (bhayāgati), nói như thế, các vị khác nghe được, thấy được, nên ngăn cấm không cho "hủy báng Tăng", nếu ngăn cấm không được; phải đem đến giữa Tăng để tụng samanubhāsana 3 bận, rồi mà không bỏ tánh xưa, thì phạm "tăng-tàn".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trước.

Từ điều học (di tĩn) (sukkavisāṭṭhi) đến điều học "nhơn có khác cáo gian" (aññabhāgiya), Tỳ-khuru

phạm tội trong khi phá giới lần đầu (paṭhamā-pattikā) trong 4 điều dọc sau (10, 11, 12, 13) Tỳ-khuru phạm tội sau khi Tăng đã tụng samanubhāsana xong 3 bận (yāvataṭṭiyakā) mà không tuân theo mới phạm "tăng-tàn".

III.— 2 ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH ⁽¹⁾ (Aniyatta)

1. **Chỗ có thể hành-dâm.**— (Alamkammaniya) Tỳ-khuru ngồi trong chỗ khuất mắt, chỉ 2 người với phụ-nữ, nếu có người đáng tin lời nói được, đến cáo vì phạm 1 trong 3 tội "bất-cộng-trụ" hoặc "tăng-tàn" hoặc "ung-đối-trị", nếu Tỳ-khuru thú tội nào cho luật-sư xử đoán theo điều-luật ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật-sư ấy hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật-sư trừng phạt ngay điều ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do nàng Visākha thấy Tỳ-khuru Udāyī, ngồi nơi khuất mắt với bốn người nữ.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru nằm hoặc ngồi trong chỗ khuất mắt với một người phụ-nữ, nếu có tín nữ đáng tin lời là bậc quý-nhân được thấy Tỳ-khuru rồi đi cáo vì tội "bất-cộng-trụ" hoặc "tăng-tàn" hoặc

(1) Bất-định nghĩa là : chỗ kín hoặc chỗ trống không định cho nên có phạm tội, nhưng không có thể định tội trước được

"ung-đổi-trị", Tỳ-khuru thú tội nào cho luật-sư xử phạt theo tội ấy, nếu chịu có hành-dâm thì phạt theo điều học "bất-cộng-trụ", chịu có rờ rẫm phụ nữ thì nên phạt "cấm phòng", do theo điều học "tăng-tàn", nếu chỉ có ngồi hoặc nằm với phụ nữ nên phạt "ung-đổi-trị"; bằng khai rằng: mình đứng hoặc phụ-nữ đứng, không có làm điều chi, luật-sư không nên xử phạt, vì sự thật ấy có khi cũng đúng như được thấy, có khi cũng không đúng thiệt như thấy không rõ rệt.

Tỳ-khuru tìm phụ-nữ nơi thanh-vắng vì tình dục đi mỗi bước mỗi phạm tội "tác ác", đi đến nơi ngồi, hoặc nằm và phụ-nữ mới đến ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ-nữ đã ngồi, hoặc nằm, Tỳ-khuru mới đến ngồi hoặc nằm xuống; hoặc hai người cùng ngồi hay nằm cùng nhau phạm tội "ung-đổi-trị": Nếu có người nam sáng mắt ngồi xa 1, 2 hắc, vừa xem thấy được; là người có tâm phóng-đăng, dầu ngồi ngủ gục, Tỳ-khuru cũng không khỏi phạm tội, người sáng mắt nhưng ngủ quên, Tỳ-khuru cũng không khỏi phạm tội, người mù dầu ngồi kề bên, dầu có 100 phụ-nữ, Tỳ-khuru cũng không khỏi phạm tội.

Thẻ thức không phạm tội :

Có người nam biết chuyện mắt không mù, nằm không ngủ, hoặc người nam đi vào nơi ấy, hoặc Tỳ-khuru khi đứng, hoặc phụ-nữ đứng, Tỳ-khuru

ngồi mà tâm tưởng dẫu dẫu và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anânattika).

Chỗ phạm tội trong điều học này là lời thú nhận của Tỳ-khuru. Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "bất-cộng-trụ" "thứ nhứt" (paṭhama pārājikasikkhāpada).

2— Chỗ không có thể hành dâm.— (Nālam Kammaniya) Tỳ-khuru ngồi chỗ khuất tai 2 người với phụ-nữ, nếu có người đáng tin lời được đến cáo vi phạm 1 trong 2 tội "tăng-tàn", hoặc "ưng-đối-trị", nếu Tỳ-khuru nhận phạm tội nào cho luật-sur xử theo tội ấy; nếu họ cáo ngay điều học nào, cho luật-sur phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Thế-Tôn cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do nàng Visákhā thấy Tỳ-khuru Udāyi ngồi chỗ khuất tai với phụ nữ.

CHÚ GIẢI: Điều học này cũng như điều học trước, chỉ khác nhau chỗ; dẫu phụ nữ hoặc người nam biết chuyện, không mù, không điếc, ngồi hoặc đứng trong khoảng cách xa 12 hắc dẫu có tâm phóng túng hoặc ngủ quên Tỳ-khuru cũng khỏi tội.

Người điếc dẫu mắt sáng, người mù không điếc cũng không ngừa khỏi tội được.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trộm cắp (sikkhāpada adinnādāna).

IV.— 30 ĐIỀU HỌC UNG-XẢ-ĐỐI-TRỊ ⁽¹⁾

(Nissaggiya pācittiya)

Chia ra làm 3 phần:

1o— Lễ dâng y lần thứ nhất.— (cīvaravagga)
có 10 điều.

2o— Ngoạ-cụ trộn với chỉ tơ phần thứ nhì
(kosiyaavagga) có 10 điều.

3o— Bình-bát dư lần thứ ba (pattavagga) có 10
điều.

Lễ dâng y lần thứ nhất

Có 10 điều học :

1o— Lễ dâng y lần thứ nhất— (paṭha-
makathina). Y chưa gởi, chưa nguyện gởi là y dư
(atirekacīvara) khi hết hạn kỳ quả báo lễ dâng y rồi
Tỳ-khuru cất giữ y dư ấy, lâu lắm là đến 10 ngày,
nếu quá 10 ngày phạm ung-xả đối-trị, nghĩa là y ấy,
là vật phải xả, còn Tỳ-khuru phạm "ung-xả-đối-trị".
(pācittiya).

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp
Gotamaka) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do Ânanda hỏi
Phật.

CHÚ GIẢI: Y có 6 thứ :

1o— Y dệt bằng chỉ vỏ cây (khomam).

(1) Ung-xả đối-trị nghĩa là phạm phép chứa cất y-ca-sa bình bát, vàng,
bạc... trái luật, nếu chịu xả vật ấy giao cho Tăng rồi sám-hối mới được khỏi
tội

20— Y dệt bằng chỉ bông (kappāsikaṃ).

30— Y dệt bằng chỉ tơ (koseyyaṃ).

40— Y dệt bằng lông thú (trừ ra lông của người, lông đuôi, lông cánh của thú) (kambalaṃ).

50— Y dệt bằng cây gai (sānaṃ).

60— Y làm trộn với 5 thứ chỉ trên (bhaṅgaṃ).

Tất cả y làm bằng một trong 6 thứ chỉ ấy, nếu tỳ-khuru cất giữ đến mặt trời mọc ngày thứ 11 kể từ ngày thọ y mà không gởi, không nguyện, không xả trong hạn kỳ 10 ngày, thì phạm "ung-xả-đổi-trị". Nếu không xả cho Tăng, cho 1, 2 hoặc 3 Tỳ-khuru trước mà đem ra mặc, phạm "tác ác" (dukkata).

Y đã quá 10 ngày, tỳ-khuru biết rằng quá 10 ngày hoặc nghi, hoặc tưởng chưa quá cũng phạm "ung-xả-đổi-trị".

Y chưa quá 10 ngày: tưởng đã quá, hoặc nghi đem ra mặc, phạm "tác ác".

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru đã nguyện, gởi, xả cho người nào trước 10 ngày, y ấy tiêu mất, bị lửa cháy, bị trộm cắp và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anānattika) có 5 chi:

1.— Y của mình.— (cīvarassa attanosantakatā).

2.— Y ấy đã đến tay mình, hoặc được nghe rồi là y của mình (gaṇanupagātā).

3.— 2 điều bận ⁽¹⁾ (palibodha) đã dứt (niccha palibodhabhavo).

4.— Y ấy là y dư (atirekacīvaratā).

5.— Đã quá 10 ngày (dasāhātikamo).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội như trong "điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (paṭhamakaṭhina) phạm tội phát sanh do thân-nghiệp (kāyakamma) do thân-khẩu-ý (kāyavācācitta) phạm vì không làm (akiriya), không khỏi phạm vì tường (nosaññāvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka) phạm vì Phật cấm (paññattivajja), thân nghiệp (kāyakamma), khẩu nghiệp (vacīkamma), có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanā):

2^o— Lễ dâng y lần thứ nhì (dutiyaṭhina). Khi mãn hạn kỳ quả báo lễ dâng y rồi, Tỷ-khuru còn xa lia tam y, dầu chỉ trong một đêm cũng phạm ung-xả-đổi-trị, trừ ra Tỷ-khuru có bệnh và được Tăng cho phép (điều học này gọi là "uddosita" cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do đức Ananda đi thấy Tỷ-khuru đem y để hong nắng rất nhiều, nên hỏi thăm mới hay là y của chư Tỷ-khuru gởi, bỏ đi đến xứ khác, do cơ ấy, đức Ananda bèn bạch với Phật.

CHÚ GIẢI: Tỷ-khuru để y trong chỗ không có ngăn, che, phải ở trong nơi ấy không nên ở xa khỏi 1 hắc, 1 gan. Nếu nơi ấy có nhiều chủ, là nơi có ngăn che,

(1) xem trong kāṭhīnakhandhaka.

đề y nơi nào phải ở trong nơi ấy, hoặc ở trong chỗ đô hội, hoặc gần cửa là nơi vô ra, không nên xa lia khỏi hắc (hatthapâsa), nếu đề xa khỏi hắc đến mặt trời mọc, phạm ung-xả-đổi-trị.

Phải xả y ấy đến Tăng, đến 2, 3 Tỷ-khuru hoặc đến một Tỷ-khuru, nên mới mặc được. Phải xả trước, rồi sẽ sám-hối sau mới khỏi tội.

Tam y mà Tỷ-khuru đã xa lia rồi, biết rằng đã xa lia, hoặc nghi, hoặc tưởng, không xa lia cũng phạm ung-xả-đổi-trị.

Tam y mà Tỷ-khuru chưa xa lia, hoặc chưa xả mát, mà tưởng đã mát... nghi, hoặc chưa xả, chưa nguyện (đặt tên y làm dấu) rồi xa lia y ấy, cũng phạm ung-xả-đổi-trị.

Tam y mà Tỷ-khuru chưa xa lia, tưởng rằng đã xa lia, hoặc nghi rồi đem mặc phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội.

Tỷ-khuru đã xả nguyện gởi... trước khi mặt trời mọc, Tỷ-khuru có bệnh, có Tăng cho phép và Tỷ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy người (anânattika) có 4 chi:

1. Y mà Tỷ-khuru đã nguyện đặt tên rồi (adhiṭṭhita cīvaratā).

2. Không có quả báo lễ dâng y (anattatakāṭhinatā).

3. Không có Tăng cho phép (aladdhasammatitā).

4. Ở xa y ấy đến khi mặt trời mọc (rattivikappavâso).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ung-đổi-trị".

Chỗ sanh tội như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" chỉ khác nhau là điều học trước không được nguyện, không được gửi gọi là phạm "vì không làm" (akiriyâ), trong điều học này phạm vì không xả nguyện trước khi mặt trời mọc gọi là phạm "vì không làm" (akiriyâ).

3— Lễ dâng y lần thứ ba.— (Tatīyakathina). Nếu vải phát sanh ngoài lễ dâng y ⁽¹⁾ (akālacīvara) đến Tỳ-khuru, Tỳ-khuru được rồi muốn làm y nhưng vải ấy thiếu, không đủ, nếu cố ý để tìm thêm hoặc tin chắc rằng sẽ được vải nữa, nên để vải ấy lâu lắm đến một tháng, bằng cát giữ hơn 1 tháng phạm ung-xả-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) do ngài ngự xem thấy Tỳ-khuru được vải muốn làm y mà thiếu, song cố ý tìm vải thêm để may y.

Chỗ sanh tội như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhứt, chỉ khác nhau là điều học này để quá 1 tháng.

4— Dạy Tỳ-khuru-ni giặt y.— (cīvara dhovana) Tỳ-khuru sai Tỳ-khuru-ni không phải bà con đi giặt hoặc nhuộm y cũ, phạm ung-đổi-trị..

(Điều này gọi là purānacīvara cũng được).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên

(1) Xem trong kathinakhanda

— Tam y phát sanh trong 11 tháng từ 16 tháng 10 đến rằm tháng 9, gọi là "y ngoài lễ dâng y"

tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi do Tỳ-khuru Udâyi sai Tỳ-khuru-ni là vợ cũ đi giặt y).

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru bảo Tỳ-khuru-ni không phải bà con đi giặt, nhuộm y cũ đã có mặc rồi, dầu chỉ đã mặc rồi một lần, cũng phạm ung-xả-đổi-trị.

5 — Lãnh y nơi tay Tỳ-khuru-ni (cīvarappaṭigahana). Tỳ-khuru thọ y nơi tay Tỳ-khuru-ni không phải bà con phạm "ung-xả-đổi-trị", trừ ra đôi y với nhau.

Điều đọc này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veluvana) gần thành Vương-xá (Rājagaha) do Tỳ-khuru Udâyi lãnh y nơi tay Tỳ-khuru-ni.

6 — Xin y nơi người không phải bà con.— (aññatakaviññatti).

Tỳ-khuru xin y nơi người thế không phải bà con, không phải người có yêu cầu, nếu xin được y, phạm ung-xả-đổi-trị (trừ ra có duyên cơ nên xin y được, là khi y bị cướp, hoặc bị hư mất, cháy).

Điều học này đức Phật cấm chế tại : Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do tỳ-khuru Upananda xin y nơi nhà phú trưởng-già không phải bà con.

CHÚ GIẢI.— Thí chủ là bà con, Tỳ-khuru tưởng không phải bà con, nghi rồi đi xin và phạm tác ác.

Thế thức không phạm tội:

Xin có duyên cơ ⁽¹⁾ hoặc xin nơi bà con, hoặc nơi

(1) Duyên cơ là lúc y bị cướp mất, lửa cháy, nước lòi, mối ăn củ rách.

người có yêu cầu, xin cho người khác, đối với nhau và Tỷ-khuru diên đều không phạm tội.

Nếu có cứ, Đức Phật có cho phép xin y nơi người không phải bà con, nếu chưa được xin đi đến chùa trước, dùng y để trong chùa, y để trải giường, nệm của Tăng trong chùa này rồi sẽ trả lại cũng nên. Nếu không có ý như thế, nên che mình bằng cỏ hoặc lá cây rồi mới nên đi, nếu đi lỏa thể phạm tác ác.

Người thế có đức tin bạch rằng: "Tôi yêu cầu bố-thí 4 món vật dụng, nếu đại-đức cần dùng món chi xin cho tôi biết, tôi sẽ dâng", như thế gọi là "yêu cầu"; người yêu cầu bố thí ngay món nào, nếu cần dùng chi nên xin món ấy. Dâng sao dùng vậy chẳng nên đòi hỏi thêm.

Xin nơi bà con và người yêu cầu của mình, xin cho Tỷ-khuru khác không phạm.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anānattika) nhờ Tỷ-khuru khác đi xin nơi bà con và người yêu cầu của Tỷ-khuru cho mình, không phạm tội; có 4 chi:

1) Y có thước tác vừa gởi (vikappanupagacī-varatā).

2) Không có duyên cứ (samayābhāvo).

3) Xin nơi người không phải bà con (aññaṭṭa-kaviññattita).

4) Xin được (paṭilābho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ung-xả-đối-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học

"làm-mai-dong" (sañcarita samuṭṭhāna) phạm vì làm (kiriya) không khỏi phạm vì tương (nosaññavi-mokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (paññattivajja) thân nghiệp (kāyakamma) khẩu-nghiệp (vacikamma) có 3 tâm (ticittam): có 3 thọ (tissovedanā).

7.— Trong mấy duyên có ấy (taduttara). Trong mấy duyên có ấy, Tỳ-khuru chỉ được phép xin y nội và y vai trái thôi (antaravāsaka, uttarāsanga) nếu xin quá số, xin được phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do chư Tỳ-khuru phe thập-thất-sur, tìm các Tỳ-khuru bị mất y rồi dạy đi xin y rất nhiều.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru cố ý muốn xin nhiều y nơi người không phải bà con, ra đi một bước phạm mỗi tội ác nếu, xin được y phạm "ung-xả-đổi-trị".

Thế thức không phạm tội:

Tỳ-khuru nói: ta chỉ làm 2 cái y còn dư ta trả lại, thí chủ nói: "vài con dư xin để dâng ngài", xin nơi bà con hoặc người có yêu cầu và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anā-nattika) có 4 chi :

- 1.— Vui thích trong y nhiều quá số (tasuttarita):
- 2.— Không có duyên có mất hết y (acchinnādikā-ramatā).

3.— Xin y nơi người không phải bà con (añña-takaviññathitā)

4.— Xin y được để cho mình (paṭilābho);

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trước.

8.— Định giá y lần thứ nhất : (paṭhama upakkhata).

Nếu thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu họ nói sẽ dâng y đến Tỷ-khuru tên này, Tỷ-khuru ấy được biết rồi, đi nói cho họ dâng y như vậy, như kia, cao giá tốt hơn y của người đã định dâng, được y phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do Tỷ-khuru Upananda dạy người dâng y ca-sa cao giá hơn của họ đã định.

CHÚ GIẢI.— Thí chủ bà con, tưởng không phải bà con, phạm tác ác.

Thí chủ mua y tốt hoặc giá cao, Tỷ-khuru dạy mua y xấu hoặc rẻ hoặc bằng giá y mà họ đã định hoặc xin nơi bà con nơi người có yêu cầu hoặc của mình nhờ kiếm giùm và Tỷ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này thuộc về "tikkapācittiya" có 3 chi :

1.— Dạy dâng y cao giá hơn của người đã định (cīvarabhiyyokamyatā).

2.— Xin nơi thí chủ không phải bà con (añña-takaviññattita).

3.— Được y theo giá định ấy (patilābho).

Điều đủ 3 chi ấy mới phạm "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội (saṃuṭṭhāna) như trong điều học "trong mấy duyên cơ ấy".

9.— Định giá y thứ nhì.— (dutiya upakkhata).—

Nếu có nhiều người thí chủ, họ chung đậu dâng y đến Tỳ-khuru, từ 2 người trở lên đều là không phải bà con, không phải người có yêu cầu, Tỳ-khuru đi nói cho họ chung đậu nhau để mua y cao giá hoặc tốt hơn y mà họ đã định dâng ấy, được y phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này như trước, chỉ khác nhau là điều học này có nhiều thí chủ.

10.— Các thí chủ nhất là vua (Rāja).— Nếu có người đem dâng để mua y, họ hỏi Tỳ-khuru: "Bạch ngài, người nào hộ ngài? Tỳ-khuru cần dùng y nên chỉ người hộ (veyyāvaccakaraṇa) hoặc cận sự nam⁽¹⁾ (upāsaka) cho họ biết rằng: "Người này hộ chư sư trong chùa. "Khi họ đã giao y đến người hộ ấy, rồi đến bạch với Tỳ-khuru rằng: "Nếu Ngài cần dùng y, xin cho người hộ ấy hay rằng: "Ta cần dùng y" như thế đến 3 lần, nếu không được y nên đi đứng cho vừa người hộ ấy xem thấy, đứng nhiều lắm đến

(1) Cận sự nam thường gọi là thiện nam.

6 lần, nếu chưa được mà đi đòi thó quá 3 lần, đi đứng quá 6 lần, được y phạm "ung-xã-đổi-trị". Nếu đã đi đòi, đi đứng đủ, theo luật định, mà không được y, nên đi cho thí chủ hay hoặc dạy người đi nói rằng: "Của ấy không được thành sự lợi-ích đến người đâu". Cho họ đòi của họ lại.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (jetavana) gần thành Xá-vệ (Sávatthi) do Tỷ-khuru Upananda thúc hối người dâng y lập tức, người hộ vì có việc gấp yêu cầu để qua ngày khác mà Tỷ-khuru Upananda không chịu.

CHÚ GIẢI— Khi Tỷ-khuru cần dùng y nên cho hay rằng: "Ta cần dùng y", không nên nói "Người nên dâng y đến ta, đem y đến cho ta" nói như thế không nên.

Nếu đi đòi 2, 3 lần được thì tốt, bằng không được Tỷ-khuru nên đi đến đứng làm thỉnh đến 4, 5 lần hoặc 6 lần là nhiều, đừng ngồi, đừng thọ vật chi, đừng nói đạo cho họ. Nếu họ hỏi: "Ngài đến có việc chi? Nên đáp: "Người hãy nên biết lấy". Nếu Tỷ-khuru ngồi, hoặc thọ vật chi của họ, nói pháp cho họ nghe gọi là "bỏ oai-nghi đứng", làm cho hư hỏng sự đi đến.

Nếu Tỷ-khuru đứng làm thỉnh, đứng 6 lần là nhiều, được y thì tốt, bằng không được y, Tỷ-khuru

rán đến đứng quá 6 lần phạm tác-ác, trong mỗi lần đứng, được y phạm "ung-xả-đổi-trị".

Tỳ-khuru chỉ đi đứng, không đòi, đứng được 12 lần, nếu người hộ mà thí chủ chỉ. Tỳ-khuru đi đòi 100 lần cũng được. Nếu làm cả 2 oai nghi, thì chỉ đi đòi được 3 lần, đứng đến 6 lần.

Thẻ thức không phạm tội

Tỳ-khuru đòi theo phép và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (ānānattika) có 4 chi.

1.— Tỳ-khuru chỉ người hộ (kappiyakārakāssa abhikkhanoni ditthabhāvo).

2.— Người tay sai nói cho người hộ hay rồi cho Tỳ-khuru biết nữa (dūtena appitatā).

3.— Rán đi đòi, đi đứng quá luật định (taduttarivāyamo).

4.— Được y vì sự rán sức ấy (tānavāyāmena-patilābho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-xả-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "xin y nơi người không phải bà con".

NGOẠ CỤ TRỘN VỚI CHỈ TƠ THỨ NHỊ

(Kosiyavagga)

Có 10 điều học :

1. **Ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiya)** : Tỷ-khuru làm ngoạ cụ bằng lông cừu trộn với chỉ tơ phạm *ung-xả-đối-trị*.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggâlava gần thành Álavi do phe lục sư dạy người nấu tơ cho nhiều để làm ngoạ cụ bằng chỉ tơ.

CHÚ GIẢI : dầu làm ngoạ cụ có trộn 1 sợi chỉ cũng phạm " *ung-xả-đối-trị* ".

Thê thức không phạm tội :

Tỷ-khuru làm trần thất, làm sáo che, làm nệm, gối và Tỷ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (*sânátika*), có 3 chi :

1.— Làm ngoạ cụ trộn với chỉ tơ (*kosiyamisakabhavo*).

2.— Mình làm hoặc dạy người làm cho mình (*attanō atthāyasantha tassa karaṇakārāpanam*).

3.— Làm được (*patilābho*).

Điều đủ 3 chi ấy mới phạm " *ung-xả-đối-trị* ".

Điều học này có 6 chỗ sanh tội vì làm (*kiriya*); không khỏi phạm vì tương (*nosaññāvimokkha*), vô ý cũng phạm (*acittaka*) ; phạm vì Phật cấm (*paññattivajja*) ;

thân nghiệp (kâyakamma) ; khẩu nghiệp (vacikamma), có 3 tâm (ticitta) ; 3 thọ (tissovedanā).

2.— Ngọa cụ lông cừ toàn màu đen (suddhakâlaka) : Tỳ-khuru làm ngọa cụ bằng lông cừ toàn màu đen, phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại phước xá Kūṭāgāra, trong rừng tuyết-sơn gần thành Tỳ-xa-li (Vesāli) do phe lục sư làm ngọa cụ bằng lông cừ toàn màu đen.

3 Ngọa cụ lông cừ toàn màu đen hơn 2 phần (Dvebhāga) :

Tỳ-khuru làm ngọa cụ mới phải để lông cừ đen 2 phần, lông cừ trắng 1 phần, lông cừ đỏ 1 phần thành bốn phần. Nếu không làm như thế rồi để lông cừ đen nhiều hơn 2 phần, phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavanna) gần thành Xá-vệ (sāvatti) do phe lục sư làm ngọa-cụ để lông cừ đen nhiều hơn 2 phần.

4 Dùng ngọa cụ mới chưa đến 6 năm (Chabhassa) Tỳ-khuru làm ngọa cụ mới phải dùng cho đến 6 năm, nếu chưa đến 6 năm rồi làm ngọa cụ mới khác, phạm " ung-xả-đổi-trị " (trừ ra Tỳ-khuru có bệnh, có tăng cho phép).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên-tịnh-xá (Jetavanna) gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do chư Tỳ-khuru xin lông cừ rất nhiều để làm ngọa cụ.

5.— **Làm tọa cụ**, (nissidanasantata).— Tỳ-khuru làm tọa-cụ phải cắt lấy chung quanh tọa-cụ cũ 1 gan của đức Phật đem may chung với tọa cụ mới làm cho hoại sắc tọa cụ mới, nếu không làm như thế, phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do chư Tỳ-khuru bỏ rải rác tọa cụ.

6.— **Thọ lãnh lông cừu** (Elakaloma).— Khi Tỳ-khuru đi đường xa, nếu có lông cừu phát sanh đến mình, rồi muốn cần dùng, thì được phép lãnh : nếu không có người hộ, được phép tự mình đem đi xa lắm đến 3 do tuần. Đem đi xa quá 3 do tuần, phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khuru thọ lãnh cừu đi xa quá 3 do tuần.

7.— **Khiến Tỳ-khuru-ni giặt lông cừu**, (Elakalomadhovâpana).— Tỳ-khuru dạy Tỳ-khuru-ni, không phải bà con đi giặt, hoặc nhuộm, hoặc chải lông cừu, phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Điều này này đức Phật cấm chế tại Tịnh-xá Nigrodhâ gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kâpilavatthu) do phe lục sư dạy Tỳ-khuru-ni giặt lông cừu.

CHÚ GIẢI.— Chỗ sanh tội (Samuṭṭhâna) của 6 điều học trên đây như trong điều học " ngoa cụ trộn với chỉ tơ " (kosiya).

8.— **Thọ lãnh vàng bạc**, (Rûpiya).— Tỳ-khuru lãnh hoặc dạy người khác lãnh vàng bạc hoặc vui

thích ngay vàng hoặc bạc mà người cất giữ cho mình phạm " ung-xả-đôi-trị ".

Điều học này đức Phật cấm chế tại thành Vương-xá (Rājagriha) do Tỳ-khuru Upananda thọ vàng bạc.

CHÚ GIẢI.— Vàng lá, vàng cục, bạc hình, bạc cục, bạc nén, bạc giấy... hoặc các vật dùng để mua, bán, đổi thế cho vàng bạc bạc cũng đều gọi là vàng bạc là vật phải xả bỏ.

Ngọc, ngà, châu báu, 7 thứ lúa, tứ trai, tứ gái, ruộng vườn, trái, bông cây, đều là vật phát sanh tội tác-ác.

Chỉ gai, vải bông các thứ đậu, mè, thuốc, sữa, dầu, mật, nước mía... đều là vật thọ lãnh được không phạm.

Trong vật phải xả bỏ, Tỳ-khuru thọ, hoặc dạy người lãnh cất cho mình, hoặc người cất ngay trước mặt họ nói : " Vật này là của ngài, hoặc vật ấy để nơi kín, chủ chỉ dâng bằng thân, hoặc bằng khẩu, hoặc ra dấu nói như vậy : " bạc, vàng của tôi có trong chỗ đó, bạc vàng ấy là của ngài ". Nếu họ nói như thế, Tỳ-khuru không ngăn cấm, bằng ra dấu hoặc bằng khẩu cũng gọi là vui thích bạc vàng mà họ cất, phạm ung-xả-đôi-trị.

Nếu đã phạm nên xả như vậy : **aham bhante rūpiyam paṭiggahesiṃ idaṃ me bhante nissaggiyam imāham saṅghassa nissajāmi**; nghĩa : Bạch đại-đức Tăng tôi thọ bạc vàng rồi, bạc vàng ấy là của tôi phải xả, tôi xin xả bạc vàng ấy đến Tăng.

Nếu có mặt người thế nơi đó, cho Tăng nói với họ

rằng : " Người hãy biết vật này ". Nếu họ hỏi : " Với của này, tôi phải đem vật chi, đến ? " Tỳ-khuru không nên nói : phải đem vật cái, chi, chỉ nên nói : " Đem vật nên dùng " (là sữa, dầu, mật...) nếu họ đem các vật ấy đến, các Tỳ-khuru nên chia nhau dùng, trừ ra Tỳ-khuru đã thọ bạc vàng ấy, Tỳ-khuru đã thọ bạc vàng không nên dùng đến.

Nếu người thế họ không muốn lấy bạc vàng ấy, Tăng nên nhờ họ rằng : " Người nên liệng bỏ vật ấy đi, nếu liệng trong một chỗ nào, hoặc họ lấy đi, chẳng nên ngăn cản : nếu họ không chịu liệng, Tăng nên bảo một vị có đủ 5 chi để liệng bạc vàng ấy, không nên định chỗ liệng, nếu định chỗ liệng Tỳ-khuru ấy phạm tác-ác.

Không phải bạc vàng, tưởng là bạc vàng, hoặc nghi, hoặc lãnh bạc vàng cho người khác, nhưt là thọ cho Tăng hoặc cho tháp, phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Họ dâng bạc vàng, hoặc cất để trong nơi khuất mắt, hoặc trước mặt họ nói rằng : " Vậy này là vật dụng của ngài ". Nếu Tỳ-khuru có tâm vui thích muốn lấy rồi ngăn cản ra, bằng cách ra dấu, hoặc bằng khẩu rằng : " Vật ấy không nên ", hoặc nếu không ngăn cản bằng thân hay khẩu mà có tâm trong sạch không vui thích, tính rằng là : " Vật không nên đến ta ", cũng được, không có tội.

Tỳ-khuru lấy hoặc dạy người lấy bạc vàng của người rớt trong chùa, hoặc trong chỗ mình ở, tính

rằng : " Của người nào, người ấy hãy lại lấy " như thế và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người " (sânattika) có 3 chi :

1.— Vật ấy là bạc vàng, là vật phải xả bỏ (Jâtarū-parajatabhâvo).

2.— Về phần của mình (attudesikatâ).

3.— Tự mình lãnh hoặc dạy người khác lãnh, hoặc người cất giữ mà mình vui thích (paṭiggahanâdisu aññatarabhâvo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-xả-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học làm " mai-dong " chỉ khác nhau là điều học này phạm vì lãnh (siyâ akiriyâ) và phạm vì không làm là không ngăn cản (siyâ akiriyâ) bạc vàng mà họ cất giữ cho.

9.— Mua, bán, đổi vàng bạc, (Rūpiyasamvohâra).— Tỳ-khuru mua, bán, đổi vàng bạc, là vật mà người dùng thế cho vàng bạc, phạm " ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sur mua, bán, đổi vàng bạc.

CHÚ GIẢI.— Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học trước.

Điều học này không phạm tội vì dạy người (anânattika).— có 2 chi :

1.— Vật đã đổi được hoặc của mình đem đi đổi

(yamattanodhane parivateti tassavā dhanassa-vārūpiyabhāvoceva).

2.— Thành tựu được trong việc mua, bán, đổi (parivatanañca).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm " ung-xả-đổi-trị ".

10 Mua, bán, đổi vật y, bát, (kayavikaya.— Tỳ-khuru mua, bán, đổi các vật nhưt là y, vật thực với người thế phạm " ung-xả-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do Tỳ-khuru Upananda đổi y.

CHÚ GIẢI.— Tỳ-khuru nói với người thế ; "Người hãy cho vật này, do vật này hoặc người lấy vật này cho vật kia cho tôi, lấy vật này đổi vật này như thế, phạm tác-ác, đổi được phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Lấy vật của người gọi là mua, đem của mình cho người gọi là bán, cho nên Tỳ-khuru đưa vật của mình, lấy vật của người thế, trừ ra hạng người xuất gia (sadi), Tỳ-khuru dẫu là của cha mẹ, nếu nói tiếng "đổi", thì phạm " ung-xả-đổi-trị ".

Tỳ-khuru cho vật-thực hoặc vật gì khác đến người thế rồi nói, người nên dùng vật này, rồi đem vật kia đến cho tôi hoặc làm việc này cho tôi, hoặc làm việc kia cho tôi rồi dạy lấy nước nhuộm hoặc vật khác hoặc dạy đào đất, làm cỏ... Như thế phạm " ung-xả-đổi-trị ". Nếu có vật phải xả, thì xả, bằng không có vật xả thì sám-hối tội " ung-xả-đổi-trị ".

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru hỏi giá rằng : của giá bao nhiêu hoặc muốn lấy vật gì nơi tay người ấy, nhờ kẻ khác, dầu là bà con của chủ vật ấy tiếp đôi giùm, rằng : " người hãy lấy của này, đổi vật kia lại cho ta, hoặc nói không ra dấu, như người đi đường chỉ có gạo mà muốn được cơm nên nói với chủ cơm rằng : " Ta có gạo, không cần dùng, ta cần dùng cơm " như thế ", chủ lấy gạo đi, cho cơm lại Tỳ-khuru và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người " (anânattika), có 3 chi :

- 1.— Của mình đem đi đổi hoặc của người đổi lại (tesamkappiyavatthutâ).
- 2.— Chủ của ấy là người thế (asaḥadhâmmikatâ).
- 3.— Đổi như cách đã nói (kâyavikkayâpajjanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm " ưng-xả-đổi-trị ".

Chỗ phạm tội như trong " điều học thọ lãnh bạc vàng ".

BÌNH-BÁT DƯ PHẦN THỨ BA

(Pattavagga)

Có 10 điều học :

1.— **Bình-bát dư** (patta) : Bình-bát chưa gọi, chưa nguyện gọi là bình-bát dư. Tỳ-khuru cất giữ bình-bát

đur ấy lâu lắm là đến 10 ngày, nếu cất giữ quá 10 ngày phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sur cất giữ nhiều bình bát.

CHÚ GIẢI : Bình bát có 2 thứ : bình bát sắt và bình bát đất vừa cho sa-môn dùng mới nên nguyện và gởi.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "lẽ dâng y lần thứ nhất" (paṭhamakaṭhina).

2.— Bình bát chưa nút bẻ đến 5 chỗ, (Onapañcabhanna): Bình bát nút bẻ 2 ngón tay gọi là nút bẻ 1 chỗ, Tỳ-khuru có bình bát nút bẻ chưa đủ 5 chỗ: nghĩa là có nút bẻ chưa đủ 10 ngón tay, rồi đi xin bình bát mới nơi người thế không phải bà con, nơi người không có yêu cầu, nếu xin được, phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại "Nigrodha tịnh-xá" gần thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) do chư Tỳ-khuru xin bình bát mới nhiều.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru phạm "ung-xả-đổi-trị" phải xả bình bát trước mặt 5 tỳ-khuru trở lên, 5 tỳ-khuru thế mặt cho Tăng ấy là người đổi bình bát. Nên đem bình bát của vị cao hạ đem dâng cho vị thấp hạ, đổi theo thứ-tự, lần xuống như thế, cho đến Tỳ-khuru ngồi sau cuối cùng chư Tăng, rồi lấy bình bát của Tỳ-khuru này, cho Tỳ-khuru xả bình bát ấy và nói : "bình-bát của ngài, ngài hãy dùng cho đến bẻ không bỏ, không nên cho ai".

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru có bình bát nứt hoặc bể, xin nơi bà con, nơi người có yêu cầu của mình, nơi bà con và người có yêu cầu của Tỳ-khuru khác, xin cho vị khác hoặc kiếm do của mình và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy người khác (anânattikâ) có 4 chi :

1o Bình bát nên nguyện, nứt bể chưa đủ chỗ (onapañcahandanattâ).

2o Xin cho mình (attuddesikatâ).

3o Xin nơi người không phải bà con, không có yêu cầu (agataviññattitâ) :

4o Xin được (paṭilābho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna) như trong "điều học khiến Tỳ-khuru-ni giặt lông cừu" (ekaloma dhovâpana).

3.— Thuốc chữa bệnh, (Bhesajja).— Tỳ-khuru lãnh 1 trong 5 thứ thuốc là : sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nước mía, chỉ được phép để dành dùng lâu lắm là đến 7 ngày, nếu để quá 7 ngày, phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành (Sāvatti) do chư tỳ-khuru cất giữ thuốc ấy lâu ngày.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru cất giữ 1 trong 5 thứ thuốc

ấy đến mặt trời mọc ngày thứ 8, phạm "ung-xả-đổi-trị". Kể theo mỗi thứ thuốc, nếu đựng chung trong một chỗ phạm một tội. Thuốc xả rồi, dùng thoa, xúc được, uống không được.

Cả 5 thứ thuốc ấy, nếu đã giao cho người chưa thọ Tỳ-khuru giới (sadi, thiện tín) trong 7 ngày được lại dùng không phạm. Tỳ-khuru đã thọ rồi, tính dùng, rồi để cho quá 7 ngày mới phạm ung-xả-đổi-trị, nếu không tính uống để thoa xúc dầu quá 7 ngày cũng không phạm tội.

4.— Y tắm mưa (Vassikasâtikâ).— Còn 1 tháng hết mùa nóng, kể từ 16 đến cuối tháng 5, trong nửa tháng ấy là hạn định cho Tỳ-khuru phải kiếm y tắm mưa, từ ngày mùng 1, đến rằm tháng 6, trong nửa tháng này, Tỳ-khuru phải kiếm và làm cho xong y tắm mưa và mặc cũng được, nếu kiếm, làm, mặc sai thì giờ đã định, phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sur kiếm làm, mặc y tắm mưa trước thì giờ đã định.

CHÚ GIẢI : Thẻ thức không phạm tội : Tỳ-khuru có y bị trộm cướp hoặc mất và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội, vì dạy người" (anânattika) (Pariyesanâpatti), ⁽¹⁾ có 3 chi :

1o Y tắm mưa của mình.

2o Tìm kiếm ngoài hạn kỳ.

(1) Phạm tội vì cách xin y.

3o Xin được.

Nivâsanâpatti ⁽¹⁾ có 4 chi :

1o Không có hư mất.

2o Tỳ-khuru có y đều đủ.

3o Y tắm mưa của mình.

4o Mặc ngoài hạn-kỳ.

Chỗ sanh tội như trong điều học "khiến Tỳ-khuru ni giặt lông cừu".

5.— **Đòi y**, (cīvarācchindana).— Tỳ-khuru đã cho y đến vị khác, rồi giận đòi lại hoặc dạy kẻ khác đòi lại, đòi y được, phạm "ung-xā-đôi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do Tỳ-khuru Upananda cho y đến tỳ-khuru rồi giận mà đòi lại.

CHÚ GIẢI : Không phải Tỳ-khuru tưởng là Tỳ-khuru, Sadi tưởng là Tỳ-khuru hoặc nghi, hoặc biết là Sadi rồi đòi lại; hoặc cho các y phụ tùng khác đến Tỳ-khuru, rồi đòi lại, phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Người được y vui, hoặc giận rồi trả y lại và Tỳ-khuru điên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội, vì dạy người" (anānattika) có 5 chi :

1o Y có thước tất nên gởi (vikkappanupagapacchima-cīvaratā).

2o Chính tay mình cho (sāmaṃdinnatā).

(1) Phạm tội vì cách mặc ngoài hạn kỳ.

3o Tường là của mình (sakka saññatā).

4o Người đi theo là Tỷ-khuru (Upasampannatā).

5o Chính mình đòi hoặc dạy kẻ khác đòi y vì giận (kodhavasena acchintanamvā acchindāpanamvā).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội như trong "điều học trộm cắp" (adinnādānasamuttāna) chỉ khác nhau là điều này thuộc về thọ khổ.

6. — Xin chỉ nơi người không phải bà con.— (suttaviññatti) : Tỷ-khuru xin chỉ nơi người thể không phải bà con, không phải người có yêu cầu đem cho thợ dệt, y phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Veļuvana) gần thành Vương xá (Rāja gaha)

CHÚ GIẢI : Khi thợ dệt sắp sửa dệt, phạm tác-ác, mỗi lần dệt phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Xin chỉ để may vá các thứ y hoặc cho thợ dệt bà con hoặc người có yêu cầu, xin cho kẻ khác, kiếm do của mình và Tỷ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anānattika) có 3 chi.

1o Xin chỉ để dệt y.

2o Cho mình.

3o Cho người thợ dệt và xin chỉ nơi người không phải bà con hoặc không phải người có yêu cầu.

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "khiến Tỳ-khuru-ni giặt lông cừu".

7.— Thợ dệt, (Mahapesakāra) : Người thợ không phải bà con, không có yêu cầu, họ cho thợ dệt y để dâng đến Tỳ-khuru. Nếu Tỳ-khuru đi nói với thợ, cho họ dệt y tốt rồi thưởng thêm, được y, phạm "ung-xả-đổi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do Tỳ-khuru (Upananda) nói với thợ dệt cho tốt rồi thưởng thêm.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nói với thợ dệt : Người hãy dệt cho dài, cho lớn, cho mịn, tốt, khéo, như thế, rồi đem vật chi chẳng hạn cho thợ (hoặc cho vật thực) nếu thợ dệt thêm chỉ rồi theo lời dạy, trong mỗi lần dệt phạm tác-ác, dệt xong đem về; phạm "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học trên, nhưng đây có 4 chi :

1o Tỳ-khuru dạy thợ dệt của thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu (vikappamāpajjanatā).

2o Cho mình (attuddesikatā).

3o Thợ dệt thêm chỉ theo lời Tỳ-khuru (suttavaddhanam).

4o Được y (cīvarapatilābho).

8.— Cất giữ y quá hạn kỳ (Accekacīvara) : Còn 10 ngày nữa đến kỳ lễ "tự tứ" là từ ngày mùng 5 tháng 9, nếu có thí chủ muốn dâng y nhập hạ gấp

đến Tỷ-khuru, Tỷ-khuru nên thọ để dành đến hết hạn kỳ giữ y, nếu để cho quá hạn, phạm "ung-xã-đối-trị". Hạn kỳ giữ y ấy như vậy : nếu đã nhập hạ rồi không được thọ lễ dâng y, hạn kỳ giữ y chỉ có 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến rằm tháng 10 ; nếu có thọ lễ dâng y thì hạn kỳ giữ y có 5 tháng, kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 2 (5 tháng ấy gọi là hạn kỳ giữ y).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sávatthi) do chư Tỷ-khuru không dám lãnh y gấp vì chưa có lệnh cho.

CHÚ GIẢI : Y gấp vì người mắc đi chinh chiến, người có bệnh, hoặc phụ-nữ sắp sanh-sản, hoặc người có đức tin mới xin dâng y đến Tăng trong ngày mùng 5 tháng 9. Y như thế Tỷ-khuru thọ rồi nên để dành cho sự dứt hạ sẽ đem dâng lại cho Tăng ; nếu không dứt hạ, cất giữ đến hết hạn kỳ giữ y, không gởi, không nguyện cũng được ; nếu cất giữ cho quá kỳ giữ y, phạm "ung-xã-đối-trị". Y ngoài hạn kỳ ấy, kể từ ngày 16, nếu không được thọ lễ dâng y, thì được phép cất giữ đến rằm tháng 10 (trong 1 tháng); được thọ lễ dâng y, thì được phép cất giữ đến rằm tháng 2 (trong 5 tháng) gọi là "hạn kỳ y".

Chỗ sanh tội (Samuttāna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (paṭhamakāṭhina) chỉ khác nhau là điều học này có 4 chi :

1o Y dâng cúng gấp có thước tấc, dầu nhỏ hơn hết là vừa gởi nguyện (Accekāvarassa attanosantakatā).

2o Y phát sanh từ ngày mùng 5 tháng 9 (uppanabhavo).

3o Y không được gọi, không được nguyện (anadhiṭṭhita avikappitatā).

4o Qua khỏi hạn kỳ giữ y (cīvarakālatikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm "ung-xả-đổi-trị".

9. Chỗ nguy hiểm (Sālaṅka). Tỳ-khuru nhập hạ trong rừng là nơi có điều lo sợ, khi ra hạ rồi, còn trong tháng là (một tháng) từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu muốn đề 1 trong 3 y nào trong xóm, chỉ được phép đề trong 1 tháng ấy, khi có cơ đi khỏi nơi ấy được phép xa lìa y ấy chỉ trong 6 đêm, xa lìa quá 6 đêm phạm "ung-xả-đổi-trị" trừ ra có Tăng chứng nhận cho.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá, gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do chư Tỳ-khuru đề y trong xóm quá 6 đêm, làm cho y phải hư mất.

CHÚ GIẢI : Khi có đủ 4 chi, đức Phật cho phép gọi 3 y trong xóm được 4 chi là :

1° Tỳ-khuru nhập hạ ngày 16 tháng 6 và được làm lễ Tự-tứ (pavāranā).

2° Từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

3° Chỗ ở trong rừng xa xóm, ít lắm là 500 cây cung⁽¹⁾.

4° Chỗ ở trong rừng có điều lo sợ, nghĩa là: trong chùa hoặc nơi gần chùa là chỗ ở chỗ ăn, chỗ ngồi của

(1) Lối ngàn thước tây.

bọn cướp, thấy rõ rệt, chỗ ở có điều lo sợ là trong chùa hoặc nơi gần chùa, bọn cướp giết đánh phá người cũng thấy rõ.

Điều đủ cả 4 chi như thế, Tỳ-khuru được phép gọi tam y trong xóm chỉ trong 1 tháng. Nếu hữu sự, Tỳ-khuru muốn đi khỏi nơi ấy, chỉ nên xa lìa tạm lâu lắm là 6 đêm, nếu xa lìa quá 6 đêm không trở lại chỗ ở trong rừng hoặc nơi xóm, gọi y ấy trong 6 đêm, qua đêm thứ 7 mặt trời mọc lên, phạm "ung-xả-đối-trị" (trừ ra Tỳ-khuru có bệnh, có Tăng cho phép xa lìa tam y).

Chỗ sanh tội (samūttāna) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhì" (dutiya-kāṭhina).

10.— **Đoạt lợi về cho mình (Parinata):** Tỳ-khuru biết rằng: lợi mà thí chủ họ sẵn dành để dâng đến Tăng rồi đoạt về cho mình, phạm "ung-xả-đối-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi) do phe lục-sur đoạt y về cho mình.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru biết rằng lợi của Tăng là 4 vật dụng họ để dâng cho Tăng. Bằng lời: "Chúng ta sẽ dâng y đến Tăng" Tỳ-khuru biết như thế rồi đoạt về cho mình, trong mỗi lời nói, khuyên người dâng đến mình ấy, phạm tác-ác đoạt được phạm "ung-xả-đối-trị".

Lợi mà thí chủ đã dâng cho Tăng, rồi Tỳ-khuru nghi, tính đoạt về cho mình, lợi mà họ dâng đến 1 giáo-hội, tính đoạt về một giáo-hội khác, hoặc cho Thấp, như

thế phạm tác-ác. Lợi mà họ tính dâng cho một tháp, rồi đoạt về cho tháp khác, hoặc đoạt về cho Tăng, cho Tỷ-khuru, hoặc lợi mà họ để dâng cho Tỷ-khuru, nói cho cùng, họ để cho chó, rồi Tỷ-khuru tính đoạt về cho Tỷ-khuru, hoặc cho chó khác, hoặc lợi mà họ chưa dâng, Tỷ-khuru tưởng đã dâng, nghi, đoạt về cho mình cho người khác, đều phạm tác-ác (trong khi nói).

Thê thức không phạm tội :

Lợi của họ đã dâng rồi, Tỷ-khuru tưởng chưa dâng rồi nói cho họ dâng cho mình, cho người khác, hoặc thí chủ hỏi: "Tôi nên dâng cho ai?". Tỷ-khuru đáp: "Người có đức tin nơi nào nên dâng đến nơi ấy", nói như thế, và Tỷ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này, "không phạm tội vì dạy người" (anânattika), có 3 chi:

1o Lợi mà thí chủ đã dâng đến Tăng rồi (Saṅghe-parinatabhāvo).

2o Đã biết rồi mà còn đoạt về cho mình (attano-parinnāmanam).

3o Được lợi (paṭilābho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội "ung-xả-đổi-trị".

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna), cũng như trong điều học trộm cắp (sikkhāpada adinnādāna samuṭṭhāna).

UNG-ĐỐI-TRỊ (pācittiya) ⁽¹⁾

Có 92 điều học chia ra làm 9 phần:

- 1.— NÓI DỐI PHẦN THỨ NHỨT
(musāvādavagga) có... 10 điều học
- 2.— THẢO-MỘC PHẦN THỨ NHÌ
(bhūtagālavagga) có... 10 —
- 3.— DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA
(ovādavagga) có... 10 —
- 4.— VẬT THỰC PHẦN THỨ TƯ
(bhojanavagga) có... 10 —
- 5.— ĐẠO LỖA THỀ PHẦN THỨ NĂM
(accelokavagga) có... 10 —
- 6.— UỐNG RƯỢU PHẦN THỨ SÁU
(surā pānavagga) có... 10 —
- 7.— GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY
(sappānakavagga) có... 10 —
- 8.— NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM
(saha dhammikavagga) có... 12—
- 9.— TRONG ĐÈN VUA PHẦN THỨ CHÍN
(rājavagga) có... 10 —

Tổng cộng. 92 điều học.

(1) Pacittiya : Nghĩa là : tội làm cho thiện-pháp phải sa sảy. Tàu dịch là Ung-đối-trị nghĩa là : không phải như tội cất chứa y, bình bát trái phép, cho nên không phải xả, chỉ nên sám-hối trước mặt 1, 2, 3 Tỷ-khưu hoặc giữa Tăng thì được khỏi tội.

NÓI DỐI PHẦN THỨ NHỨT

(Musāvâdavagga)

có 10 điều học :

L— Nói dối (musāvâda).— Tỳ-khuru nói dối phạm "Ung-đôi-trị".

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do Tỳ-khuru Hatthaka nói dối.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru trước khi nói, trong khi nói biết là sự không thiệt, rồi ra dấu giả-dối, như có người hỏi "thấy hay không thấy?" rồi dối, lúc lắc đầu cho người biết là không thấy, hoặc nói dối, phạm ung-đôi-trị.

Tỳ-khuru nói dối để khoe pháp bậc cao hơn, phạm bất-cộng-trụ: nói dối vô cớ để cáo Tỳ-khuru khác phạm bất-cộng-trụ thì phạm tăng-tàn; nói dối vô cớ để cáo gian Tỳ-khuru khác phạm tội tăng-tàn thì phạm ung-đôi-trị, nói dối cáo gian Tỳ-khuru khác phạm tội làm quấy thì phạm tác-ác; người nghe hiểu biết ý nghĩa thì phạm trọng tội; người nghe không rõ ý nghĩa thì phạm tác-ác.

Tỳ-khuru nói dối: thấy, nói không thấy; nghe, nói không nghe; biết bằng mũi, lưỡi, thân, mà nói không biết; hoặc không thấy, không nghe, nói: có thấy, có nghe, không biết, nói biết; tâm không biết nói rằng biết như thế, phạm ung-đôi-trị.

Thê thức không phạm tội :

Chưa suy nghĩ rồi nói gấp hoặc tính nói như vậy rồi nói lên lời khác, sai lời thiệt và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác nói (anânattika", có 2 chi:

1.— Tính nói lời không thiệt (visamvâdana-purekkhâratâ).

2.— Ra dấu hoặc nói cho người nghe hiểu sự lý mà mình cố ý muốn nói sai lời thiệt (viññã pana payogo).

Đều đủ cả hai chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samutthâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna sikkhâpada).

2.— **Chười mắng** (omasavâda).

Tỳ-khuru chười rửa hoặc mắng nhiếc vị khác phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục-sur chười mắng Tỳ-khuru có giới trong sạch.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru chười mắng ngay trước mặt phạm ung-đối-trị, chười mắng sau lưng phạm tác-ác, kể theo mỗi tiếng chười. Tỳ-khuru cố ý chười để giễu chơi, phạm tác-ác, kể theo mỗi tiếng chười.

Thẻ thức không phạm tội :

Tỳ-khuru không cố ý chười mắng, nói đạo, dạy đạo và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác chửi (anâpattika), có 4 chi :

- 1.— Chửi tỳ-khuru (tassa upasampannattâ);
- 2.— Chửi trước mặt (jâti âdihî akkosanam);
- 3.— Người bị chửi biết rằng mình bị chửi (makkko satijânanatâ).
- 4.— Không phải nói đạo, thuyết pháp dạy người (atthadhamma purekkhâratâdinâbhâvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samutthâna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdana sikkhâpada). Chỉ khác nhau là trong điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

3.— Lời đâm thọc (pesuñña).

Tỳ-khuru nói lời đâm thọc vị khác, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư, nói dối đâm thọc các Tỳ-khuru khác.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru nghe vị khác chửi Tỳ-khuru với nhau, rồi cố ý muốn cho người chửi ấy thương mình, hoặc muốn cho cả 2 người chia rẽ nhau rồi đi nói lời đâm thọc: đem lời chửi của vị này, đến nói với vị kia, phạm ung-đối-trị, đều đủ mỗi tiếng.

Nếu đem lời của Tỳ-khuru chửi không nói ngay đến Tỳ-khuru bị chửi, hoặc đem lời của sadi chửi

đến cho Tỷ-khuru hay, hoặc đem lời chưởi của sadi đến cho sadi hay, đều phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru không cố ý muốn cho vị bị chưởi thương mình, hoặc không muốn cho cả 2 vị chia rẽ nhau và Tỷ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người đăm thọc" (anânattika), có 3 chi :

1.— Được nghe lời người chưởi (không phải do người khác mà biết) rồi đem nói lại cho người bị chưởi (jāti ādihi... bhikkhussa upasamharaṇaṃ):

2.— Muốn cho người bị chưởi thương yêu mình hoặc muốn cho 2 người chia rẽ nhau (piyakamyatā bhedādhippāyesu aññataratā);

3.— Người bị chưởi hiểu biết sự lý (tassa vijjānanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị..

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādanā sikkhāpada).

4.— Dạy kệ pháp (padasodhamma).

Tỳ-khuru dạy kệ pháp đến người chưa tu lên bậc trên (upasampanna) đọc chung cùng nhau, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do phe lục sư dạy kệ đến người chưa tu lên bậc Tỷ-khuru và đọc chung cùng nhau.

CHÚ GIẢI: như "rūpaṃ aniccaṃ" gọi là 1 câu đầu, câu sau như "vedanāniccā" gọi là câu nối (anupada) Tỳ-khuru khi dạy pháp làm bằng kệ rằng: aseva nācabālānaṃ đọc rồi, sadi đọc theo, Tỳ-khuru đọc chung cùng nhau với sadi, rồi đọc tiếp nối thêm asevanā cabālānaṃ, đọc chung cùng nhau như thế, phạm ung-đối-trị, kể theo mỗi câu.

Tỳ-khuru dạy pháp một lần 2 câu như là "aseva nācabālānaṃ paṇḍitānañca sevanā" rồi trở lại đọc nữa với sadi, sadi đọc câu đầu không kịp, đọc theo kịp câu thứ nhì rằng: "paṇḍitā nañca sevanā, chung cùng với Tỳ-khuru như thế gọi là trước đọc khác nhau, sau đọc chung cùng nhau, phạm ung-đối-trị, kể theo câu sau.

Tỳ-khuru dạy sadi đọc: "rūpaṃ aniccaṃ vedanāniccā", rồi Tỳ-khuru chỉ đọc đến được rūpaṃ aniccaṃ, sadi lẹ miệng đọc đến vedanā aniccā là câu nối tiếp liền theo câu "aniccaṃ" như thế phạm ung-đối-trị, kể theo mỗi câu sau.

Thế thức không phạm tội :

Học pāli chung với sadi hoặc học nơi sadi hoặc đọc chung nhau, tụng kinh đã học thuộc lòng rồi hoặc sadi tụng sai Tỳ-khuru dạy rằng : "đọc như vậy" rồi đọc chung cùng nhau và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anānattika) có 3 chi :

1- Người chưa tu lên bậc Tỷ-khuru (anupasampannatá);

2- Dạy học pháp bằng câu kệ (vuttalakkhanaṃdhammaṃ padaso vācanatá);

3- Đọc đính chung cùng nhau (ekato osāpanaṃ).

Điều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội là " dạy pháp bằng kệ " (padaso-dhamma samuṭṭhāna) phạm vì làm (kiriya, không khỏi phạm vì trường (nosaññavimokkha), không cố ý cũng phạm, phạm tội vì Phật cấm (paññattika), khẩu nghiệp (vācikamma), có 3 tâm, 3 thọ.

5- Nằm chung trong chỗ có che lợp lần thứ nhứt (paṭhamasahaseyya).

Tỷ-khuru nằm trong chỗ có dưng, lợp chung với người chưa tu lên bậc trên ⁽¹⁾ (upasampanna) quá 3 đêm phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggālava gần thành Aggalavi, do Tỷ-khuru mới xuất gia ngủ quên trong phước xá chung cùng với cư-sĩ.

CHÚ GIẢI: Tỷ-khuru ngủ trong nơi dưng kín, hoặc lợp kín, hoặc lợp-nhiều, dưng nhiều chung với người chưa tu lên bậc trên (trừ ra Tỷ-khuru với nhau) dẫu ngủ chung với súc-sanh có khiêu có thể sanh tội bất-cộng-trụ quá 3 đêm, phạm ưng-đối-trị, kể từ đêm thứ 4.

Chỗ ở có dưng vách không chí với nóc, cao 1 hắc

(1) Chưa tu lên bậc trên là chưa thọ cụ-túc-giới làm Tỷ-khuru.

1 gan chung quanh gọi là " chỗ ở dưng kín " hết. Cho nên, chỗ ở như thế, dẫu là lâu 7 tầng hoặc nhà 4 mặt, có 100 phòng, nếu có 1 cửa ra vào chung cùng nhau, cũng gọi là chỗ ở chung cùng nhau.

Tỳ-khuru ngủ chung cùng người chưa tu lên bậc trên, trong chỗ ở như thế đến 3 đêm, rồi qua ngày thứ 4, khi mặt trời đã lặn, người ấy nằm trước Tỳ-khuru đóng cửa phòng hoặc không đóng rồi nằm, hoặc Tỳ-khuru nằm trước, người ấy nằm sau mà tỳ-khuru không ngồi dậy thì phạm ung-đối-trị, kể theo mỗi lần nằm xuống và ngồi dậy với người ấy và kể theo số người (sadi, cư sĩ) nằm trong nơi ấy.

Tỳ-khuru mà tưởng là sadi hay là cư sĩ, hoặc nghi rồi nằm phạm tác-ác.

Chỗ ở lợp phần nửa dưng phần nửa, lợp kín dưng ít, lợp nhiều dưng ít, dưng kín lợp ít, dưng nhiều lợp ít, đều là vật cho phát sanh tội tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Chỗ ở lợp kín, không dưng, hoặc không lợp mà dưng kín hoặc không lợp nhiều, không dưng nhiều đều là vật không cho phát sanh tội, ngủ đến 2 hay là 3 đêm hoặc trong đêm thứ 3, ra trước mặt trời mọc rồi ở thêm nữa đến đêm thứ 4, sadi, cư-sĩ nằm Tỳ-khuru ngồi hoặc Tỳ-khuru nằm, đều không phạm tội " .

Điều học này "không phạm tội vì dạy người nằm" (anânattika), có 3 chi :

1. Chỗ ở cho sanh tội ung-đối-trị (pācittiyavatthu senāsanam) ;

2. Nằm cùng người chưa tu lên bực trên, trong nơi ấy (tattha anupasampanne sahanipajjanam) ;

3. Mặt trời đã lặn trong ngày thứ 4 (catutthadivasesuriyatthamgamam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị. Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học "thọ lông cừ" (elakaloma samuṭṭhāna).

Phạm tội do thân, do thân ý, phạm vì làm (kiriya) không khỏi phạm vì tưởng (nosaññā vimokkha) vô ý cũng phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (paññattivajja) thân-nghiệp (kāyakamma) có 3 tâm, 3 thọ.

6.— Nằm chung trong chỗ kín lần thứ nhì (dutiyaśahaseyya).

Tỳ-khuru nằm trong chỗ, lợp, dưng chung cùng phụ-nữ, dầu chỉ trong 1 đêm, cũng phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do đức Anuruddha vào ngủ chung trong nhà với phụ-nữ.

CHÚ GIẢI : Dầu nằm chung với phụ-nữ mới sanh 1 ngày cũng phạm tội ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học trước, chỉ khác nhau là điều học này dầu nằm chung chỉ trong 1 đêm cũng phạm.

Tỳ-khuru nằm chung với tinh-nữ, ngạ-qui-nữ có

thân hình rõ rệt, bộ-nắp và thú cái là vật cho sanh sự hành-dâm, phạm tác ác.

7.— Thuyết-pháp đến phụ-nữ. (dhamma desa-nā).

Tỳ-khuru nói pháp quá 6 tiếng đến phụ-nữ, không có người nam, biết nghe chung với, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do Tỳ-khuru nói pháp đến phụ-nữ.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru nói pháp quá 6 tiếng như đã giải trong điều học "dạy kệ đến người chưa tu lên bậc trên" (padasodhamma), đến phụ-nữ biết nghe lời quấy phải và lời thô-tục phạm ung-đối-trị, kể theo số phụ nữ, theo câu kệ, trừ ra có người nam biết nghe ở chung với, như đã có nói trong điều học "bất định thứ nhì" thì không phạm tội.

Không phải phụ-nữ, tưởng là phụ nữ hoặc nghi rồi mới nói pháp đến tinh nữ, ngọc-qui-nữ, bộ-hấp và thú cái có thân hình như người đều phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru chỉ nói pháp đến 6 tiếng, hoặc ít hơn 6 tiếng hoặc có người nam như đã có giải ở chung với, hoặc Tỳ-khuru nói rồi ngồi xuống, rồi nói tiếp thêm, hoặc phụ-nữ đứng dậy, rồi ngồi xuống, rồi Tỳ-khuru nói tiếp thêm, hoặc nói pháp với phụ-nữ khác, hoặc phụ-nữ hỏi đạo, Tỳ-khuru đáp và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người nói pháp" (anānattika), có 5 chi :

1. Nói pháp quá sáu tiếng (channaṃvāpānaṃ uparidesanā) ;

2. Phụ-nữ như đã có giải (vuttalakḥhanomātugāmo) ;

3. Không thay đổi oai nghi (iriyā patha parivat-tanābhāvo) ;

4. Không có người nam biết nghe ở chung với viññupurisābhāvo) ;

5. Không có sự luận đạo (apaṇhavisajjana).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " dạy kệ pháp đến phụ-nữ " (padasodhamma samuṭṭhāna) chỉ khác nhau là điều học này " phạm vì làm và không làm" (kiriya akiriya) làm là : thuyết quá 6 tiếng, vì không làm là "không đổi oai-nghi".

8.— Khoe sự thiệt (bhuttārocana).

Tỳ-khuru khoe pháp bậc cao hơn mà tự mình đã đắc, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Phước-xá Kūṭāgāra gần thành Xá-vệ (Sāvatti) do chư Tỳ-khuru khoe pháp cao hơn cùng nhau.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru khoe pháp bậc cao hơn như là đắc thiên-định mà chính mình đã được, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ung-đổi-trị.

9.— Khai tội nặng (duttullārocana).

Tỳ-khuru nói tội nặng (là tội Tăng-tàn) mà vị khác đã phạm, đến người chưa tu lên bậc trên, phạm ung-đối-trị ; trừ ra Tăng có cho phép nói.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư nói tội "Tăng-tàn" của Tỳ-khuru Upananda đến người thế.

CHÚ GIẢI : Không phải tội nặng Tỳ-khuru tưởng là tội nặng; nghi rồi nói hoặc nói phạm 5 tội khác (trọng tội, ung-đối-trị...) đến người chưa tu lên bậc trên, phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Nếu chỉ nói ngay điều học rằng : "Tỳ-khuru này cố ý cho tinh di, hoặc đụng chạm phụ-nữ, hoặc chỉ tội rằng : Tỳ-khuru này phạm "Tăng-tàn" phạm trọng tội hoặc "Tăng" cho phép nói đến đâu thì nói đến đó và Tỳ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người nói" (anânattika) có 3 chi :

1. Nói tội tăng-tàn của Tỳ-khuru cả và cách phạm tội (savatthukosañghâdiseso) ;
2. Nói đến người chưa tu lên bậc trên (anupasampannassa ârocanam) ;
3. Tăng không cho phép (bhikkhusammatiyâ bhâvo) ;

Chỗ sanh tội (samuṭṭhâna vidhi) như trong điều học "trộm-cấp" chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ.

10.— Đào đất (paṭhavīkhaṇana).

Tỳ-khuru đào đất, hoặc dạy người khác đào đất bằng lời không nên, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggālava gần thành Ālavi do phe Tỳ-khuru Ālavi đào đất và dạy người khác đào đất.

CHÚ GIẢI : Đất có 2 thứ : đất có đất nhiều hơn các vật khác (jātapathavī) và đất có đất ít hơn các vật khác.

1. Đất thứ nhất toàn là đất phân, đất sét, đất có đá ít, có sỏi ít, có cát ít, có phần đất nhiều, có đất sét nhiều, hoặc đất mà họ chưa từng đốt, hoặc đồng phân đất, đồng đất sét mà có mưa xuống nhằm trên 4 tháng gọi là : đất phì (đất tốt).

2. Đất thứ nhì : đất toàn là đá, toàn là sỏi, toàn là cát có đất phân ít, có đất sét ít có cát nhiều, đất đã có người đốt rồi gọi là đất chai (ajātapathavī) ; lại nữa, đồng phân đất nào, đồng đất sét nào mà mưa rớt nhằm ít hơn 4 tháng cũng gọi là đất chai. Đất toàn là sỏi, đá, cát thì không phạm tội.

Tỳ-khuru cố ý đào hoặc dạy người đào bằng lời không nên, làm cho đất nẻ, bể, lở, phạm ung-đổi-trị, kể theo mỗi lần làm. Tỳ-khuru dạy nói "ngươi hãy đào, xới, xoi, bươi cuốc đất này thì phạm tội" người chịu dạy, dẫu đào suốt ngày, chỉ phạm 1 tội ung-đổi-trị thôi, người dạy nhiều lần phạm nhiều tội ung-đổi-trị. Đất Tỳ-khuru nghi, không phải đất tưởng là đất, hoặc nghi rồi làm cho cử-động phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Đất cục không dính với đất liền, đất lở không phạm, hoặc nói : người hãy biết cái lỗ cột này, người hãy cho tôi đất này, người hãy lấy đất này cho tôi, tôi cần dùng đất ; không cố ý làm cho cử động, hoặc dùng ngón chân tay xui đất, hoặc tưởng không phải là đất đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika) có 3 chi :

1. Chát đất phì (jâtapathavitâ) :
2. Biết là đất (pathavisaññita) :
3. Tự mình đào hoặc dạy người khác đào (khaṇana-khaṇâpanânam aññataram).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội như trong điều học "trộm cắp" (adin-nâdâna samuṭṭhâna), chỉ khác nhau là trong điều học này phạm tội vì Phật cấm (paññattivajja) có 3 tâm, 3 thọ.

THẢO MỘC PHẦN THỨ NHÌ

(Bhūtagâmaṃvagga)

Có 10 điều học :

1— **Phá hoại thảo mộc** (Bhūtagâma). Tỳ-khuru phá hoại cây cỏ sanh, mọc trên đất hoặc trong 1 nơi nào, cho đứt lia, gãy, tét, phạm ưng-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggalava

gần thành Aggâvi, do Tỷ-khuru đốn cây làm các công-việc.

CHÚ GIẢI : Các thứ cây cỏ, dầu nhỏ nhen đến dâu (rong-rêu), mọc trong một nơi nào chẳng hạn, Tỷ-khuru đã biết mà tự mình hoặc dạy kẻ khác nhổ chặt bẻ làm cho lìa khỏi chỗ nó mọc, phạm ưng-đối-trị.

Các thảo mộc mà người đã đào, nhổ khỏi chỗ nó mọc dầu không có : rễ, mụt, củ, hột... mà còn giống (bījagâma) họ đem để trong đồ đựng hoặc cất trong một nơi nào (có thể còn gieo trồng nữa được) mà Tỷ-khuru làm hại thì phạm tác-ác, nghi trong thảo mộc hoặc các thứ giống thảo mộc : không phải thảo, mộc tương là thảo-mộc, hoặc giống của thảo-mộc, phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Thảo mộc hoặc "giống" của thảo-mộc tương là không phải rời làm hại, Tỷ-khuru điên, vô ý hoặc kéo cây, lăn đá mà thảo mộc chết đều không phạm tội. Không cố ý giết hại, không cố ý như Tỷ-khuru nói chuyện cùng nhau mà lấy ngón chân hoặc tay làm hại thảo-mộc cũng không phạm tội; hoặc nói: người nên biết bông cây này, người nên biết trái cây này, người nên lấy bông cây này, trái cây này đem cho tôi. Tôi cần dùng bông cây này, trái cây này, người nên làm bông cây này, trái cây này cho tôi dùng được. Nói như thế, không phạm tội.

Khi ăn rau, cần phải nhờ Sadi hoặc thiện-tín làm cho có thể ăn được khỏi phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người" (sânattika), có 3 chi:

1. Thảo-mộc (bhūtagāmo);
2. Biết là thảo-mộc (bhūtagāmasaññitā);
3. Tự mình hoặc dạy kẻ khác phá hại (vikopanam-vāvikopāpanamvā).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị. Chỗ phát sanh tội (samuṭṭhāna) như trong điều học "Đào-dất" (Paṭhavīkhaṇanam).

2.— Lời nói tráo-trở (aññavādaka).

Tỳ-khuru làm quấy, Tăng đã gọi đến hỏi tra mà cố-ý nói tráo trở, hoặc nín thình không nói. Nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn, mà còn giữ thái độ như thế phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tịnh-xá Ghosita gần thành Kosambi, do Tỳ-khuru Channa làm quấy, đến khi Tăng hỏi mà nói tráo trở.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru cố ý muốn dấu lỗi, nói tráo trở như nói "ai phạm, phạm tội gì, phạm chỗ nào" nói như thế, hoặc nín thình, làm khó cho Tăng, phạm tác ác. Đến khi "Tăng" đã tra hỏi mà còn tráo trở nữa, hoặc nín thình phạm ung-đối-trị.

Tỳ-khuru không làm khó cho Tăng, không nói tráo trở như thế, phạm tác ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru không biết tội hoặc không biết mình phạm tội hoặc hỏi "ngài hỏi thế nào", Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này có 3 chi:

1o Tụng đề cáo tội (dhammakamme âropita)

2o Tăng tra hỏi tội hoặc điều phạm tội (ânuyujjiyamânâtâ):

3o Nói tráo trở, hoặc nín thính, vì muốn dấu lỗi (patticaranamvâ tunhîbhâvovâ).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ phát sanh tội (samuṭṭhâna) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna samuṭṭhâna), chỉ khác nhau là điều học này "không phạm tội vì dạy người" (anânattika).

3.— Tỳ-khuru nói xấu vị khác (ujjhâpanaka).

Tỳ-khuru nói xấu vị khác mà Tăng đã chỉ định để làm việc cho Tăng như lót chỗ ngồi, hoặc chia tài vật; nếu vị ấy làm việc cho Tăng được đúng đắn, Tỳ-khuru nói xấu, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh xá (Vihâra veluvâna) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do phe lục sư nói xấu đức A-la-hán Dabba-mallaputta.

CHÚ GIẢI: Nếu Tỳ-khuru mà "Tăng" đã chỉ định hành đúng theo phép, thì vội nói xấu phạm ung-đổi-trị; hành không đúng theo phép vị nói xấu phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Tỳ-khuru nói xấu vị khác hành theo 4 pháp tây vị (agati) (như thương riêng) nghĩa là: không làm đúng phép và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác nói xấu" (anânattika), có 6 chi :

1o Người mà Tăng đã chỉ định hành đúng theo phép (dhamma kammaena sammatâta);

2o Người mà Tăng chỉ định ấy là Tỳ-khuru (upasampannâtâ);

3o Làm không tây-vị (agatigamanâbhâvo);

4o Cố ý cáo tội đến người ấy (tassa avañnakâmatâ);

5o Cáo tội hoặc nói xấu đến người nào, người ấy là Tỳ-khuru (tassa upasampannâtâ);

6o Cáo tội hoặc nói xấu (ujjhâpanamvâkhiyanamvâ).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ phát sanh tội (samuttâna) như trong điều học "trộm cắp" (adinnâdâna samuttâna). Chỉ khác nhau là: điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanâ).

4.— Chỗ ngồi nằm thứ nhất (paṭhama senâsana).

Tỳ-khuru lấy ngoại-cụ của Tăng đem trải nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, mà không dọn, hoặc không nhờ người khác dọn cát, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavâna) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do chư sư đem vật lót ngồi nằm nơi trống mà không dọn cát.

CHÚ GIẢI: Ngoài 4 tháng mưa, trong nơi mát, dưới cột cây mà thú không đại, tiểu tiện nhằm, Tỳ-khuru để ngoại-cụ nơi ấy, đi ra khỏi không phạm tội. Tỳ-khuru lót cho các vị khác mà các vị này không ngồi trong nơi ấy, hoặc không nói "ông đi đi" thì còn về phận sự người lót trải, — Tỳ-khuru ngồi trên bàn ghế, giường mà tự mình dọn ra, hoặc nhờ người dọn ra cho mình, các vật ấy đều về phận sự mình.

Tỳ-khuru đứng trong nhà ăn, dạy rằng: người đem đồ trong giữa chùa rồi đi đi, Tỳ-khuru ấy ra khỏi nhà ăn, đi đến nơi khác, như thế, nên cho luật-sư phạt tội.

Nếu chỗ ngồi nằm của Tăng thì phạm ưng-đối-trị, vật riêng của Tỳ-khuru thì phạm tác-ác.

Vật để trải lót (chiếu, đệm) cho đến vật để chùi lau tay chân mà Tỳ-khuru bỏ ngoài mưa nắng... rồi đi thì phạm tác-ác.

Tỳ-khuru ngụ trong rừng, nếu không có chỗ che mưa, đem các vật ấy để trên nhánh cây cho khỏi thú phá hại (như mối ăn) rồi đi khỏi nơi ấy cũng được.

Thế thức không phạm tội :

Chỗ ngồi, nằm của mình hoặc của Tỳ-khuru thân-thiết nhau, không phạm tội. — tự mình cất hoặc nhờ người khác cất, hoặc gọi đem phơi, rồi đi, tính sẽ trở lại dọn cát, hoặc có người ở hoặc có

Tỳ-khuru trưởng lão ⁽¹⁾ lại đuổi, hoặc cho Sadi, người thể đến lấy, có thú dữ đến đứng nơi ấy, không được dọn dẹp rồi đi khỏi vì sợ có điều hại ⁽¹⁾ hoặc khó tu hành, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người khác" (sânattika), có 6 chi :

1o Nhứt là giường, bàn thấp dài của Tăng (mañcâdinam samghikatâ);

2o Tự mình hoặc dạy người đem ra ngồi nằm trong chỗ đã nói (santhâranam và santhârâpanamvâ);

3o Không có người lại tranh dành (abalibuddhatâ)

4o Không có điều hại (âpadâyâbhâvo);

5o Không cố ý trở lại dẹp cát (nirapekkhatâ).

6o Đi khỏi nơi ấy (lenducâtâtikkamo);

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samutthânavidhi) như trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhứt" (paṭhamakaṭhina samutthâna). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm "là dọn ra" và không làm là "không dọn cát hoặc không gởi cho người khác" (kiriyaḱiriya);

5.— Chỗ ngồi, nằm thứ nhì (dutiya senasana).

Tỳ-khuru đem ngoại-cụ của Tăng lót nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, không dọn cát, hoặc không nhờ người khác dọn, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi)

(1) Nếu có vị trưởng lão bảo dạy, hoặc có tình, rùa quỉ đến ngồi nơi ấy hoặc có các quan lớn đến ngồi nơi ấy, bỏ đi khỏi phạm tội.

do phe thập thất sư đến trái lót ngọa cụ rồi bỏ ra đi không dẹp nên bị mối ăn hư hết.

CHÚ GIẢI: Các thứ ngọa cụ của Tăng: nệm, y lót lưng, y lót giường, y đắp, chiếu, đệm, da, tọa-cụ có bia... Tỷ-khuru lấy một thứ ngọa cụ nào đem lót nằm trong chùa, thất của Tăng, rồi không đem cất, hoặc không nhờ kẻ khác cất, đi ra khỏi nơi ấy, 1 bước đầu phạm tác-ác, khỏi bước thứ 2 phạm ung-đối-trị. Trong nơi nào, không có điều hại, dầu không gọi rồi cũng phạm, — gọi là phạm sự của Tỷ-khuru. Trong chỗ của Tăng thì phạm ung-đối-trị, trong chỗ của Tỷ-khuru phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Chỗ ở của mình hoặc của Tỷ-khuru thân-thiết tự mình dọn cất hoặc nhờ người dọn cất, hoặc có người tranh dành (như đã có giải) rồi bỏ đi, hoặc tính sẽ lại dọn cất trong ngày ấy, hoặc đi rồi tính trở lại nhưng có tai-hại không thể trở lại được, và Tỷ-khuru diên, đều không phạm tội.

Điều học này "phạm tội vì dạy người" (sânattika), có 7 chi:

1. Chỗ nằm như đã nói (vuttalakkhanâseyâ);
2. Chỗ nằm ấy của Tăng (tassâsamghikatâ);
3. Mình lót trái hoặc dạy người khác lót trái trong nơi như đã nói (santharanam vâ santharâpanamvâ);
4. Không có người tranh dành (apalibuddhatâ);
5. Không có điều hại (âpadâyâbhâvo);

6. Đi đến nơi khác, không cố ý trở về
(anapekkhassadisâ pakkamanam);

7. Đi khỏi ranh chùa (upacâra simâtikkamo).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội (samuttâna) như trong điều học trên.

6.— Chen lán (anupakhajja).

Tỳ-khuru biết là thất của Tăng đã có vị khác vào ngụ trước rồi, cố ý lấy đồ trái lót ngồi, hoặc nằm, chen lán trong nơi ấy, làm cho vị đã vào ngụ trước phải chịu chật hẹp, khó khăn, rồi bỏ đi ra khỏi, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi) do phe lục sư dành chỗ ở tốt đẹp, làm cho chư trưởng lão phải khó khăn.

CHÚ GIẢI: Tự mình hoặc dạy kẻ khác lót trái ngoạn-cụ trong chỗ ở của Tăng, phạm tác-ác; ngồi hoặc nằm, phạm ưng-đối-trị. Trong chỗ ở của Tỳ-khuru phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Lót trái trong chỗ ở của mình hoặc trong chỗ ở của Tỳ-khuru thân-thiết, trong chỗ Tỳ-khuru bệnh, hoặc vì có điều hại, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 4 chi :

1. Chỗ ở của Tăng (Saṅghikavihâratâ);

2. Biết rằng đã có người vào ở trước không nên chen lấn (anumatthâpaniyabhāvajānanam);

3. Cố ý làm cho tỳ-khuru ấy chật hẹp (sambādhetu kāmata);

4. Đã ngồi hoặc nằm trong nơi ấy (upacāre nisīdanam và nippajūnamvā).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhānavidhi) như trong điều học "bát-cộng-trụ thứ nhất" (paṭhama pārājika), chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ-khổ (dukkhavedanā).

7.— Lôi Tỳ-khuru ra khỏi thất (nikaddhana).

Tỳ-khuru giận hờn vị khác rồi kéo lôi hoặc đuổi vị ấy ra khỏi thất của Tăng, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư dành chỗ ở nên kéo lôi phe thập thất sư.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru giận đuổi, dạy người khác kéo lôi, trong khi dạy, phạm tác-ác; đuổi, hoặc lôi ra khỏi cửa thất, phạm ung-đối-trị. Đuổi, hoặc kéo hoặc lôi ra khỏi chỗ ở Tỳ-khuru phạm tác-ác, đuổi sadi; liệng vật dụng ra khỏi chỗ ở của Tăng, phạm tác-ác, kể theo mỗi vật dụng.

Thẻ thức không phạm tội :

Kéo lôi ra khỏi chỗ ở của mình, hoặc chỗ ở của Tỳ-khuru thân-thiết, hoặc can-gián người cải-cọ rồi liệng vật-dụng của cải ra khỏi chỗ ở của Tăng, hoặc

kéo Tỳ-khuru phá-giới, đệ-tử của mình làm quấy, hoặc liệng vật-dụng của người quấy và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " phạm tội vì dạy người khác " (sānatthika), có 3 chi :

1. Chỗ ở của Tăng (saṅghikavihāratā);
2. Kéo lôi Tỳ-khuru vô tội " không có cãi-cọ " (bhaṇḍanakārakabhāvādivimuttatā);
3. Tự mình kéo hoặc dạy người khác kéo lôi Tỳ-khuru ấy vì giận hờn (kopenanikaddhanamvā nika-ddhāpanam vā).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " trộm cắp " (adinnādānā sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này " thuộc về thọ khổ " dukkhavedanā).

8.— Gác trong thất (vehāsakūṭi).

Tỳ-khuru ngồi hoặc nằm trên giường, ghé mà họ chỉ kê đỡ, chưa làm thiệt chắc, để trên gác trong thất, phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do vị Tỳ-khuru ở trên gác, ngồi trên giường mà họ kê đỡ, rớt xuống nhằm đầu Tỳ-khuru ở tầng dưới.

9.— Tịnh-thất lớn (mahāḷaka).

Tỳ-khuru dùng đất và vôi tô tịnh-thất chỉ được phép tô nhiều lắm là 3 lớp, nếu tô quá 3 lớp phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Ghosita gần thành Kosambi, do Tỳ-khuru Channa tô thất lớn nhiều lớp làm cho thất phải ngã sập.

CHÚ GIẢI: Phải đứng tránh chỗ xanh (cây, cỏ) là đứng xa cho khỏi ruộng, vườn, mà người có trồng cây, gieo mạ, trồng dâu... Nếu đứng trong các nơi ấy mà tô, sơn, phết phạm tác ác.

10.— Nước có côn trùng (sappánaka).

Tỳ-khuru biết nước có côn-trùng sống rồi đem tưới cây, cỏ, hoặc tưới đất phạm ung-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggálava, gần thành Aggalavi, do các Tỳ-khuru xứ Aggalavi dùng nước có côn trùng đem tưới cỏ, đất.

CHÚ GIẢI: Liệng cây, cỏ xuống chỗ nước ít làm cho côn trùng chết, liệng 1 lần phạm 1 tội.

Trong nước không có côn trùng tưởng là có, hoặc nghi rồi đem tưới cây cỏ, phạm tác ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Tưới vì tưởng là nước không có côn trùng, không cố ý, quên không biết, và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " phạm vì dạy người " (sánattika), có 4 chi :

1. Nước có côn trùng sống (udakassasappánakatá);
2. Biết rằng côn-trùng sẽ chết vì sự tưới nước (marissantitijānanam);

3. Nước sẽ rút hết (tabbâ udakamṭādisameva)

4. Như đem nước tưới cỏ, vì một lẽ gì (tiṇāndinaṃsibbānaṃ)

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samutṭhāna) như trong điều học "trộm cắp" (adinnādānasikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều học này "phạm tội vì Phật cấm" (paññattivajja), có 3 tâm, 3 thọ.

DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA

(Ovādavagga)

có 10 điều học :

1— Dạy pháp cho Tỳ-khuru-ni (bhikkhunovāda).

Tỳ-khuru mà Tăng không chỉ định, rồi đi dạy 8 điều trọng pháp cho Tỳ-khuru-ni, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lục sư thấy các đại-đức dạy đạo cho Tỳ-khuru-ni được nhiều vật dụng, bèn rủ nhau đi dạy Tỳ-khuru-ni.

CHÚ GIẢI: Tỳ-khuru có đủ 8 chi :

1. Thu-thúc theo giới-bổn;

2. Học rộng;

3. Thông cả 2 giới-bổn (Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni);

4. Tiếng thanh-tao dễ nghe;

5. Đáng cho Tỳ-khuru-ni kính mến ;

6. Có sức vừa dạy bảo Tỳ-khuru-ni được ;

7. Tỳ-khuru ít khi phạm điều trọng pháp với Tỳ-khuru-ni.

8. Xuất-gia được 20 hạ, hoặc nhiều hơn 20 hạ ;

Đều đủ cả 8 chi ấy Tăng mới nên chỉ định cho đi dạy Tỳ-khuru-ni.

8 Trọng pháp là :

1. Tỳ-khuru-ni, đầu tu được 100 hạ cũng phải làm lễ tỳ-khuru mới xuất gia trong 1 ngày.

2. Không nên nhập hạ trong chỗ không có Tỳ-khuru ;

3. Nên cố ý hỏi ngày lễ phát-lộ sám-hối và đến thọ-giáo nơi Tỳ-khuru " Tăng " trong nửa tháng ;

4. Nhập hạ rồi nên hành phép Tự tứ trong 2 phái Tăng ;

5. Phạm trọng pháp (là Tăng-Tàn) rồi nên cho 2 phái Tăng giao-thiệp lại ;

6. Phải tu bậc thất-xoa-ma-na (sikkhamânâ), thọ trì 6 giới trong 2 năm nơi 2 phái Tăng, rồi mới được phép xuất-gia lên Tỳ-khuru-ni.

7. Không được phép mắng nhiếc Tỳ-khuru.

8. Cấm hẳn Tỳ-khuru-ni không cho dạy Tỳ-khuru ;

Cho phép Tỳ-khuru dạy Tỳ-khuru-ni, kể từ ngày đầu tiên mới xuất gia.

Tỳ-khuru-ni phải nên tôn kính, thọ trì 8 trọng pháp ấy, cho đến trọn đời không được bỏ qua.

2.— Mặt trời lặn (atthagata).

Dầu là Tỳ-khuru mà Tăng đã chỉ định, khi mặt trời

đã lặn mà còn dạy đạo đến Tỳ-khuru-ni, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do đại-đức A-la-hán Culapanthaka dạy đạo cho Tỳ-khuru-ni đến tối; Tỳ-khuru-ni mền tài đức ngài đưa ngài ra khỏi thành, bị thành đóng cửa vào không được, làm cho thiên hạ nói xấu.

3.— Tại chỗ ở của tỳ-khuru-ni (upassaya).

Tỳ-khuru đi dạy Tỳ-khuru-ni nơi chỗ của cô, phạm ung-đổi-trị, trừ ra dạy Tỳ-khuru-ni có bệnh.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh-xá Nigrodha gần thành Ca-tỳ-la-Vệ (Kapilavatthu), do phe lục sư đi dạy cho phe 6 Tỳ-khuru-ni tại chỗ ở của các cô.

4.— Mong được tài vật (āmisa).

Tỳ-khuru nói xấu vị khác rằng đi dạy Tỳ-khuru-ni vì mong được tài-vật, phạm ung-đổi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi), do phe lục sư nói các đại-đức đi dạy Tỳ-khuru-ni vì muốn được lợi.

5.— Cho y đến Tỳ-khuru-ni (cīvaradāna).

Tỳ-khuru cho y đến Tỳ-khuru-ni không phải bà con, phạm ung-đổi-trị trừ ra đời y với nhau.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatthi),

do một Tỳ-khuru cho ca-sa đến Tỳ-khuru-ni không phải bà con.

6.— May y cho Tỳ-khuru-ni (cīvarasibhana);

Tỳ-khuru tự mình may hoặc dạy kẻ khác may y cho Tỳ-khuru-ni không phải bà con, phạm ưng-đối-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do Tỳ-khuru Udāyi may y cho Tỳ-khuru-ni.

7.— Rủ Tỳ-khuru-ni đi chung đường (saṃvi-dhāna).

Tỳ-khuru rủ Tỳ-khuru-ni đi chung đường, dầu chỉ đi xa một khoảng trong xóm cũng phạm ưng-đối-trị, trừ ra đường có sự nguy hiểm.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihāra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lục sư rủ Tỳ-khuru-ni đi chung đường.

8.— Rủ Tỳ-khuru-ni đi chung thuyền (nāvā-bhirūhana).

Tỳ-khuru rủ Tỳ-khuru-ni đi chung thuyền, đi ngược, hoặc đi xuôi nước cũng phạm ưng-đối-trị, trừ ra đi qua sông, rạch.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra Jetavane) gần thành Xá-vệ (Sāvatti), do phe lục sư rủ Tỳ-khuru-ni đi chung thuyền.

9.— Dọn nấu ăn (paripācana).

Tỳ-khuru đã biết thọ-thực (vật ngọt, hoặc mặn)

mà Tỳ-khuru-ni dọn, dạy thiện-tín dâng cúng, phạm ung-đôi-trị, trừ ra thiện tín họ đã tính trước.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veļuvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha) do Tỳ-khuru Đề-bà-đạt-đa (Davadatta) đã biết nhờ Tỳ-khuru-ni nên được mời ăn mà còn đi dự.

10.— Chỗ khuất mắt (rahonisajja).

Tỳ-khuru ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với một Tỳ-khuru-ni phạm ung-đôi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (vihâra jetavana) gần thành Xá-vệ (Sâvatthi), do Tỳ-khuru Udâyi vào ngồi nơi kín với Tỳ-khuru-ni (vợ trước).

VẬT THỰC, PHẦN THỨ TƯ

(Bhojana vagga)

Có 10 điều học :

1— Nhà thí-thực (âvasathapiṇḍa).

Vật thực trong phước-xá mà họ bố-thí không phân hạng người, Tỳ-khuru không bịnh chỉ được phép thọ thực một ngày rồi phải nghỉ, bỏ qua 1 ngày thọ nữa mới được, nếu thọ thực liên-tiếp đến ngày thứ nhì, phạm ung-đôi-trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihâra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sâvatthi), do phe lục sư đến thọ thực nhà thí thực ấy luôn khi, làm cho người chê trách.

CHÚ GIẢI : Có bệnh tương là không bệnh hoặc nghi rồi thọ thực phạm tác-ác.

Thê thức không phạm tội :

Có bệnh biết là có bệnh, chỉ thọ thực một lần thọ thực cách 1, 2 ngày hoặc thọ rồi qua ngày sau đi khát nơi khác mà có sự rủi ro, trở lại thọ nữa được, hoặc thí-chủ thỉnh thọ luôn, hoặc họ để dành riêng cho Tỳ-khuru hoặc thọ ngoài 5 món ăn, (cơm, bánh sớt, bánh nguội, thịt, cá) và Tỳ-khuru diên đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Cơm trong phước-xá (âvasathapiṇḍatâ) ;
2. Không có bệnh (agilânâtâ) ;
3. Ở chờ ăn (anuvāsitvâbhojanam)

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ưng-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhānavidhi) như trong điều học " thọ lông cừu " (elakalomasikkhâpada).

2.— Thọ thực chung nhiều vị (gāṇabhojana).

Nếu thí chủ họ thỉnh cho biết tên vật-thực 5 món là : (cơm, bánh, sớt, bánh nguội, cá, thịt) một món nào, nếu Tỳ-khuru thọ vật thực ấy chung nhau từ bốn vị trở lên, rồi ăn chung hoặc ăn riêng, phạm ưng-đối-trị, trừ ra có 7 duyên cứ này :

1. Tỳ-khuru bệnh (gilānasamayo) ;
2. Lễ dâng y (cīvaradānasamayo) ;
3. Kỳ làm y (cīvarakārasamayo) ;

4. Đi đường xa (addhânagamasamayo) ;
5. Đi chung thuyền (nâvâtirūhanasamayo) ;
6. Tỳ-khuru hội họp quá số, vật thực không đủ dùng (mahâsamayo) ;
7. Vật thực ấy của các hạng xuất-gia thỉnh thọ-thực (samaṇabhattasamayo).

Có 1 trong 7 duyên cơ ấy thọ-thực không phạm tội (trong điều học này chỉ lấy cơ đi thọ-thực chung cùng nhau làm bằng).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihâra veluvana) gần thành Vương-Xá (Râjagaha), do phe Tỳ-khuru Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) dẫn đi thọ thực chung cùng nhau thường thường tìm xin vật ngon.

CHÚ GIẢI : Dầu Tỳ-khuru lên tiếng xin ngay tên của vật-thực rằng : người cho tôi xin cơm... cá... thịt... xin chung chỗ, hoặc khác chỗ, nhưng thọ trong một chỗ cùng nhau cũng phạm tội.

Thọ-thực chung cùng nhau nhiều vị, trong khi thọ phạm tác-ác, ăn vào phạm ung-đối-trị, mỗi khi đã ăn vào khỏi cổ. Không phải thọ-thực chung nhiều vị mà tưởng là thọ chung, hoặc nghi rồi ăn, phạm tác-ác.

Thế thức không phạm tội :

Không phải thọ-thực chung nhiều vị biết là không phải, hoặc 2, 3 Tỳ-khuru thọ-thực chung cùng nhau, hoặc nhiều Tỳ-khuru đi khát-thực rồi về ăn chung, hoặc thọ-thực chung ngoài 5 món ăn, và tỳ-khuru điên, đều không phạm tội.

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânattika), có 3 chi :

1. Thọ-thực chung nhiều vị (gaṇabhojanatā) ;
2. Không có duyên-cớ (samayābhāvo) ;
3. Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam) ;

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đổi-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " thọ lông-cừu" (ekalakalomasikkhāpada).

3.— Thọ-thực nơi khác (paramparabhojana).

Tỳ-khuru đã chịu thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, trong một nơi nào, rồi không đi trong nơi ấy, trở lại đi thọ trong nơi khác phạm ung-đổi-trị, trừ ra đã có cho Tỳ-khuru đi thế cho mình hoặc có 1 trong 3 duyên cớ này :

1. Tỳ-khuru bệnh ; 2. Lễ dâng y ; 3. Kỳ làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc-lâm tịnh-xá (Vihāra veluvana) gần thành Vương-Xá (Rājagaha), do chư Tỳ-khuru đã chịu thỉnh rồi mà còn đi thọ-thực nơi khác làm cho thí-chủ bất bình.

CHÚ GIẢI : Khi thọ vật-thực nơi thí-chủ thỉnh sau phạm tác-ác, khi ăn vào phạm ung-đổi-trị (mỗi miếng ăn mỗi tội) trừ ra có 1 trong 3 duyên cớ đã nói. Không phải thọ-thực nơi khác mà tưởng là phải, hoặc nghi phạm tác-ác.

Thẻ thức không phạm tội :

Biết không phải " thọ-thực nơi khác " đã cho người đi thọ thế cho mình, hoặc ăn chung một lượt, hoặc ăn

theo vật-thực đã thọ (thọ trước ăn trước, thọ sau ăn sau), (ngoài 5 vật-thực đã nói thì không kể), và Tỳ-khuru điên, đều không phạm tội :

Điều học này " không phạm tội vì dạy người khác" (anânatika), có 3 chi :

1. Vật-thực của người khác (paramparabhojanatā);
2. Không có duyên cớ (samayābhāvo) ;
3. Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều học " lễ dâng y lần thứ nhất " (paṭhama kaṭhinasikkhāpada). Chi khác nhau là điều học này "phạm vì làm và không làm " (kiriya kiriyā).

4.— Thọ Bánh (kānamātā)

Tỳ-khuru vào xóm khát-thực, nếu có thí-chủ họ đem bánh nhiều đến dâng, được phép thọ nhiều lắm đến 3 bát, nếu thọ quá hạn-định phạm ung-đối-trị. Bánh mà Tỳ-khuru đã thọ được 2 hay 3 bát ấy, phải chia sót cho Tỳ-khuru khác với, mới nên.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ-viên tịnh-xá (Vihāra jetavana) gần thành Xá-Vệ (Sāvatthi), do chư Tỳ-khuru thọ bánh của mẹ nàng Kānā.

CHÚ GIẢI : Tỳ-khuru đã thọ 2 bát, khi ra khỏi gặp Tỳ-khuru nơi phía ngoài nên nói : " trong chỗ ấy tôi đã thọ 2 bát rồi, ngài chỉ nên thọ thêm 1 bát nữa ". Tỳ-khuru này thấy vị khác nên cho hay "Tỳ-khuru đến

trước đã thọ 2 bát rồi, tôi cũng đã thọ 1 bát rồi ngài không nên thọ nữa". Tỳ-khuru đã thọ trước 1 bát rồi cũng phải nói lại với Tỳ-khuru khác như thế. Tỳ-khuru đã thọ 3 bát rồi, thấy vị khác nên ngăn cản không cho đến thọ nữa, nếu không ngăn cản, phạm tác-ác. Tỳ-khuru đã nghe vị khác ngăn cản mà còn đi đến thọ nữa, phạm tác-ác. Tỳ-khuru ấy về đến nhà ăn, hoặc đến nơi thường thọ-thực, để cho mình 1 bát còn dư lại phải dâng đến Tăng, cho theo ý muốn mình không được (không nên cho đến người thân-thiết). Tỳ-khuru thọ được 1 bát, không muốn cho ai cũng được tùy sở thích.

5.— Ngăn vật-thực lần thứ nhất (paṭhamapavâranâ).

Tỳ-khuru đương ăn, nếu có thí-chủ đem 1 trong 5 vật thực đến dâng, ở trong khoảng 2 hắc 1 gan mà không thọ gọi là "ngăn vật thực". Tỳ-khuru đã ngăn vật thực không phải của Tỳ-khuru bình hoặc vật chưa làm theo luật (vinaya Kamma) phạm ưng-đối-trị.

CHÚ GIẢI :— Ngăn vật thực ⁽¹⁾, có 5 chi :

1. Đương khi ăn (âsanampaññâyati) ;
2. Vật ăn và vật ngăn (5 thứ vật thực) (bhojanampaññâyati) ;
3. Người dâng ở trong khoảng 2 hắc 1 gan (hatthapâsethito) ;
4. Họ dâng vật thực vào (abhiharati) ;

(1) 5 thứ vật thực nhất là : cơm và bánh làm bằng 7 thứ mẽ.

trong thúng đem để trước mặt rồi bạch như thế cũng vậy. Chỉ đến khi xúc cơm lên rồi Tỳ-khuru ngăn mới gọi là ngăn, dầu hai người đồng nhau đỡ lên cũng gọi là ngăn. Khi họ dâng đến Tỳ-khuru ngồi theo hàng-ngũ rồi Tỳ-khuru ở ngoài tiếp dậy bát, gọi là ngăn vật mà họ dâng đến người khác, vì lẽ ấy, không gọi là ngăn.

Giải về cách ngăn : Trong vật mà họ dâng đến bằng lời, thì ngăn không được. Vật mà họ dâng bằng thân, cũng phải ngăn bằng thân, như đưa tay ra chặn ngăn hoặc nói "vừa rồi, đừng dâng nữa, như thế mới gọi là ngăn".

Một người dâng canh thịt rằng : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh ". Tỳ-khuru nghe, ngăn người ấy ra, như thế không gọi là ngăn, khi nào họ nói : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh thịt ", mà Tỳ-khuru " ngăn ", mới gọi là ngăn, nếu họ nói : " xin ngài thọ vật này ", mà Tỳ-khuru ngăn cũng gọi là ngăn. Dầu họ làm thịt cho ra món khác rồi họ nói " xin thọ thịt ", nếu còn chút ít thịt bằng hột cải mà ngăn thì cũng gọi là ngăn. Họ nấu canh cá, thịt chung với mít và canh măng, rồi đem đến dâng rằng : " Bạch ngài, xin ngài thọ canh mít, canh măng ", nếu ngăn cũng không gọi là ngăn, vì họ nói tên của vật nên dùng, không sanh sự "ngăn". Nếu họ nói " xin ngài thọ canh cá, canh thịt " hoặc nói : " hãy thọ vật này " mới gọi là " ngăn ".

Ngăn vật-thực có 5 chi :

1. Tỳ-khuru đương ăn ;

2. Họ đem vật thực đến dâng nữa ;

3. Họ ở trong hắc ;
4. Họ dâng vật thực vào ;
5. Tỳ-khuru ngăn vật thực.

Như thế mới gọi là ngăn.

Trong 4 oai-nghi (nằm, đi, đứng, ngồi) Tỳ-khuru ngăn trong oai nghi nào, đừng thay đổi oai nghi ấy, ăn không có tội.

Vật dùng mà không "làm theo luật" (vinaya kamma) và không phải là vật dư của Tỳ-khuru bịnh gọi là "không phải vật dư" (anatiritta) dùng không được; vật thực đã "làm theo luật" và vật dư của Tỳ-khuru bịnh gọi là "vật dư" (atiritta) nên dùng được.

7 Cách làm theo luật (vinaya kamma) :

1. Các vật như trái cây hoặc củ mà người không được làm thành vật cho Tỳ-khuru dùng được (samanakappa)⁽¹⁾ và thịt không nên dùng, Tỳ-khuru người làm theo luật (vinaya kamma) lấy các vật không nên dùng ấy đem làm theo luật rằng : "tất cả vật này nên rời" (alametaṃ sabbam);

2. Vật mà Tỳ-khuru, người làm theo luật chưa thọ, rời làm theo luật rằng : "tất cả vật này nên rời";

3. Vật mà Tỳ-khuru đem đến cho Tỳ-khuru, người làm theo luật, làm cho thành vật nên dùng; nhưng

(1) Cách thọ-lãnh vật mà thí chủ dâng có 5:

1. Vật mà người có sức-lực, bực trung vừa đỡ lên nổi;
2. Người dâng ở trong hắc;
3. Thí chủ nghiêng mình dâng vào;
4. Chư Thiên, người hoặc thú dâng;
5. Tỳ-khuru thọ lãnh vật ấy, bằng thân hoặc bằng vật dính thân.

chưa dỡ lên, hoặc chưa dăng vào, rồi làm theo luật rằng: "tất cả vật này nên rời";

4. Tỳ-khuru đem vật đến cho Tỳ-khuru trong bộn làm theo luật ấy ở ngoài hắc, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rời";

5. Một Tỳ-khuru nào làm theo luật rằng: "tất cả vật này nên rời", nhưng Tỳ-khuru, người làm theo luật ấy, chưa ăn, rồi làm theo luật rằng: "tất cả vật nên rời".

6. Tỳ-khuru, người làm theo luật được ăn rồi, đã ngãn vật thực rồi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi, đi làm theo luật cho vị khác rằng: "tất cả vật này nên rời";

7. Tỳ-khuru, người làm theo luật nói rằng: "tất cả vật này nên rời" (alamatam sabbam).

1 trong 5 thứ vật thực nào, mà không phải là vật dư của Tỳ-khuru bịnh, vật không nên làm theo luật (7 cách trên) hoặc vật thực không phải là của dư của Tỳ-khuru bịnh, cả 2 phần vật thực ấy gọi là không phải của dư (anatorittabhojana).

Không phải vật dư (anatoritta) là nói về vật không được làm theo luật là :

1. Vật mà không được làm cho thành vật nên,
2. Vật mà Tỳ-khuru không được thọ, rồi làm cho ra vật nên;
3. Vật mà Tỳ-khuru không được dỡ lên hoặc không được dăng vào gãn cho Tỳ-khuru làm ra vật nên;
4. Tỳ-khuru ở trong hắc rồi làm;

5. Tỳ-khuru chưa được ăn rồi làm;
6. Tỳ-khuru đã ăn, rồi được ngăn vật thực rồi đứng dậy, khởi làm;
7. Vật mà Tỳ-khuru không nói "tất cả vật này nên rồi" và vật không phải của dư của Tỳ-khuru bịnh.

Cả 2 vật thực ấy gọi là "không phải vật dư" (anātiritta); vật dư (atiritta) là nói về vật đã được làm theo luật (vinaya kamma) là :

1. Vật mà họ làm cho ra vật nên;
2. Vật mà Tỳ-khuru được thọ lãnh rồi làm cho ra vật nên;
3. Vật mà Tỳ-khuru dở lên hoặc dâng vào gàn cho làm ra vật nên;
4. Tỳ-khuru ở trong hác rồi làm;
5. Tỳ-khuru đã ăn rồi mới làm;
6. Vật mà Tỳ-khuru đã ăn, ngăn vật thực rồi chưa đứng dậy khỏi chỗ, rồi làm;
7. Vật mà Tỳ-khuru nói "tất cả vật này nên rồi", và vật dư của Tỳ-khuru bịnh.

Cả 2 thứ vật thực ấy gọi là: vật dư (atiritta).

Tỳ-khuru ngăn cơm như có giải trên, nếu đã thay đổi oai nghi rồi thọ vật không phải của Tỳ-khuru bịnh, để dùng phạm tác-ác, vì thọ; ăn vào phạm ưng-đối-trị, mỗi miếng ăn. Nhứt là thọ yāmakālika⁽¹⁾ để làm vật thực, ăn ngoài bữa ăn, thế cho vật thực. Vật dư của Tỳ-khuru bịnh mà tưởng là không phải của Tỳ-khuru bịnh, hoặc nghi, phạm tội ác.

Thê thức không phạm tội :

Thọ vật-thực không phải của Tỷ-khuru bình vì nghĩ sẽ đem cho Tỷ-khuru khác làm kappiya cho, rồi mới dùng, thọ cho người khác, thọ yamakālika⁽¹⁾ sattāhakālika⁽²⁾, yāvajīvika⁽³⁾ ngoài vật-thực, dùng theo luật là đức Phật đã cho phép, và Tỷ-khuru bình đều không phạm tội.

Điều học này "không phạm tội vì dạy người (anānattika) có 3 chi :

1. Người ngăn cơm và đã ra khỏi chỗ ngồi (pavāritabhāvo);
2. Vật-thực chưa làm kappiya không phải vật dư của Tỷ-khuru bình (amisassa anarittatā).
3. Ăn trong giờ (kāle ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm ung-đối-trị.

Chỗ sanh tội (samuṭṭhāna vidhi) như trong điều-học "lễ dâng y lần thứ nhất" (paṭhamakāthina sikkhāpada). Chỉ khác nhau là điều-học này "phạm vì làm là ngăn cản, phạm vì không làm là không được làm theo (kiriya-kiriya) trước rồi mới nên ăn.

6.— Ngăn vật-thực lần thứ nhì (dutiya-pavāraṇā).

Tỷ-khuru biết rằng vị khác đã ngăn vật-thực như

(1) 8 thứ nước: nhưt là nước xoài gọi là yamakālika là vật được phép dùng trong 1 ngày 1 đêm.

(2) 5 thứ thuốc: sữa lỏng, sữa đặc, đường, mật ong, dầu gọi là: sattāhakālika là vật được phép để dùng trong 7 ngày.

(3) Ngoài vật-thực và 2 thứ thuốc trên gọi là : yāvajīvika, vật được phép dùng cho đến hết.